

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / EDITION BIMESTRIELLE SỐ N. 11 12/2002

Tâm tự bốn lai tâm
Bốn tâm phi hữu pháp
Hữu pháp hữu bốn tâm
Phi tâm phi bốn pháp.

*Tự tâm vốn là tâm
Bản tâm chẳng có pháp
Có pháp có bản tâm
Chẳng tâm chẳng bản pháp.*

Tổ thứ tư Ưu Ba Cúc Đa

La nature de soi-même c'est la conscience
Dans la nature de la conscience, n'existe aucun Dharma
Or, si le Dharma existe, la nature de la conscience existe aussi
Pourtant, pas de conscience, pas de Dharma.

Quatrième Patriarche Ưu Ba Cúc Đa

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật pháp là ở đây.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et
connaître la voie du Bouddha.

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mục Lục / Sommaire

□ Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.

□ Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Thích Minh Định.

□ Kỹ thuật máy vi tính / Technicien de l'ordinateur : Đỗ Lưu Vương.

□ Phụ tá đánh máy : Chú Trí Tuệ, Chú Hoàng Minh, Anh Trần Tiến, Cô Hiếu Thảo, Anh Nguyễn Khắc Xương, Cô Hạnh.

□ Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiếm Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.

□ Ban phát hành : Sư Cô Đàm Như, Bác Nguyễn Quang Lý, Anh Phạm Văn Lộc, Cô Lissa, Cậu Lim, Chú Trí Tuệ, Cô Vi, Anh LethongSavanh Hảo, Cô Hạnh, Cô Cẩm Vân, Chú Lê Văn Thọ, Cô Li, Cô Liên.

□ Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.

□ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.

□ La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.

□ Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.

□ Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :
Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny - France
Tel./fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr
kimquangtu@hotmail.com

□ Kinh Hoa Nghiêm	3
□ Kinh Pháp Hoa	7
□ Chú Lăng Nghiêm	10
□ Chú Đại Bi	12
□ Đại Trí Độ Luận	15
□ Thiên Thất Khai Thị	17
□ A La Hán Gặp Nạn	19
□ Phải Cứu Văn Ngộ Cơ . . .	21
□ Bà Cư Sĩ Ngộ Đạo	22
□ Ác Khẩu Lương Thiệt	24
□ Ngũ Giới Thập Thiện . . .	25
□ Le Sutra Du Dharma De La Fleur	27
□ Le Sutra Shurangama	30
□ Le Mantra Shurangama	33
□ Le Sutra Du Vajna Prajna	35
□ Le Bouddha Parle Le Sutra . . .	37
□ Chant De L'Illumination	39
□ Ouverture Du Seminaire . . .	41
□ Un Arhat Infortune	44
□ Double Conséquence . . .	45
□ Une Fidèle Bouddhiste Illuminée	47
□ Les Termes Bouddhiste	48
□ Le Souvenir de la Vie . . .	49
□ L'histoire du Bouddha	51

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN BIỂN. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN BIỂN XUẤT HIỆN BẢO QUANG. CHỦ THẦN BIỂN THÀNH KIM CANG TRÀNG. CHỦ THẦN BIỂN VIỄN LY TRẦN CẦU. CHỦ THẦN BIỂN PHỔ THỦY CUNG ĐIỆN. CHỦ THẦN BIỂN CÁT TƯỜNG BẢO NGUYỆT. CHỦ THẦN BIỂN DIỆU HOA LONG KẾ. CHỦ THẦN BIỂN PHỔ TRÌ QUANG VỊ. CHỦ THẦN BIỂN BẢO DIỆM HOA QUANG. CHỦ THẦN BIỂN KIM CANG DIỆU KẾ. CHỦ THẦN BIỂN HẢI TRIỀU LÔI ÂM.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Biển. Chủ Thần Biển tức là thần quản lý biển cả, bây giờ cử ra mười vị làm tượng trưng.

Vị Chủ Thần Biển thứ nhất tên là Xuất Hiện Bảo Quang. Vì vị này hiện ra rất nhiều quang minh báu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ hai tên là Kim Cang Tràng, vì vị này thành tựu công đức giống như kim Cang tràng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ ba là Viễn Ly Trần Cầu. Vì vị này xa lìa tất cả bụi trần dơ bẩn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ tư là Phổ Thủy Cung Điện. Vì vị này làm cho trong nước đều có cung điện, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ năm là Cát Tường Bảo Nguyệt. Vì vị này có sự cát tường giống như trăng tròn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ sáu tên là Diệu Hoa Long Kế. Vì vị này có bảo kế như diệu hoa long, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ bảy tên là Phổ Trì Quang Vị. Vì vị này có quang minh và hương vị giữ được lâu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ tám tên là Bảo Diệm Hoa Quang. Vì vị này có quang minh bảo diệm hoa, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ chín tên là Kim Cang Diệu Kế. Vì vị này có bảo kế kim Cang kỳ diệu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Biển thứ mười là Hải Triều Lô Âm. Vì vị này có diệu âm hải triều giống như sấm, cho nên được tên này.

CÓ VÔ SỐ CHỦ THẦN BIỂN NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC THẦN NÀY ĐỀU DÙNG BIỂN CÔNG ĐỨC CỦA NHƯ LAI SUNG MÃN THÂN MÌNH.

Mười vị Chủ Thần Biển này đều là thượng thủ trong Chủ Thần Biển, còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Biển. Ở trên là chúng thứ mười hai Chủ Thần Biển.

Những vị Chủ Thần Biển này, hoàn toàn dùng biển công đức của Như Lai để sung mãn trong thân của các Ngài.

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN NƯỚC. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN NƯỚC PHỔ HUNG VÂN TRÀNG. CHỦ THẦN NƯỚC HẢI TRIỀU VÂN ÂM. CHỦ THẦN NƯỚC DIỆU SẮC LUÂN KẾ. CHỦ THẦN NƯỚC THIỆN XẢO TUYỀN PHỤC. CHỦ THẦN NƯỚC LY CẦU HƯƠNG TÍCH. CHỦ THẦN NƯỚC PHƯỚC KIỀU QUANG ÂM. CHỦ THẦN NƯỚC TRI TÚC TỰ TẠI. CHỦ THẦN NƯỚC TỊNH HỈ THIỆN ÂM. CHỦ THẦN NƯỚC PHỔ HIỆN OAI QUANG. CHỦ THẦN NƯỚC HỒNG ÂM BIỂN HẢI.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Nước. Chủ Thần Nước tức là thần quản lý nước. Nay cử ra mười vị làm đại biểu.

Vị Chủ Thần Nước thứ nhất tên là Phổ Hưng Vân Tràng. Vì vị này nổi mây khắp nơi để tạo tràng báu cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ hai tên là Hải Triều Vân Âm. Vì vị này có âm thanh giống như tiếng hải triều, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ ba tên là Diệu Sắc Luân Kế. Vì kế của vị này có diệu sắc luân quang, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ tư tên là Thiện Xảo Tuyên Phục. Vì vị này dùng thần lực khéo léo làm cho nước chảy lại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ năm tên là Ly Cấu Hương Tích. Vì vị này lia khỏi tất cả pháp nhiễm ô làm cho nước trong sạch mà tích tụ hương vị, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ sáu tên là Phước Kiêu Quang Âm. Vì vị này bố thí làm phước cho chúng sinh, công đức đủ như kiêu lương. Vị này phóng quang minh, trong quang minh thuyết pháp khiến cho chúng sinh được lợi ích, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ bảy tên là Tri Túc Tụ Tại. Vì tất cả nước do vị này quản lý đều rất trong sạch, ngọt ngào, chúng sinh uống rồi thì tự nhiên đắc được tri túc tụ tại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ tám là Tịnh Hỷ Thiện Âm. Vì tất cả nước do vị này quản lý là nước cam lồ, uống rồi thì sinh tâm thanh tịnh hoan hỷ, âm thanh diệu hòa êm tai, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ chín là Phổ Hiện Oai Quang. Vì vị này có oai quang hiện khắp tất cả, khiến cho chúng sinh thấy được rồi thì sinh tâm cung kính tín ngưỡng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Nước thứ mười tên là Hống Âm Biến Hải. Vì nước do vị này quản thường phát ra tiếng hống khắp biển cả, bất cứ chúng sinh nơi nào nghe được thì đều sinh Bồ đề tâm, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN NƯỚC NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY LUÔN LUÔN CỨU HỘ VÀ LÀM LỢI ÍCH CHO CHÚNG SINH.

Mười vị Chủ Thần Nước này đều làm thượng thủ trong Chủ Thần Nước, và còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Nước. Những vị Chủ Thần Nước này luôn luôn lấy sự cứu hộ chúng sinh làm trách nhiệm của mình, làm cho tất cả chúng sinh đều đắc được lợi ích trên đây là chúng thứ mười ba Chủ Thần Nước.

LẠI CÓ VÔ SỐ CHỦ THẦN LỬA. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN LỬA PHỔ QUANG DIỆM TẠNG. CHỦ THẦN LỬA PHỔ TẬP QUANG TRĂNG. CHỦ THẦN LỬA ĐẠI QUANG PHỔ CHIẾU. CHỦ THẦN LỬA CHÚNG DIỆU CUNG ĐIỆN. CHỦ THẦN LỬA VÔ TẬN QUANG KẾ. CHỦ THẦN LỬA CHÚNG CHÚNG DIỆM NHÂN. CHỦ THẦN LỬA THẬP PHƯƠNG CUNG ĐIỆN. CHỦ THẦN LỬA THẬP HƯƠNG CUNG ĐIỆN. CHỦ THẦN

LỬA OAI QUANG TỤ TẠI. CHỦ THẦN LỬA QUANG MINH PHÁ ÁM. CHỦ THẦN LỬA LÔI ÂM ĐIỆN QUANG.

Lại có vô lượng Chủ Thần Hỏa. Chủ Thần Hỏa là thần quản lý lửa, trong vô lượng Chủ Thần Hỏa chỉ đưa ra mười vị tượng trưng.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ nhất tên là Phổ Quang Diệm Tạng. Vì quang diệm của vị này biến khắp rộng lớn, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ hai tên là Phổ Tập Quang Tràng. Vì vị này có hỏa quang phổ tập giống như trăng báu, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ ba tên là Đại Quang Phổ Chiếu. Vì quang minh của vị này chiếu khắp tất cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ tư tên là Chúng Diệu Cung Điện. Vì vị này dùng các thứ báu vi diệu để trang nghiêm cung điện, khiến cho cung điện phóng quang, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ năm tên là Vô Tận Quang Kế. Vì vị này có bảo kế phóng ra vô lượng vô tận quang minh, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ sáu tên là Chúng Chúng Diệm Nhân. Vì vị này có đủ loại diệm nhân, phát ra hào quang lửa ngọn vạn trượng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ bảy tên là Thập Phương Cung Điện. Vì vị này làm cho tất cả cung điện trong mười phương nguy nga trang nghiêm như núi Tu Di, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ tám tên là Oai Quang Tụ Tại. Vì oai lực của vị này vừa quang minh vừa tụ tại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ chín tên là Quang Minh Phá Ám. Vì quang minh của vị này có oai lực phá trừ tất cả đen tối, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Hỏa thứ mười tên là Lôi Âm Điện Quang. Vì âm thanh của vị này như sấm, quang minh của vị này như điện, cho nên được tên này.

CÓ CÁC VỊ CHỦ THẦN LỬA KHÔNG THỂ NÓI HẾT ĐƯỢC NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY ĐỀU THỊ HIỆN ĐỦ LOẠI QUANG MINH, KHIẾN CHO PHIÊN NÃO CỦA TẤT CẢ CHÚNG SINH ĐỀU TIÊU TRỪ.

Mười vị Chủ Thần Lửa này làm thượng thủ trong Chủ Thần Lửa, ngoài ra còn có rất nhiều Chủ Thần Lửa không thể tính đếm hết được.

Những vị Chủ Thần Lửa này đều thị hiện đủ loại quang minh, làm cho bệnh nhiệt não của chúng sinh đều đoạn trừ tiêu diệt.

Chúng ta cũng không biết tại sao lại sinh ra tà tri tà kiến ? Cũng không biết tại sao lại sinh ra tư tưởng không trong sạch ? Cũng không biết tại sao ? Mình không tự làm chủ được ? Đó đều là do quá khứ đã gieo trồng tội căn quá nhiều, quá sâu, cho nên mới như thế. Vậy phải làm sao ? Phải khử trừ gốc rễ vô minh, thì sẽ tiêu trừ nhiệt não. Tu hành tức là phải phá vô minh, có vô minh thì có sinh tử, không có vô minh thì chẳng có sinh tử. Ở trong mười hai nhân duyên nói rất rõ ràng. Ở trên là chúng thú mười bốn Chủ Thần Lửa.

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN GIÓ. ĐÓ LÀ : CHỦ THẦN GIÓ VÔ NGẠI QUANG MINH. CHỦ THẦN GIÓ PHỔ HIỆN DỪNG NGHIỆP. CHỦ THẦN GIÓ PHIÊU KÍCH VÂN TRÀNG. CHỦ THẦN GIÓ TỊNH QUANG TRANG NGHIÊM. CHỦ THẦN GIÓ LỰC NĂNG KIỆT THỦY. CHỦ THẦN GIÓ ĐẠI THANH BIẾN HỔNG. CHỦ THẦN GIÓ THỤ ĐIỀU THUY KẾ. CHỦ THẦN GIÓ SỞ HÀNH VÔ NGẠI. CHỦ THẦN GIÓ CHỨNG CHỨNG CUNG ĐIỆN. CHỦ THẦN GIÓ ĐẠI QUANG PHỔ CHIẾU.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Gió. Chủ Thần Gió tức là thần quản lý gió. Gió có nhiều loại hình thái, như gió nhẹ, gió mạnh. Cuồng phong thổi rất là lợi hại.

Vị Chủ Thần Gió thứ nhất tên là Vô Ngại Quang Minh. Vì quang minh của vị này không có chướng ngại, chiếu khắp thế giới, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ hai tên là Phổ Hiện Dừng Nghiệp. Vì oai lực của vị này dừng mãnh phi thường, phổ hiện khắp nơi, thổi tan ma quân, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ ba tên là Phiêu Kích Vân Tràng. Vì oai lực của vị này càng lợi hại, phiêu kích vân tràng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ tư tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm. Vì quang minh của vị này vừa thanh tịnh vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ năm tên là Lực Năng Kiệt Thủy. Vì sức lực của vị này có thể thổi khô cạn biển cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ sáu tên là Đại Thanh Biến Hổng. Vì oai lực phong thanh của vị này kinh thiên động địa, như tiếng hổng của loài thú, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ bảy là Thụ Điều Thùy Kế. Vì bảo kế của vị này như cành cây rũ xuống, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ tám là Sở Hành Vô Ngại. Vì vị này thổi gió đến đâu cũng chẳng có chướng ngại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ chín tên là Chứng Chứng Cung Điện. Vì vị này có rất nhiều loại cung điện chẳng giống nhau, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Gió thứ mười là Đại Quang Phổ Chiếu. Vì đại quang minh của vị này chiếu soi khắp tất cả, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN GIÓ NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. CÁC VỊ THẦN NÀY ĐỀU TINH TẤN DIỆT TRỪ TÂM NGÃ MẠN.

Mười vị Chủ Thần Gió này làm thượng thủ trong Chủ Thần Gió. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Chủ Thần Gió.

Những vị Chủ Thần Gió này đều tinh tấn tiêu trừ tâm ngã mạn. Ngã mạn là gì ? Tức là tự mình kiêu cần ngạo mạn, xem thiên hạ chẳng ra gì. Cho rằng mình giỏi hơn bất cứ ai. Tóm lại, ai cũng chẳng bằng mình.

Người học Phật ! Nên nhớ ! Đừng có tâm ngã mạn. Nếu có cái ngã tức là ngã mạn. Đừng dạy mọi người phải tôn kính mình, nếu dạy người phải tôn kính mình cũng là ngã mạn. Vậy thì dạy người khinh mình chẳng ? Cũng chẳng phải. Tức là không cần phải kính trọng hoặc khinh thường, tự mình tu cho mình, tự mình hành cho mình, đừng dạy người khác tôn kính mà là tự mình tôn kính mình. Phải hỏi lương tâm mình có tâm tham chẳng ? Có tâm sân chẳng ? Có tâm si chẳng ? Nếu ba thứ tâm này không đoạn trừ thì căn bản là người ngu si.

Chúng ta là người tu đạo, phải luôn luôn hồi quang phản chiếu, xem mình như thế nào ? Có sinh tâm cống cao ngã mạn chẳng ? Nếu có thì phải mau sửa đổi. Phải trở lại cầu chính mình, luôn luôn đề cao cảnh giác, phản tỉnh những gì làm trong ngày, thiện thì khởi, ác thì phải sửa đổi.

luôn luôn kiểm điểm như thế thì không thể sinh tâm
cống cao ngã mạn.

LẠI CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN KHÔNG, ĐÓ LÀ
: CHỦ THẦN KHÔNG TỊNH QUANG PHỔ CHIẾU.
CHỦ THẦN KHÔNG PHỔ DU THÂM QUẢNG.
CHỦ THẦN KHÔNG SINH CÁT TƯỜNG PHONG.
CHỦ THẦN KHÔNG LY CHƯỚNG AN TRỤ. CHỦ
THẦN KHÔNG QUẢNG BỘ DIỆU KẾ. CHỦ
THẦN KHÔNG VÔ NGẠI QUANG DIỆM. CHỦ
THẦN KHÔNG VÔ NGẠI THẮNG LỰC. CHỦ
THẦN KHÔNG LY CẤU QUANG MINH. CHỦ
THẦN KHÔNG THÂM VIỄN DIỆU ÂM. CHỦ
THẦN KHÔNG QUANG BIẾN THẬP PHƯƠNG.

Lại có vô lượng vô biên Chủ Thần Không. Chủ Thần
Không tức là thần quản lý không (khoảng không) tức là
gì cũng chẳng có, nhưng gì cũng đều có. Nghĩa là gì ?
Giống như chúng ta ở trong (khoảng) không, lại giống
như phòng xá ở trong (khoảng) không, đó gọi là khoảng
không mà chẳng không, tức là diệu hữu, hữu mà phi hữu
(có mà chẳng có), lại là chân không. Cho nên nói một
vật mà có được chẳng phải là bao bọc ở khoảng không
chăng ? Nếu nói về không, có khoảng không nào
chẳng phải là hàm tàng ở trong hữu (có) chẳng.

Thân thể của chúng ta, giống như làm chật đầy một
khoảng không. Thật ra, thân thể của chúng ta cũng là
không, bất quá có hình tướng mà thôi. Vì có một
chướng ngại vật bên cảm thấy có. Thực ra, có tức là
không, không tức là có. Chân không chẳng ngại diệu
hữu, diệu hữu chẳng ngại chân không, cho nên nói
chân không chẳng không, diệu hữu phi hữu. Chân
không chẳng không, cho nên gọi diệu hữu, diệu hữu
phi hữu cho nên gọi chân không.

Khoảng không chẳng có dụng gì, nhưng dụng gì cũng
đều từ trong khoảng không sinh ra. Ví như chúng ta
ngồi thiền thì quán không, bên trong thì quán tâm, tâm
chẳng có tâm, bên ngoài thì quán hình, hình chẳng có
hình, ở xa thì quán vật, vật chẳng có vật. Ba thứ đều
không. Trong chẳng có tâm tâm, ngoài chẳng có thể
giới. Lúc này, còn có cái gì ? Tức có cái không.
Nhưng tuy nhiên nói là không, thế mà tất cả chúng
sinh đều tồn tại ở trong không. Nói nó là không, nó lại
là có, nói nó là có, nó lại là không.

Không chẳng có bờ mé, tất cả đều không. Chẳng có ai
quản lý, cho nên tìm thần lại quản lý. Bạn có không của
bạn, tôi có không của tôi, không của bạn không thể phá

hoại không của tôi, không của tôi không thể phá
hoại không của bạn, không và không đều viên dung
vô ngại.

Vị Chủ Thần Không thứ nhất tên là Tịnh Quang
Phổ Chiếu. Vì vị này có quang minh thanh tịnh,
chiếu khắp tất cả, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ hai tên là Phổ Du Thâm
Quảng. Vì vị này du hành khắp hư không, quán
tất cả pháp rất sâu rộng, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ ba tên là Sinh Cát
Tường Phong. Vì gió do vị này sinh ra đều cát
tường, ai gặp phải gió cát tường thì sẽ cát tường,
cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ tư tên là Ly Chướng An
Trụ. Vì vị này lia khỏi chướng ngại, an trụ nơi
bất động địa, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ năm tên là Quảng Bộ
Diệu Kế. Vì vị này đi bộ rất nhanh, lại có kế diệu
quang, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ sáu tên là Vô Ngại
Quang Diệm. Vì Quang Diệm của vị này chiếu
khắp, tờ hào chẳng có chướng ngại, cho nên được
tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ bảy tên là Vô Ngại
Thắng Lực. Vì sức lực của vị này thắng hết tất cả
mà không chướng ngại, cho nên được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ tám tên là Ly Cấu Quang
Minh. Vì vị này rời khỏi trần cấu, cho nên hiện
ra quang minh, do đó được tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ chín tên là Thâm Viễn
Diệu Âm. Vì âm thanh của vị này không những
rất hay mà còn vang rộng sâu xa, cho nên được
tên này.

Vị Chủ Thần Không thứ mười tên là Quang Biến
Thập Phương. Vì quang minh của vị này chiếu
khắp mười phương, cho nên được tên này.

CÓ VÔ LƯỢNG CHỦ THẦN KHÔNG NHƯ
VẬY LÀM HUỆNG THỦ. CÁC VỊ THẦN
NÀY TÂM ĐỀU XA LIA TRẦN CẤU, TÂM
LƯỢNG RỘNG LỚN, QUANG MINH TRONG
SÁNG.

Mười vị Chủ Thần Không này làm thượng thủ
trong chúng Chủ Thần Không.

Những vị Chủ Thần Không này tâm đều xa lia
trần cấu nhiễm ô, cho nên tâm lượng rộng lớn
phóng quang minh trong sáng. Ở trên là chúng
thứ mười sáu Chủ Thần Không. (còn
tiếp)

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Trước mỗi bộ Kinh đều có sáu thành tựu, đó là : Tin thành tựu, nghe thành tựu, thời thành tựu, chủ thành tựu, xứ thành tựu, và chúng thành tựu. Có sáu thứ thành tựu này, Phật mới nói pháp. Nếu thiếu một trong sáu thứ không thành tựu, thì không thể nói pháp.

ĐỀU LÀ A LA HÁN, CÁC LẬU ĐÃ HẾT, CHẴNG CÒN PHIỀN NÃO. SỚM ĐƯỢC LỢI MÌNH. HẾT NHỮNG SỰ RÀNG BUỘC TRONG CÁC CÔI, TÂM ĐƯỢC TỰ TẠI.

"Đều là A la hán", đây là khen ngợi công đức của bậc A la hán. A la hán là tiếng Phạn, cũng có ba ý nghĩa như Tỳ Kheo. Tỳ Kheo tức là nhân của A la hán, A la hán tức là quả của Tỳ Kheo.

1. Ứng cúng : Lúc tại nhân địa thì Tỳ Kheo là khát sĩ. Tại quả địa thì A la hán là ứng cúng, tức là xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của trời người. Cũng gọi là "cúng ứng", tức là đi cúng dường những Tỳ Kheo khác. Lúc Phật còn ở đời, thì tất cả Tỳ kheo đều cúng Phật, nhưng có một lần nọ, Phật biến thành một đạo nhân chuyển sự cúng dường đến tất cả các vị Tỳ kheo, cho nên gọi là "cúng ứng".

2. Sát tặc : Giết tặc vô minh, tặc phiền não, tặc mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu tên tặc. A la hán hoàn toàn tiêu diệt giết sạch hết những tên tặc này. Chẳng những giết "tặc", mà cũng giết "chẳng phải tặc".

Thế nào là "chẳng phải tặc" cũng giết ? Vì những thứ đó hàng tiểu thừa nhận rằng chẳng phải tặc,

nhưng tại Phật và Bồ Tát nhìn lại thì cũng đều là tặc, cho nên "chẳng phải tặc" cũng phải giết.

3. Vô sinh : Chúng được tứ quả A la hán, thì ngộ vô sinh pháp nhẫn. Ở trong ba ngàn đại thiên thế

giới, chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Cảnh giới này nói chẳng ra, giảng chẳng được, nhưng chỉ có thể nhẫn thọ nơi tâm, cho nên gọi là vô sinh pháp nhẫn.

A la hán có bốn bậc : Sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả.

Sơ quả A la hán còn gọi là quả Tu đà hoàn, là bước đầu tiên của A la hán. Chúng được sơ quả A la hán, thì sinh tử vẫn chưa dứt. Cho nên gọi là "kiến đạo vị" (bậc thấy đạo). Tu đà hoàn là tiếng Phạn, dịch là "nhập lưu", nhập vào dòng Thánh nhân pháp tính, ngược dòng phàm phu sáu trần. Sáu trần tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc trần : Người chúng được sơ quả chẳng nhập vào sáu trần, bậc ấy có một thứ định lực, bất cứ sắc đẹp nào ở trước mắt, cũng chẳng động tâm. Thanh trần : Một số người thích nghe tiếng âm nhạc ca khúc êm tai. Nhưng người chúng được sơ quả, bất cứ tiếng hay dở tốt xấu thị phi, cũng đều chẳng lay động, chẳng bị thanh trần lay chuyển, mà chuyển được thanh trần. Hương trần : Con người thích ngửi hương thơm, nhưng mùi hôi thối thì khởi tâm chán ghét, có tâm hoan hỷ và chán ghét, thì có tâm thích ghét, khởi tâm thích ghét thì bị hương trần lay chuyển. Vị trần : Bình thường con người ăn vật ngon, thì ham ăn nhiều, nhưng khi ăn đến vật không ngon thì không thích ăn, đó lại bị vị trần lay chuyển. Xúc trần : Người bình phàm tham trước xúc giác, cho đến tham luyến tình ái giữa nam nữ không xả bỏ, tham trước xúc chạm vàng bạc báu vật mỹ lệ nhỏ nhắn. Đó đều là nhìn chẳng xuyên thủng, không chuyển được xúc trần. Pháp trần : Chấp trước vào đủ thứ pháp, đó tức là pháp trần. Sơ quả A la hán chẳng bị sáu trần ở trên lay chuyển, bậc ấy đạt đến cảnh giới này.

Nếu có người nói họ tự chứng quả hoặc đắc đạo khai ngộ, phải chứng nghiệm họ có chân thật chăng, thì làm cho họ một phần thức ăn ngon

thượng hạng, và một phần thức ăn khó ăn nhất. Xem thử họ chọn món nào ? Nhưng đừng cho họ biết bạn đang thử họ, nếu họ biết được, thì họ sẽ chuyên ăn món thức ăn khó ăn, cũng là bị hưởng vị trần lay chuyển. Đây tức là tạo tác, đeo mặt giả để lường gạt người. Vì chẳng bị vị trần lay chuyển, dù một chút phân biệt lựa chọn cũng chẳng có, ngon dở đều ăn, đó mới có thể chứng minh người tu hành có một chút công phu. Cho nên chúng được sơ quả Thánh nhân thì phải có sự chứng cứ, chẳng phải ai cũng có thể nói mình đã chứng quả khai ngộ.

Nhị quả A la hán còn gọi là quả Tư đà hàm, Tư đà hàm là tiếng Phạn, dịch là "Nhất lai", nếu như không hướng về trước tu hành, thì vẫn còn phải một lần sinh lên cõi trời, một lần sinh xuống nhân gian, cho nên nhị quả là quả nhất lai. Sơ quả thì còn bảy lần thọ sinh tử.

Tam quả A la hán gọi là quả A na hàm, cũng là tiếng Phạn, dịch là "Bất lai", chẳng còn thọ sinh tử trong cõi dục nữa. Sơ quả là "bậc thấy đạo", nhị quả và tam quả là "bậc tu đạo", tứ quả là "bậc vô học", không cần học nữa, đã chấm dứt sinh tử. Nhưng tứ quả chỉ đoạn được "phần đoạn sinh tử", còn "biến dịch sinh tử" vẫn chưa đoạn trừ được. Bây giờ giải thích sơ lược về hai loại sinh tử :

1. Phần đoạn sinh tử : Mỗi người đều có một phần thân hình của mình, thân hình đó đều có sự phân biệt, mạng sống đều có sự giới hạn.
2. Biến dịch sinh tử : Ở trong tâm, niệm trước diệt, thì niệm sau sinh, niệm sau diệt, thì niệm sau nữa lại sinh, niệm niệm sinh diệt biến đổi không ngừng. Bồ Tát đã đoạn trừ được biến dịch sinh tử.

Người chúng được tứ quả A la hán, thì có thần thông biến hoá không thể nghĩ bàn, cảnh giới vi diệu khó tả. Ngài có ngũ nhãn lục thông, lại có thể vọt thân lên hư không mà đi. Ngài có thể trên thân phun ra lửa, dưới thân phun ra nước; trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa. Tóm lại, ở trong hư không Ngài có mười tám thần thông biến hoá. Vì tứ quả A la hán có thần thông, cho nên liệt vào một trong bốn bậc Thánh trong Phật giáo : Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn.

Trước kia có một vị A la hán, dẫn theo một vị đệ tử mới thu nhận đi du lịch, vị đệ tử đó mang hành lý đi trên đường bèn nghĩ : "Hành Bồ Tát đạo là tối vô thượng, ta nhất định phải phát tâm tu Bồ Tát đạo,

để độ tất cả chúng sinh". Vị đệ tử nghĩ như thế, thì vị A la hán lập tức biết được. Bèn nghĩ : "Vị đệ tử hiện tại phát tâm Bồ đề, mà ta chỉ là A la hán, ta phải mang hành lý". Do đó bèn lấy hành lý từ vị đệ tử và mang trên vai. Đi được một đoạn đường, vị đệ tử lại nghĩ : Ngài Xá Lợi Phất vừa mới hành Bồ Tát đạo, thì có người đến xin Ngài con mắt, móc ra con mắt trái cho, thì người đó không muốn, còn nói không phải, nói là muốn con mắt bên phải. Ôi ! Bồ Tát đạo thật là khó hành khó nhẫn. Hay là ta không nên tu Bồ Tát đạo, mà tu pháp A la hán, làm tự liễu hán cho xong". Vị Thầy A la hán lập tức biết được tâm niệm của đệ tử từ lớn lùi xuống nhỏ, cho nên đưa hành lý lại cho vị đệ tử mang. Vị đệ tử mang hành lý chưa được bao lâu, lại phát khởi lại tâm Bồ Tát, vị A la hán biết, lại mang hành lý thế cho vị đệ tử. Cứ đưa qua lấy lại như vậy mấy lần, khiến cho vị đệ tử nghĩ rất là kỳ lạ, bèn hỏi : "Sư phụ ! Một lúc thì Thầy mang hành lý, một lúc lại đưa cho con, bây giờ Thầy lại mang, đó chẳng phải là làm phiền chăng, con thật không hiểu". Vị A la hán đáp : "Trên đường đi, có lúc con phát tâm Bồ Tát, hồi tiểu hướng đại, cho nên hành lý phải đưa cho ta người hành pháp A la hán mang. Đi được một đoạn đường, con lại hồi đại hướng tiểu, chẳng muốn tu Bồ Tát đạo mà muốn tu pháp A la hán, cho nên hành lý phải đưa cho con mang. Hiện tại con lại phát khởi tâm lớn, thì hành lý phải đưa cho ta mang". Vị đệ tử nghe xong, mới biết sư phụ của mình thật sự có lai lịch, do đó vị đệ tử phát tâm đại Bồ đề, hành Bồ Tát đạo.

Khi kết tập Kinh điển Tôn Giả A Nan chưa chứng được tứ quả, chưa đắc được lậu tận thông. Lúc kết tập tạng Kinh, mọi người tuyên bố rõ, chỉ có những người chứng được tứ quả A la hán mới có thể tham gia. Mà Tôn Giả A Nan chỉ chứng được tam quả, cho nên mọi người chẳng cho Ngài A Nan vào. Ngài đứng ở ngoài cửa lo lắng vạn phần, nghĩ : "Biết làm sao ? Hết thầy Kinh điển của Phật nói, ta đều nhớ hết. Nhưng bây giờ chỉ vì ta chưa chứng được tứ quả A la hán, nên không thể tham gia pháp hội kết tập tạng Kinh, làm thế nào bây giờ ?" Trong lúc cấp bách như thế, thì Ngài lập tức chứng được tứ quả A la hán. Do đó Ngài nói : "Tôi hiện tại đã chứng được tứ quả A la hán rồi, các Ngài hãy mở cửa cho tôi vào đi !" Các vị đại A la hán ở bên trong nói : "Nếu ông chứng

được tú quả thì cần gì phải mở cửa để vào ? Ông hãy vào lỗ ổ khoá cửa đi !" Ngài A Nan nghe, nghĩ : "Đúng đó ! Hà tất phải mở cửa ?" Do đó Ngài bèn vận dụng thần thông đi vào lỗ ổ khoá cửa. Cho nên người chứng được quả A la hán, ra vào không cần phải mở cửa. Nếu có người nói đã chứng quả, nhưng phải mở cửa mới có thể ra vào, thì biết người đó đại vọng ngữ, nói lời giả dối.

Chúng được tú quả A la hán mới có thể sạch hết các lậu, phiền não tức là lậu, có tám vạn bốn ngàn thứ phiền não, thì có tám vạn bốn ngàn thứ lậu. Sinh ra phiền não tức là lậu đi xuống, gọi là hữu lậu, rút (lậu) xuống cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Hết thấy tất cả mao bệnh, tâm dục niệm, tham luyến mỹ vị, tiếng hay, nhà tốt, xe cộ .v.v. , đều gọi là lậu. Những gì bạn ưa thích tham muốn, hoặc buông bỏ chẳng được, đều gọi là lậu. Hết thấy tập khí ác mao bệnh quái lạ, như thích hút thuốc, uống rượu, bài bạc, tìm người nữ, đó đều gọi là lậu. Người nữ thích tìm người nam cũng là lậu, người nữ mỗi tháng đều có kinh nguyệt, cho nên người nữ càng nhiều lậu. Người nam chẳng buông bỏ được tâm dâm dục, đây gọi là lậu lớn nhất. Thân thể của chúng ta thì gọi là thân hữu lậu, mắt, tai, mũi, miệng, nơi đại tiểu tiện đều gọi là lậu. Nói rõ ra là trong tâm của bạn khởi vọng tưởng, giữ gìn chẳng được tinh khí thần của chính mình, đây gọi là lậu.

Những thú lậu này cũng giống như dưới đáy bình có lỗ hỏng, có bao nhiêu nước trong bình đều rỉ ra hết bấy nhiêu, làm được bao nhiêu công đức thì lậu ra hết bấy nhiêu. Lậu có quá nhiều, đếm cũng đếm không hết, kỳ thật chẳng phải chỉ có tám vạn bốn ngàn thứ. Song, bậc A la hán đã hết các lậu, "Đã hết" chẳng phải nói là đã lậu hết ; mà là đã hoàn toàn chẳng còn lậu nữa. Chẳng phải nói lậu ra hết, thì gọi là hết ; mà là vốn đã chẳng còn lậu nữa, vốn chẳng lậu nữa, đây mới gọi là "hết lậu". Cho nên mọi người xem Kinh phải đặc biệt hiểu rõ ý nghĩa này. Lậu tận thông tức là các lậu đã hết, phải chứng được tú quả A la hán mới đắc được. Hiện tại một vạn hai ngàn vị đại A la hán, các lậu đều đã hết, bậc Thánh nhân chẳng còn chút tập khí mao bệnh nào.

(còn tiếp)

☐ Vì sao thế giới sẽ có ngày bị hủy diệt ? Vì người ta có tâm niệm thiện thì ít, mà tâm niệm ác thì nhiều. Sinh một ý niệm tốt thì trời đất sinh thêm chính khí. Khởi một niệm ác thì trời đất tăng thêm độc khí. Mình phải biến khí xấu thành khí tốt lành.

☐ Nổi nóng là ác. Không nổi nóng là thiện.

Hoà Thượng Tuyên Hoá

CHÚ LẶNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

15. NAM MÔ LÔ KÊ A LA HÁN ĐA NẮM.

Kê : Ứng cúng sát tặc ky vô sinh
Thế gian phước điền tu lực canh
Tài bồi vô thượng bồ đề quả
Hoặc tận chân thuần Phật đạo thành.
Tạm dịch :

*Ứng cúng sát tặc đến vô sinh
Ruộng phước thế gian cần phải làm
Tài bồi quả bồ đề vô thượng
Hết hoặc thuần chân thành Phật đạo.*

Giải : Lô Kê dịch là "thế gian", A La Hán cũng là tiếng Phạn dịch là "Ứng cúng, sát tặc, vô sinh", ba ý nghĩa. A La Hán là Tỳ Kheo chứng quả. Nhân địa thì tỳ kheo nghĩa là khát sĩ, bố ma và phá ác. Chứng quả thì thành A La Hán nghĩa là ứng cúng, sát tặc và vô sinh. Ứng cúng nghĩa là xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường của trời người. Sát tặc tức là giết tặc phiền não. Vô sinh tức là không còn thọ sinh tử nữa, đắc được vô sinh pháp nhẫn. "*Ruộng phước thế gian cần phải làm*". A La Hán tức là phước điền tăng của thế gian, tất cả chúng sinh thế gian đều nên cúng dường A La Hán, nên trồng phước điền, dùng sức trồng trọt ruộng phước. "*Tài bồi quả bồ đề vô thượng*". Bạn phải thường thường thêm nước mới có thể đắc được

quả giác đạo. "*Hết hoặc thuần chân thành Phật đạo*". Thô hoặc, tế hoặc, trần sa hoặc đều đoạn sạch, thì tự tính thuần chân hiện ra liền thành Phật đạo.

16. NAM MÔ TÔ LÔ ĐA BA NA NĂM.

Kê : Kim nhập Thánh nhân pháp tính lưu
Bội nghịch phạm phu lục trần du
Kiến hoặc đoạn trừ chúng sở quả
Kế tục tinh tấn đại từ thuyền.

Tạm dịch :

*Nay nhập dòng Thánh nhân pháp tính
Quay ngược dòng phạm phu sáu trần
Dứt trừ kiến hoặc chúng sở quả
Tiếp tục tinh tấn đại từ.*

Giải : Đây là nói kính lễ sơ quả Tu Đà Hoàn. Tô Lô Đa tức là "nhập vào dòng Thánh nhân pháp tính", hợp với Thánh nhân mà làm một. Ba Na dịch là "nghịch, ngược dòng phạm phu sáu trần", không còn lưu chuyển trong sáu trần. "*Đoạn trừ kiến hoặc chúng sở quả*". Sơ quả thánh nhân đoạn tám mươi tám phẩm kiến hoặc, không phải tự mình nói tôi chứng được sơ quả, như vậy thì không đúng. Chứng sơ quả Thánh nhân thì có thần thông, sơ quả có thần thông, có thể không rời bốn vị giáo hóa chúng sinh, đi thì chân không đụng đất, cho nên hết thủy trùng, kiến đều không thọ thương, nhậm vận không sát sinh, nhậm vận không phạm giới. "*Tiếp tục tinh tấn đại từ thuyền*". Nhưng còn phải tiếp tục nỗ lực, tinh tấn tu hành, dùng thuyền nguyện lực đại từ đến bờ kia.

17. NAM MÔ SA YẾT LỊ ĐÀ GIÀ DI NĂM.

Kê : Danh nhất vắng lai thật bất lai
Tu hoặc đoạn tận toạ liên đài
Không trung thường hiện thập bát biến
Thủ giới tha phương bách vạn cai.

Tạm dịch :

*Gọi một lần đến mà chẳng đến
Tu hoặc đoạn sạch ngũ đài sen
Không trung thường hiện mười tám biến
Du hí tự tại không chuông ngại.*

Giải : Câu này dịch là "kính lễ bậc nhất vắng lai" tức là nhị quả Thánh nhân. Nghĩa là còn một lần sinh về cõi trời, một lần sinh lại nhân gian nữa thì chứng quả A La Hán. Thực tế thì bất lai. "*Tu hoặc đoạn sạch ngũ đài sen*". Sơ quả đoạn sạch tám mươi tám phẩm kiến hoặc, nhị quả đoạn tám mươi một phẩm tư hoặc. Sơ quả, nhị quả, tam quả đều là bậc hữu học, chứng được tứ quả thì là bậc vô học, mới thật chân chánh chấm dứt sinh tử, đắc được vô sinh pháp nhẫn, không thấy chút pháp sinh, cũng không thấy chút pháp diệt. Kiến hoặc tức là đối cảnh khởi tham ái, đối trước cảnh giới thì chấp trước mê hoặc, không biết sự việc như thế nào, cho nên sinh tâm tham, tâm ái, thấy tiền bạc thì muốn được tiền bạc, thấy sắc đẹp thì muốn được sắc đẹp, đó đều là "kiến hoặc" đều là thấy cảnh giới, không thấy thì không mê, thấy được thì không làm chủ được, hồ đồ, bị cảnh giới chuyển. Tại cảnh giới, hết thấy sự việc đến thì không nhận thức. Tư hoặc thì đối với lý không nhận thức, bị mê, không biết là đúng hay là không đúng, mê ở lý luận, cho nên đủ thứ vọng tưởng bèn sinh ra, đây gọi là "tư hoặc". Cho nên mê nơi lý khởi phân biệt, càng phân biệt càng không minh bạch, càng không minh bạch càng phân biệt, hồ đồ lại thêm hồ đồ, ngu si thêm ngu si, tư hoặc đoạn sạch thì ngồi đài sen, ngồi trên hoa sen báu. "*Không trung thường hiện mười tám biến*". Nhị quả Thánh nhân có thể thân vọt lên hư không hiện mười tám biến, trên thân phun nước, dưới thân phun lửa, dưới thân phun nước, trên thân phun lửa, biến hóa lớn nhỏ bay đi tự tại, muốn làm gì thì làm. "*Du hí tự tại không chuông ngại*". Bậc ấy không những ở tại thế giới này, mà còn có thể đến các thế giới khác, có thể giảng Kinh thuyết pháp tại thế giới này, giáo hóa chúng sinh, lại đến thế giới khác giảng Kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh, đồng thời ở tại các thế giới đều hiện thân thuyết pháp.

18. NAM MÔ LÔ KÊ TAM MIỆU GIÀ ĐA NĂM.

Kê : Nhất thiết thế gian Hiền Thánh Tăng
Chánh Đẳng Chánh Giác Đại Trí Tôn
Quy mạng đánh lễ cầu nhiếp thọ
Viên mãn bồ đề bất giảm tăng.

Tạm dịch :

*Tất cả Hiền Thánh Tăng thế gian
Chánh Đẳng Chánh Giác bậc đại trí*

*Quy mạng đánh lễ cầu nhiếp thọ
Viên mãn bồ đề không tăng giảm.*

Giải : Tam Miệu dịch là "chánh đẳng", Tam Bồ Đề dịch là "chánh giác". Đây là quy y tất cả Thánh hiền chánh đẳng chánh giác. Cho nên nói quy y "*Tất cả Thánh Hiền Tăng thế gian*". Thánh Hiền Tăng tức là Quán Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Văn Thù Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát, Địa Tạng Bồ tát, các đại Bồ tát. "*Chánh đẳng chánh giác bậc đại trí*". Đây là những bậc đại trí huệ. "*Quy mạng đánh lễ cầu nhiếp thọ*". Thân tâm quy mạng đánh lễ, năm thể sát đất, cầu tất cả Hiền Thánh Tăng, bậc đại trí huệ đến nhiếp thọ. "*Viên mãn bồ đề không tăng giảm*". Tương lai con cũng sẽ thành vô thượng chánh đẳng chánh giác được bồ đề viên mãn, quả vị Phật, cũng không tăng, cũng không giảm.

19. TAM MIỆU GIÀ BÀ LA.

Kệ : *Bất hoàn dục giới chúng Niết Bàn
Liễu tri vạn pháp triệt để nguyên
Vô chúng vô tri thường thanh tịnh
Phi động phi tĩnh lìa thuyết ngôn.*

Tạm dịch :

*Không lại dục giới chúng Niết Bàn
Thấu rõ triệt để gốc vạn pháp
Vô thức vô tri thường thanh tịnh
Chẳng động chẳng tĩnh bặt lời lẽ.*

Giải : Tam Miệu cũng là "chánh đẳng", Già Bà La dịch là "bất hoàn", không trở lại dục giới, chúng được Niết Bàn bờ bên kia. "*Thấu rõ triệt để gốc vạn pháp*". Sao các bậc ấy không trở lại ? Vì các bậc ấy minh bạch tất cả vạn pháp, thấu triệt đáy nguồn của các pháp, minh bạch căn bản các pháp. "*Vô thức vô tri thường thanh tịnh*". Tại cảnh giới này cũng không suy không nghĩ, chẳng có suy nghĩ gì, chẳng có phiền não gì hết. "*Chẳng động chẳng tĩnh bặt lời lẽ*". Cũng không động cũng không tĩnh, cũng không có gì để nói. (còn tiếp)

Tiếp theo kỳ trước

37. Thất Na Thất Na.

"Thất Na Thất Na" cũng là Phạn ngữ, dịch ra nghĩa là "đại trí huệ", còn gọi là "hoàng thệ nguyện".

Đại trí huệ này là Bảo Kính Thủ Nhân ở trong 42 Thủ Nhân. Bảo Kính là gương báu, cũng là ví dụ "đại viên cảnh trí" của Phật. Đại viên cảnh trí của Phật cũng giống như Bảo Kính Thủ. Do đó dịch ra ý nghĩa gọi là đại trí huệ. Còn gọi là hoàng thệ nguyện. Hoàng cũng là lớn.

Đại trí huệ là gì ? Chúng sinh thì khởi vọng tưởng, còn Phật thì không có vọng tưởng. Sự nghĩ của Phật là do trí huệ phát ra, là trí huệ Bát Nhã chân chánh. Trí Bát Nhã là một thứ trí đại quang minh, một thứ đại quang minh. Vì sao có đại quang minh ? Vì có trí huệ chân chánh. Nếu chúng ta có trí huệ chân chánh thì có quang minh, nếu người ngu si thì họ sẽ đen tối. Quang minh tức là ánh sáng mặt trời, đen tối tức là âm khí. Vì sao bạn ngu si ? Vì bạn âm khí quá thịnh. Vì sao bạn thông minh ? Vì bạn thịnh ánh sáng mặt trời. Cho nên đại trí huệ này chẳng giống như tư tưởng của một số người; mà biện rõ được thị phi, chẳng cần hỏi ai, thấy thì biết ngay : "Như thế này thì không đúng, như thế kia thì đúng". Đường không đúng thì không đi, đường đúng thì tiến bước tu hành.

Tu hành trước hết phải có đại trí huệ, có đại trí huệ thì biện rõ được thị phi, biết "phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi". Bạn không thể biết rõ đây là việc không đúng mà bạn vẫn muốn làm. Bạn biết rõ là phạm giới mà bạn vẫn muốn thử xem có phạm hay không phạm, đó là ngu si nhất, chẳng có trí huệ. Bạn nói : "Chẳng phải ! tôi có trí huệ, song lúc đó lỡ làm sai". Lúc đó bạn làm sai thì lúc đó là ngu si, tức là chẳng có trí huệ; người có đại trí huệ thì chẳng nghĩ tưởng điên đảo. Cho nên Ngài A Nan mới nói : "Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng, bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân." Nghĩa là : "Tiêu diệt nghĩ

tưởng điên đảo của con trong ức kiếp, chẳng trải qua số kiếp A tăng kỳ mà đắc được pháp thân". Ưc kiếp ở đây chẳng phải là một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, năm kiếp hoặc là một trăm kiếp, một ngàn kiếp, một vạn kiếp mà nó không ra bao nhiêu đại kiếp.

Tại sao trong tâm của chúng ta có nhiều vọng tưởng? Vọng tưởng trước diệt thì vọng tưởng sau sinh ra, vọng tưởng sau diệt thì vọng tưởng sau nữa lại sinh ra, giống như sóng biển. Sóng ở trong biển tức là vọng tưởng của con người; vọng tưởng của chúng ta tức cũng là sóng ở trong biển. Bạn thấy biển thì cho rằng nó là vật chết, phải chăng? Biển không ra khỏi tâm của chúng ta, chúng sinh đều ở trong tâm của chúng sinh. Bạn thấy sóng trong biển không ngừng, vọng tưởng của chúng ta cũng giống như sóng, cái này diệt thì cái khác đến, cái khác nữa lại đến, vô cùng vô tận, nối tiếp không ngừng, cái sau theo cái trước, ai cũng chẳng lạc về sau, đều nghĩ chạy về phía trước, đó là vọng tưởng.

Tại sao lại có vọng tưởng? Vì chẳng có trí huệ. Nếu bạn có trí huệ thì sóng cũng chẳng có, "sóng yên, gió lặng", trong biển chẳng có sóng cũng giống như người tu hành đắc được định lực. Một khi đắc được định lực thì nước trí huệ sẽ hiện tiền, chẳng có sóng, chẳng có vọng tưởng. Lúc đó mới thật là thanh tịnh, thật là chẳng nhiễm một bụi trần, vạn tứ lự đều không, đó là biểu hiện đại trí huệ hiện tiền. Người có đại trí huệ thì làm việc gì cũng đều thành công; còn người chẳng có trí huệ thì làm việc gì cũng đều thất bại, cho nên trí huệ là quan trọng nhất.

Ngu si là gì ? Vô minh tức là ngu si, ngu si tức là vô minh. Khi vô minh sinh ra thì bạn chẳng minh bạch. Cho nên có những người làm việc sai lầm, hỏi y rằng : "Tại sao bạn làm như thế ?" Y nói : "Tôi không biết". Đó là gì ? Tức là ngu si, chẳng có trí huệ, là vô minh.

Song, do vô minh làm ra việc sai mà mình còn không thừa nhận là vô minh, họ nói "I know ! Tôi

biết". Biết mà còn làm sai ? Bạn thấy có kỳ quái chẳng ? Đó tức là người ngu si ! Chẳng có đại viên cảnh trí tức cũng chẳng tu Bảo Kính Thủ Nhân. Nếu bạn có Bảo Kính Thủ Nhân thì không ngu si. Bất cứ những gì đến, ma đến thì chém ma, Phật đến thì chém Phật, giống như bạn cầm một thanh kiếm bén, bất cứ việc gì đến thì thanh kiếm đều chặt đứt. Đại trí huệ cũng giống như thanh kiếm báu.

Có người nói thanh kiếm trí huệ rất nặng, chẳng dễ gì cầm lên. Bạn không cầm, chứ nếu bạn cầm thì chẳng phí sức; bạn không cầm thì nhẹ cũng là nặng; bạn cầm lên thì nặng cũng là nhẹ. Tại sao? Bạn cầm lên thì nặng cũng biến thành nhẹ. Nếu bạn cầm thanh kiếm trí huệ lên thì tất cả cảnh giới đến đều chém sạch, việc gì cũng chẳng có vấn đề. Cho nên tôi thường nói : "Everything's ok", tức cũng là đạo lý này. Nếu bạn không thể nào everything's ok thì bạn chẳng có thanh kiếm trí huệ, cho nên bạn không thể okay được. Nếu bạn có thanh kiếm trí huệ thì việc gì cũng chẳng có vấn đề. Bạn thấy bất cứ vấn đề gì mà gì cũng đều chẳng có vấn đề, đó là chỗ diệu.

Trên thế giới này, hết thảy tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa, y báo, chánh báo đều không ra ngoài một tâm niệm hiện tiền của chúng ta. Y báo là gì ? Tức là sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc. Chánh báo là gì ? Tức là thân thể của chúng ta đang thọ quả báo ở đây. Nếu bạn minh bạch thì tức cũng chẳng có vô minh; chẳng có vô minh tức là có đại trí huệ. Cũng giống như tấm gương, "vật đến thì chiếu", cảnh vật gì đến đều hiện ra; "vật đi thì lạng", cảnh vật đi rồi thì chẳng còn nữa.

Cho nên người có trí huệ gặp cảnh giới gì đến thì thuận theo cảnh giới đó, xử lý xong thì trong tâm của họ chẳng tồn tại. Tuy là chẳng tồn tại, song le thường hiện; tuy thường hiện mà chẳng tồn tại. Chẳng phải giống như chúng ta, chẳng có trí huệ, có một việc gì đến thì dùng đến gân não, đặc biệt chú ý nhớ việc đó hoặc là đọc nhiều lần. Giống như hôm nay giảng về "Y Hê Di Hê, Thất Na Thất Na", đọc một lần thì chẳng nhớ, đọc hai lần, ba lần, đọc mấy trăm lần "Thất Na, Thất Na, Thất Na" mới nhớ, đó là miễn cưỡng. Không miễn cưỡng thì thấy một lần liền nhớ, không bao giờ quên, đây gọi là lọt qua mắt không quên. Vì sao lọt qua mắt không quên ? Vì nó giống như tấm gương.

Người có trí huệ thì biết được tất cả mọi vật đều ở trong tâm của mình, cho nên cũng chẳng có tâm tham, chẳng có tâm sân, chẳng có tâm si, chẳng có

tâm ngã mạn, chẳng có tâm hoài nghi. Tại sao? Đó đều là duy tâm sở hiện ! Ở trong tâm vốn có mọi vật, bất cứ vật tốt cũng chẳng có vấn đề, vật xấu cũng chẳng có vấn đề, tất cả đều chẳng có vấn đề.

Song, cảnh giới này nói ra rất là dễ dàng, khi làm cũng phải dùng một chút công phu mới có thể đắc được. Cảnh giới này nếu người chẳng có công phu thì sẽ nói : "Đối với tất cả mọi việc tôi cũng chẳng có vấn đề gì". Bên ngoài chẳng có vấn đề, song bên trong phát sinh vấn đề, ở bên trong của bạn với bạn đánh nhau. Do đó người có trí huệ chân chánh rất là ít.

Hơn nữa, nếu người đó có đại trí huệ thì hãy xem là trí huệ thế gian hay là trí huệ xuất thế gian. Trí huệ thế gian tức là thế trí biện thông, họ rất khéo ăn khéo nói, chẳng có đạo lý, họ cũng nói rất có đạo lý. Người chẳng có trí huệ nghe thì cho rằng : "Họ nói rất có đạo lý, không sai ! Lời họ nói rất hay". Kỳ thật, nếu người có trí huệ chân chánh thì chẳng nghe những lời của kẻ ngu nói. Họ nói đạo lý ngu si thì không thể ở trong ngu si của bạn, đây gọi là "trong dương có âm", trong trí huệ có ngu si, là "trong âm cũng có dương", trong ngu si cũng có trí huệ. Ví như người nào đó, bạn thấy ông ta chẳng nói nhiều, cũng là một người rất bình thường, song ông ta làm việc gì cũng đều hợp đạo lý; thấy ông ta có vẻ rất ngu si, dốt nát song ông ta làm gì cũng rất chánh đáng. Có rất nhiều trường hợp như thế, cho nên bạn quán sát người thì hãy xem bạn có trí huệ chân chánh chẳng ! Nếu bạn có trí huệ chân chánh thì không nghe lời kẻ ngu nói, còn nếu bạn chẳng có trí huệ chân chánh thì sẽ bị người làm cho ngu. Trí huệ là như thế, những thứ khác cũng như thế.

Trí huệ và ngu si có mối quan hệ với nhau. Bạn chẳng có ngu si tức là trí huệ, nếu không có trí huệ thì tức là ngu si. Ngu si tức là trí huệ, trí huệ tức là ngu si. Trí huệ và ngu si là một, bạn dùng được tức là trí huệ; không dùng được tức là ngu si. Giống như bạn vốn có kiếm trí huệ này, bạn cầm lên tức là trí huệ, buông xuống tức là ngu si, chẳng phải hai mà là một. Do đó bạn đừng nói rằng : "Đi tìm trí huệ, xua đuổi ngu si đi". Chẳng phải, mà là biến. Ví như lòng bàn tay là trí huệ, mặt trái bàn tay là ngu si. Nếu bạn dùng mặt trái bàn tay cầm đồ thì không cầm được; song bạn dùng lòng bàn tay cầm đồ thì cầm được. Cầm đồ

lên không được là ngu si, cầm đồ lên được là trí huệ.

Ai ai cũng đều dùng bàn tay, trí huệ cũng giống như thế; nó là một, song là hai bên, xem bạn dùng bên nào. Bây giờ bạn đã hiểu chẳng? Có người nói : "Tôi đã hiểu Phật pháp, trí huệ và ngu si tức là bàn tay". Sai rồi! Đó là tôi ví dụ bàn tay, bạn dùng cho rằng trí huệ và ngu si tức là bàn tay; cũng giống như ngón tay chỉ mặt trăng, bạn dùng cho rằng đầu ngón tay là mặt trăng.

Bây giờ giảng về đại trí và hoàng thệ. Hoàng cũng là đại (lớn). Thệ là thệ nguyện, tức là ta phát thệ nguyện, nghĩ muốn làm gì. Giống như Phật A Di Đà trước khi chưa thành Phật, làm Tỳ Kheo Pháp Tạng phát ra 48 lời thệ nguyện, đó là thệ nguyện của Phật A Di Đà.

Bồ Tát Phổ Hiền phát ra ‘mười đại nguyện vương’ rằng : "Một là lễ kính chư Phật, hai là khen ngợi Như Lai, ba là rộng tu cúng dường, bốn là sám hối nghiệp chướng, năm là tùy hỷ công đức, sáu là thỉnh Phật chuyển pháp luân, bảy là thỉnh Phật ở lại đời, tám là thường theo Phật tu học, chín là luôn luôn thuận theo chúng sinh, mười là hồi hướng công đức đến khắp hết thấy chúng sinh.

Bồ Tát Quán Thế Âm cũng phát nhiều thệ nguyện. Các vị Tổ Sư khác cũng phát nhiều thệ nguyện. Chúng ta bây giờ học Phật pháp, mỗi người cũng nên phát nguyện của mình. Tôi nói với các bạn, bất quá phát hay không là do các bạn, chẳng phải tôi ép các bạn phát nguyện, phải do các bạn tự phát nguyện. Vì các bạn chẳng hiểu nên tôi khuyên. Bạn phát nguyện càng lớn thì càng tốt, nguyện lực của bạn lớn thì thành Phật cũng rất lớn. Bạn thấy Phật A Di Đà phát 48 lời nguyện, nguyện nào cũng đều độ chúng sinh, nguyện nào cũng trang nghiêm cõi nước. Cho nên chúng ta tại nhân địa học Phật pháp đều nên phát nguyện. Mỗi người có thể biên lời nguyện của mình ra, bạn phát ra bao nhiêu lời nguyện thì biên ra rõ ràng, đừng cầu thả bừa bãi, nói như vậy : "Tôi phát nguyện độ chúng sinh". Độ như thế nào ? Bạn suốt ngày đến tối cứ nghĩ muốn ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà tốt, đi độ chúng sinh này chẳng ? Kết quả là độ chúng sinh của chính mình, độ cái bụng chúng sinh của mình, độ chúng sinh thân thể của mình, như thế thì không được. Bạn phải nói rõ ràng lời nguyện của bạn phát ra, tương lai như thế nào ? Hiện tại ra sao ? Quá khứ, hoặc là có dụng công, chẳng dụng công, có tu hành, chẳng

tu hành, đây chẳng thành vấn đề, chỉ hỏi bạn tương lai phải như thế nào ? Bạn phát nguyện càng lớn thì quả vị tương lai cũng lớn.

Ở trên giảng "Thất Na Thất Na", tức là đại trí hoàng thệ. Hoàng là lớn, thệ là thệ nguyện. Chúng ta là người học Phật pháp, phải phát thệ nguyện. Thệ nguyện rất là quan trọng. Chúng ta người tu đạo nếu chẳng có thệ nguyện thì giống như bạn chẳng biết có lối nào tu hành, cũng chẳng có hướng đạo, cho nên đường của bạn đi chẳng biết có đúng hay không đúng; nếu bạn có thệ nguyện cũng giống như có hướng đạo. Giống như chúng ta du lịch, có người đưa chúng ta đi khắp nơi, giới thiệu tình hình chỗ bạn đi qua, đó là hướng đạo, ví như lời nguyện của bạn.

Tại sao chư Phật Bồ Tát khi tu đạo đều phải phát nguyện? Tức cũng như bạn có phát nguyện, sau đó có hành vi. Cho nên Bồ Tát Địa Tạng tại nhân địa phát nguyện rằng : "Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật, chúng sinh độ tận, phương chúng bồ đề". Bạn thấy đó lời nguyện của Ngài, rất là vĩ đại ! Do đó hiện nay chúng ta học Phật pháp cũng nên phát nguyện, ai muốn làm gì thì đừng ngại phát nguyện. (còn tiếp)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

HỎI : Vì ông có cảm tình với con vua Tịnh-Phạm dòng Sát-đế-lợi tên là Tất-Đạt-Đa, nên ca ngợi quá đáng là Nhất Thiết Trí. Thực không phải là Nhất Thiết Trí ?

ĐÁP : Không phải thế đâu ! Vì ông có tâm ác, ghen ghét với Phật nên nói vọng ngữ. Thực có người Nhất Thiết Trí vì Phật ở trong tất cả chúng sinh, thân sắc, vẻ mặt đoan chính không ai bì được ; tướng đức rõ ràng, kẻ tiểu nhân thấy thân tướng Phật cũng biết là bậc Nhất Thiết Trí hướng chi đại nhân. Như Kinh Phóng Ngưu Thí Dụ nói : Vua nước Ma-Già-Đà là Tần-Bà-Sa-La cúng trai Phật và năm trăm đệ tử ba tháng. Vua sửa soạn bơ sữa mới cúng dâng Phật và Tăng, bảo đám trẻ chăn trâu mỗi ngày đem bơ sữa mới đến chôn Phật đủ ba tháng. Vua thương lũ trẻ nên bảo họ rằng : các người đến thấy Phật rồi lại đi chăn trâu.

Bọn trẻ trong khi đi đường nói với nhau rằng : Nghe nói Phật là bậc Nhất Thiết Trí, chúng ta là bậc tiểu nhân thấp kém làm sao phân biệt biết được ! Trước đây, các thầy bà-la-môn đến xin sữa bàn luận về kinh thư, chúng ta được nghe về kinh Phệ-dà, về các phép như : trị bệnh, chiến đấu, coi sao, thờ trời, múa hát, luận bàn, hạch hỏi, v.v. tất cả sáu mươi tư nghề khéo của thế gian. Con vua Tịnh-Phạm học rộng nghe nhiều, những điều ấy chẳng có gì khó, duy từ bé đến nay chưa hề đi chăn trâu, vậy chúng ta lấy bí pháp chăn

trâu ra , nếu đáp được thì đúng là người Nhất Thiết Trí !

Bàn xong, cùng nhau đi vào vườn trúc, thấy quang minh của Phật chiếu khắp trong rừng. Tiến tới, tìm thấy Phật ngồi dưới gốc cây, hình dáng như núi vàng, như dầu tô rót vào lửa, bùng

cháy rực rỡ, tựa như vàng nấu rải trên rừng trúc. Quang

sắc như vàng tía đỏ coi không chán, tâm rất vui mừng ! Cùng nhau nói kệ rằng :

Nay đây Thích sử tử !

Nhất Thiết Trí có, không ?

Thấy đó không chẳng vui,

Việc này cũng đã đủ.

Quang minh đệ nhất chiếu,

Dung nhan rất quý trọng.

Thân tướng oai đức đủ,

Vội Phật, danh tướng xứng.

Tướng, tướng đều phân minh,

Oai thần cũng đầy đủ.

Phúc đức tự vây quanh

Thấy thế sao không mến,

Viên quang thân ở trong,

Nhìn mãi không chán mắt.

Nếu có Nhất Thiết Trí,

Tất là có công đức,

Tất cả các hình vẽ,

Tượng báu sức trang nghiêm,

Muốn ví thân diệu này,

Chẳng thể so sánh được !

Hay đủ mọi cách nhìn,

Khiến được vui thú nhất !

Thấy rồi phát tịnh tín,

Hẳn là Nhất Thiết Trí !

Lễ Phật, ngồi yên rồi, hỏi Phật rằng : người chăn trâu có bao nhiêu pháp mới thành tựu khiến cho đàn trâu được nghỉ ngơi, có bao nhiêu pháp không thành tựu khiến cho đàn trâu không tăng, không được an ổn ?

Phật đáp : Có mười một pháp cho người chăn trâu khiến cho đàn trâu được nghỉ ngơi. Đó là : biết sắc, biết tướng, biết nạo tẩy sạch, biết che mụn, biết làm khói, biết đường tốt, biết chỗ trâu ưa thích, biết qua chỗ tốt, biết chỗ an ổn, biết giữ sữa lại, biết nuôi trâu chúa. Nếu người chăn trâu biết mười một pháp này hay làm cho đàn trâu được

ngôi nghỉ. Tỷ Khưu cũng lại như thế ! Biết mười một pháp thì hay thêm lớn pháp lành. Thế nào là biết sắc ? Chăn trâu biết đen, trắng, tạp sắc. Tỷ Khưu biết tất cả sắc là bốn đại tạo nên. Làm sao biết tướng ? Chăn trâu biết tướng trâu tốt, không tốt, lẫn với đàn khác, nhận tướng mà biết. Tỷ Khưu thấy thiện nghiệp tướng biết là người trí ; thấy tướng ác nghiệp biết là người ngu. Thế nào là nạo tẩy sạch. Chăn trâu thấy trâu bị sâu trùng ăn huyết sinh nhiều mụn, phải nạo tẩy sạch để trừ hại mà được an vui, sáng sạch. Tỷ Khưu xem thấy ác tà, vi trùng uống huyết căn lành thêm lớn tâm mụn, trừ được thì an ổn. Thế nào là che mụn ? Chăn trâu lấy áo cỏ, lá để phòng ruồi, muỗi, gai độc. Cũng như thế, Tỷ Khưu lấy phép chính quán để che mụn sáu tình không cho vi trùng, gai độc phiền não, tham giận làm tổn thương. Thế nào là biết làm khói ? Chăn trâu làm khói để trừ ruồi, muỗi, trâu ở xa trông thấy biết mà về chuồng. Cũng như thế, Tỷ Khưu ở chỗ thuyết pháp hun khói pháp trừ ruồi, muỗi và dẫn đất chúng sinh vào trong nhà không, vô ngã, thực tướng. Thế nào là biết đường ? Chăn trâu biết chỗ đi lại của trâu, đường tốt, đường xấu ; Tỷ Khưu biết đường Bát Thánh đi đến Niết Bàn, rời bỏ đường ác đoạ thường. Thế nào là biết chỗ nên của trâu ? Là khiến cho trâu ngôi nghỉ, ít bệnh. Cũng thế, Tỷ Khưu khi thuyết Phật pháp được thanh tịnh, pháp hỷ, các căn lành thêm lớn. Thế nào là biết qua chỗ tốt ? Là biết chỗ dễ vào, dễ qua, chốn không có sóng gió, trùng độc. Cũng như thế, Tỷ Khưu hay đến chỗ Tỷ Khưu đa văn để hỏi pháp, nói pháp, phải biết tâm người kia lanh lợi hay độn dốt, phiền não nhẹ hay nặng, khiến người ta được qua an ổn, tốt lành. Thế nào là biết chốn an ổn ? Là biết chỗ không có hổ lang, sư tử, độc trùng. Tương tự, Tỷ Khưu biết Bốn Niệm Xứ an ổn không phiền não, ác ma, độc thú, vào đó thì không lo. Thế nào là lưu sữa lại. Trâu cái yêu mến trâu con cho bú sữa, để lưu chút sữa lại cho trâu mẹ vui mừng, thì tiếp tục có sữa không bị khô cạn, chủ và người chăn trâu ngày ngày có lợi ích ! Cũng như thế, cư sĩ cung cấp đồ ăn mặc, Tỷ Khưu nên tiết lượng, chó lấy nhiều thì người cho hoan hỷ, lòng tin không dứt, người nhận không thiếu. Thế nào là biết nuôi trâu chúa ? Giúp cho con trâu đực lớn, nó hay coi giữ đàn trâu con, phải săn sóc chó để gầy yếu, cho ăn thú ma-du, trang

điểm tràng anh lạc, lấy sắt bịt trên đầu sừng nó, phải chải vuốt ve cho nó. Cũng như thế, ở trong đại chúng, bậc đại nhân có oai đức, giúp ích cho Phật pháp, hàng phục ngoại đạo, hay khiến người nhập chúng được trồng các căn lành, Tỷ Khưu phải tùy theo chỗ cần mà cung kính cúng dàng.

Bọn chăn trâu nghe Phật nói xong, suy nghĩ rằng : Bọn ta chăn trâu chỗ biết chẳng qua chỉ ba bốn việc, thầy chăn trâu biết xa chẳng qua chỉ năm sáu việc. Nay nghe lời nói đây, thực chưa từng có ; nếu biết việc này, thì việc khác cũng thế, thực là người Nhất Thiết Trí, không còn nghi gì vậy. Kinh này ở trong còn nói rộng hơn, bởi lẽ đó cho nên biết có bậc người Nhất Thiết Trí thật !

HỎI : Thế gian không có người Nhất Thiết Trí vì không thấy ?

ĐÁP : Không thể đem việc không thấy mà nói không có, không thấy có hai thứ : Một là thực có vì nhân duyên che lấp nên không thấy, ví như người thân đời xưa, hoặc đếm số cát sông Hằng, có mà không biết bao nhiêu. Hai là thực không có, như đầu thú hai và tay thú ba. Như thế, có người Nhất Thiết Trí, mà vì nhân duyên che nên không thấy. Nhân duyên đó là chưa được trí tín, lại tâm trước ở ác tà.

HỎI : Chỗ biết vô lượng, các pháp vô lượng, vô biên, nhiều người hợp lại còn chẳng biết hết, huống chi một người. Vì thế nên không có người Nhất Thiết Trí !

ĐÁP : Các pháp vô lượng, trí tuệ cũng vô lượng, vô số, vô biên.

HỎI : Phật tự nói Phật pháp chứ không nói kinh ngoài như y dược, thiên văn, toán học, sách đời ; những pháp như thế, nếu là người Nhất Thiết Trí sao không nói ?

ĐÁP : Tuy Phật biết tất cả mọi pháp, dùng thì nói, không dùng thì không nói ; có người hỏi thì nói, không người hỏi thì không nói. Lại nữa, tất cả pháp lược nói có ba thứ : Một là hữu vi, hai là vô vi, ba là bất khả thuyết. Ba thứ ấy đã bao gồm tất cả pháp. (còn tiếp)

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng tại Kim Sơn Thánh Tự

Tiếp theo kỳ trước

Tham thiên có thể tham "Niệm Phật là ai ?" Hoặc "Bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sinh ra", hoặc "Vật gì không thể không có". Mấy câu thoại đầu này, các vị có thể chuyên tâm nhất trí tham cứu, tất sẽ có cơ hội khai ngộ.

Các vị Thiện tri thức ! Tại sao tôi gọi các vị là Thiện tri thức ? Nếu các vị không có đại trí huệ, cũng không thể nào đến "Bát Nhã giảng đường" này. Giảng đường này gọi là "Bát Nhã Đường". Bát Nhã là tiếng Phạn dịch là trí huệ. Cho nên các vị đều có đại trí huệ, mới có thể đến Bát Nhã Đường này. Tại sao các vị có đại trí huệ ? Vì trong quá khứ trồng nhiều căn lành, cũng trồng hạt giống bồ đề không ít, hoặc trong quá khứ đã từng cúng dường Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo. Nay nhân duyên thành thực, năm nay mới tham gia thiền thất. Đây chẳng phải là nhân duyên nhỏ, mà là nhân duyên lớn, cũng là nhân duyên chấm dứt sinh tử, cũng là nhân duyên thành Phật. Cho nên tôi gọi các vị là thiện tri thức. Thiện tri thức và ác tri thức hoàn toàn khác nhau. Ác tri thức là tà tri tà kiến. Thiện tri thức là chánh tri chánh kiến. Hành vi việc làm của thiện tri thức đều y chiếu theo Phật pháp. Mỗi cử chỉ hành động đều tương ứng với Phật pháp. Các vị hôm nay đến "Bát Nhã Đường" là hy vọng có thể đại triệt ngộ, có thể hiểu biết chân chánh. Muốn hiểu biết chân chánh, tức phải tu từng chút, từng chút. Đừng sợ khổ, đừng sợ khó. Ngồi thiền thì

chân đau cũng không sợ, phải có tinh thần đại vô úy, dù chết cũng ngồi thiền. Kiên trì nhẫn nại, không thể thối thất, giống như tôi dùng hương bản đánh các vị. Cho nên chân đau, lưng đau cũng phải nhẫn, buồn ngủ cũng phải nhẫn. Tham thiền, tham đến dương khí đầy đủ, thì con ma buồn ngủ cũng phải chạy đi. Nếu không tác

chiến với con ma buồn ngủ thì vĩnh viễn bị hôn trầm ám ảnh. Chúng ta phải tu học trí tuệ, cầu phần bổn, hoàn nguyên, nhận thức bản lai diện mục (bộ mặt thật) của chính mình.

"Bộ mặt thật" của chúng ta như thế nào ? "Bộ mặt thật" của chúng ta và Phật không hai, không khác. Nhưng do nơi một niệm vô minh che mất trí tuệ, mới không nhận ra "Bộ mặt thật". Càng chạy càng xa, cho đến suốt ngày điên đảo, sinh ra trong cơn say, chết đi trong ảo mộng. Đó không phải thật đáng thương xót chăng ? Tại sao chúng ta điên đảo như thế ? Là vì chúng ta chưa gặp được thiện tri thức, chỉ dẫn con đường trở về nguồn cội. Hôm nay các vị đều tụ tại đây, cùng tìm bản lai diện mục. Cho nên :

*"Mười phương đồng tụ hội
Đều cùng học vô vi
Đây là trường tuyển Phật
Tâm không và đệ quy"*

"Bát Nhã Đường" này là trường tuyển Phật, ai có thể không còn tướng ta, tướng người, chân chánh nhìn xuyên thủng, buông xả đặng, thì người đó sẽ được tuyển, cho nên nói "Tâm không và đệ quy". Chúng ta tụ lại một chỗ, thi tuyển trạng nguyên, hiện tại chúng ta đang khảo Phật. Phật cứu kính là gì ? Tôi cũng không biết, cũng không nghĩ khảo bạn, tức nhiên không nghĩ khảo Phật. Làm người bạn muốn làm vĩ nhân chăng ? Muốn làm đại anh hùng, đại hào kiệt chăng ? Đại anh hùng tức là "Đại Giác". Đại Giác tức là Phật. Đại vô úy (không sợ sệt), mới không sợ đánh, không sợ đau, nếu có thể không còn tướng ta, tướng người, thì không sợ đau. Nếu có "cái ta" thì sợ đánh, lại sợ đau. Muốn trừ khử chấp cái ta thì không sợ đánh, không sợ đau. Bạn nói : "Tại đây làm sao không có cái ta được ?" Bạn ở tại đây, ai lại không ở tại đây ? Không ở tại đây lại là ai ? Cho nên "Vô tại vô bất tại", đó là vô ngã

(không thấy cái ta). Vì vô tại cho nên vô ngã. Nếu "Có tại", thì "Có ngã", có tại tức phải "tự tại", không thể "Ngã tại", "Có ngã" thì có phiền não, ngũ không đủ thấy khó chịu, ăn ít cảm thấy đói, mặc ít lại sợ lạnh, đều do có "cái ta" tác quái. Nếu muốn không còn cái ta thì phải ngồi thiền. Ngồi thiền thì sẽ được :

*"Không ta không người quán tự tại,
Chẳng không chẳng có thấy Như Lai".*

Thấy pháp thân Như Lai, tức là thấy bản lai diện mục của bạn. Cho nên phải nhẫn nhục, nhẫn đau, nhẫn khổ, đánh đuổi hết thấy khổ nạn, chúng đắc hết thấy khoái lạc. Chuyện thiền hạ không thể một sớm một chiều mà có thể viên mãn được, phải nhẫn nhục, tâm thường hằng, dũng mãnh, kiên cố mới dựng thành công. Ngồi thiền nếu không bị cảnh giới làm lay chuyển thì đạt được tâm bất động, thì có một chút định lực. Nếu có chút định lực thì sẽ sinh một chút huệ lực. Có một số người nghĩ muốn thọ giới, thật ra chúng ta đang ngồi thiền, đã thọ giới rồi. Thọ giới gì ? Thọ giới khổ, giới đau.

Các vị ngồi một lòng tham thiền, tham "Niệm Phật là ai ?" Miên miên không ngừng, mật mật không quên, chỉ cú tham thiền. Như vậy thì các vị có cơ hội tạo tội chăng ? Có vọng tưởng giết người chăng ? Nhứt định là không. Hoặc các vị có nghĩ ăn trộm chăng ? Cũng không. Các vị tham thiền thì tức không giết người, lại không ăn trộm, thì đó không phải là đã trì giới sao ! Tham thiền tức là trì giới, không trì mà trì, liền sinh định lực. Nếu các vị không tham thiền, mà vọng tưởng sát sinh, ăn cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu v...v..., dù chỉ trong một niệm cũng là tạo tội. Tham thiền không khởi vọng tưởng, thì không trì giới mà trì. Tham thiền thì lại không định mà định. Tuy nhiên chân đau cũng chịu đựng không động, từ từ tài bồi định lực. Có định lực tự nhiên sẽ sinh huệ lực. Tham thiền tức là "*Siêng tu giới định huệ, tức diệt tham, sân, si*". Tham thiền mới đầy đủ tất cả các pháp, tham thiền là càng tham càng có trí huệ. Cho nên "*Vàng thật thì không sợ lửa*", phải chịu đau. Tại đây là lò luyện thành thân kim cang bất hoại. Có một số người nói, ngồi thiền thật là quá khổ, vậy thì ai biết khổ ? Bạn nói "Tôi biết khổ". Bạn lại là ai ? Giả sử bạn tại thân của bạn, nếu như bạn

chết thì thế nào ? Bạn chết rồi thì bị người đánh cũng không biết đau. Bất cứ khổ thế nào cũng thọ được, tức nhiên chết rồi. Vấn đề gì cũng không còn nữa, các vị hiện tại cũng có thể làm như người đã chết,

*"Nếu muốn mình không chết,
Hãy làm người sống như đã chết".*

Bạn thử làm người sống như đã chết, thì không tham, không sân, không si. Tôi hiện tại tuy chưa chết, nhưng cũng giống như người đã chết không khác. Không khởi tâm tham, không khởi tâm sân, không khởi tâm si. Nếu bạn muốn chấm dứt sinh tử, trước hết phải làm "Hoạt tử nhân" (người sống như đã chết), không nên nghĩ nhiều, chỉ cần chịu ngồi thiền. Hôm nay là ngày thứ nhất, các vị cũng chưa cảm giác thế nào là khổ. Đợi các vị tham quá vài tuần mới cảm thấy khổ mà không khổ. Chúng ta đả thiền thất, từ ba giờ sáng đã bắt đầu dụng công, đến 12 giờ khuya mới đi ngủ. Sợ có người chịu khổ không được, liền chạy về nhà, sự việc trên thế giới hầu hết đều như vậy "thái quá" chịu không được, "bất cập" cũng chịu không được, cho nên tốt nhất là giữ trung đạo. Có một số người, còn nhập "ngủ tam muội". Hiện tại chúng ta có đạo tràng, tu hành toàn thiện như thế này, có thể nói là cảm ứng được mười phương chư Phật, và những người tinh tấn dụng công, nếu chân chánh dụng công, thì một người cũng không cho rằng ít, bằng không một vạn người, cũng không thể nói là nhiều. Vì người ở đây đều phát tâm đại bồ đề dụng công tu hành. Như trong Kinh Pháp Hoa có nói : "*Chân tinh tấn, mỗi gọi là chân pháp cúng dường*".

Chúng ta tuy không đốt thân cúng Phật, nhưng không sợ khổ mà dụng công tu hành, cũng có thể cho rằng dùng thân cúng Phật, để được mình tâm kiến tánh, chân chánh nhận thức chính mình. Tức nhiên pháp và tài bạn tu đây đủ, có đạo tràng toàn thiện, cũng phải có người tu đạo. Phật Thích Ca Mâu Ni tại núi Tuyết tu sáu năm khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè. Sau đó đến cây bồ đề chúng quả. Đời sau này gọi các nơi đó là Thánh địa, cho nên "Nhân kiệt địa linh", phàm là có Thánh nhân đến nơi nào, dù là nơi đó tầm thường, cũng biến thành "Thánh xứ". Nếu chỉ có Thánh xứ (đất Thánh),

mà không có Thánh Hiền, cũng là tâm thường, cho nên "Thiên thời không như địa lợi, địa lợi không như nhân hòa". Chúng ta phải ở nơi Thánh xứ, mà tạo Thánh nhân, A La Hán, Bồ Tát và Phật. Ai không sợ khổ, thì có thể thành Phật. Nếu ai sợ khổ, cũng có thể thành Phật, nhưng phải đợi thời cơ thành thực, mới có thể thành Phật. Tôi có một lời nguyện rằng : "*Phải đợi tất cả đệ tử của tôi thành Phật hết, thì tôi mới thành Phật*". Cho nên tôi biết các bạn tương lai, đều sẽ thành Phật. Tức nhiên Tôi đối với các vị, ký thác kỳ vọng to lớn như thế, các vị không thể cô phụ sự đợi chờ của tôi. Phật pháp là pháp thế gian, cũng là pháp xuất thế, pháp xuất thế không rời pháp thế gian. Trong kinh Pháp Bảo Đàn có nói : "*Phật pháp tại thế gian, không là thế gian giác, là thế gian cầu bồ đề, ví như tìm sừng thỏ*". Cho nên ở thế gian, có người xuất gia và tại gia, người xuất gia tu pháp, người tại gia làm hộ pháp, hộ trì Tam Bảo. Mỗi người kiên trì cương vị của mình, làm tròn trách nhiệm của mình, vậy cho nên thế giới này, có người tại gia, cũng có người xuất gia. Người tại gia hộ pháp, người xuất gia thì dụng công tu pháp. Trong tâm tôi không có hoan hỉ, và không có sự không hoan hỉ, chỉ giữ trung đạo. Đây là trung đạo liễu nghĩa, tức là pháp trung đạo. Hết thấy các pháp đều là Phật pháp, tức nhiên hết thấy các pháp đều là Phật pháp thì sao lại có phân biệt hoan hỉ và không hoan hỉ ? Tham thiền thì dụng công ở phương diện này. Không có tâm chán ghét, cũng không có tâm hoan hỉ, chỉ là dụng công bình thường, như dòng nước chảy mãi, cạn bụi trong nước đều lắng trong, thì pháp thân của bạn liền hiện tiền.

(còn tiếp)

A LA HÁN GẶP VUA

Việt dịch : Diệu Hạnh

Ngày xưa ở nước Kế Tân, Tây Vực, có một vị cao Tăng tên gọi là Ly Việt, lúc trẻ xuất gia, ở trong hang động trên một đỉnh núi hoang vắng học đạo, công phu tu hành thiền định rất chuyên cần, chứng được quả A La Hán và lục thần thông. Vì thế nên người

người xa gần biết tiếng, tìm đến xin bái Ngài làm sư phụ.

Dưới sự chỉ dẫn khéo léo và từ bi của Ngài, đệ tử Ngài cũng chứng quả A La Hán rất mau, chứng quả xong họ phân tán khắp nơi để lo việc hoằng pháp.

Tuy Ngài Ly Việt đã chứng Thánh quả nhưng vẫn không ngừng tinh cần tu trì, rất ít khi nghỉ ngơi. Một hôm có chút thì giờ nhàn rỗi, Ngài mới nhân đó dọn dẹp hang động, chợt thấy tấm y màu xám mà Ngài thường mặc đã theo thời gian mà ngả sang màu bạc trắng.

Không biết tại sao hôm ấy Ngài lại nổi hứng lên núi hái rễ cỏ và vỏ cây làm thuốc nhuộm rồi đem tấm y trăm mảnh ra nhuộm lại. Bỏ tấm y trong nồi thuốc nhuộm rồi, Ngài dùng một nhánh dương liễu khuấy nước để trộn thuốc nhuộm cho đều, thì quái lạ thay, tấm y bỗng dung biến thành một tấm da trâu ! Chưa hết, thuốc nhuộm trong nồi đang đen như mực, bỗng biến thành màu đỏ như máu, và mấy cái rễ cỏ vỏ cây lại biến thành những miếng thịt trâu. Quái dị hơn nữa là mùi thịt trâu còn bốc ra từ cái nồi đang sôi, khiến Ngài cứ trở mắt ra nhìn một cách kinh ngạc.

Đúng lúc ấy một người nông phu từ chân núi chạy lên, thấy ngay miếng thịt trâu trong nồi, bèn la hét giận dữ :

A, ông thật là to gan ! Hôm nay ông khai giới sát nên mới đem con trâu của tôi ra giết phải không ! Sáng sớm tôi dắt trâu lên núi ăn cỏ, mấy phút sau không thấy nó nữa, đi tìm khắp nơi mà tìm không ra, may mà có mùi thịt dẫn đường nên tôi mới tìm được tới đây ! Thì ra là ông, một kẻ xuất gia, đã ăn trộm con trâu của tôi đem ra làm thịt ! Bây giờ ông có gì nói để tạ tội hộ không ? Đi ! Đi với tôi đến gặp vua ngay !

Người nông phu nóng nảy không chịu nghe lời phân trần, lời Ngài Ly Việt xềnh xệch đi đến gặp vua.

Thời ấy không có tòa án, không có pháp đình, dân chúng hề có việc gì bất bình là kéo nhau đi gặp vua, nhờ vua phân xử.

Khi người nông phu kể lể hết sự tình cho vua nghe, vua bèn hỏi Ngài Ly Việt có lời nào biện bạch không ? Chứng cứ đã rành rành ra đó, còn

có gì để nói nữa, do đó vua xử Ngài Ly Việt ngồi tù 12 năm.

Mười hai năm, tức là bốn ngàn ba trăm tám chục ngày hơn chứ có phải ít đâu ! Ngài Ly Việt La Hán trong suốt thời gian tù tội phải đảm nhiệm công việc quét dọn nhà lao và chùi rửa cầu xí cho sạch sẽ. Buổi tối, Ngài dụng công chuyên cần tu thiền định, không bao giờ nằm xuống. Ngài từ bi nhẫn nại như thế nên đến cả mấy người cai ngục, người nào cũng hết sức cảm động.

Thời gian 12 năm tù đã mãn hạn, những người đệ tử ngày xưa tham thiền với Ngài bỗng không hẹn mà cùng một lúc nhớ nghĩ đến sự phụ trong núi, tất cả bèn dùng thần thông quan sát, biết là sự phụ bị tù oan trong 12 năm trường.

Họ cưỡi gió bay về cung vua, trong không trung khuua trống pháp để tỏ sự bất bình. Nhà vua nghe thế hết sức kinh ngạc, vội vàng tự tay phóng thích Ngài Ly Việt La Hán ra khỏi nhà giam.

Sau 12 năm tù đầy, Ngài Ly Việt tóc thì dài râu thì trắng, nhưng khi Ngài vừa bước chân ra khỏi cửa ngục thì râu tóc tự động rụng xuống đất, rồi còn bay lên không trung, biến hiện vô lượng hóa thân, mỗi hóa thân phóng ra ánh sáng rực rỡ. Thái độ an nhiên của Ngài không giống một người mới được thả ra khỏi tù chút nào.

Lúc ấy, chư vị A La Hán muốn ra tay trừng phạt nhà vua làm việc không công minh, nhưng Ngài Ly Việt ngăn lại :

Các con không được ra tay, đây là nghiệp chướng của ta, không thể oán trách bất cứ ai khác.

Trong một kiếp quá khứ, ta là một người nông phu, có một con trâu đi lạc. Ta lên núi tìm nó, đi cùng hết núi tìm cũng không ra, mà lại gặp một vị xuất gia tu hành. Không suy nghĩ gì thêm, ta liền nghi ngờ chính vị này ăn cắp trâu của ta. Trong suốt 12 tiếng đồng hồ ngày hôm đó, trong tâm ta khởi đầy vọng niệm, ta muốn đuổi vị ấy ra khỏi núi, ta muốn bắt vị ấy đưa lên vua để vị ấy bị giam cầm vào ngục tối... Ta đã tạo nghiệp ác, khiến kiếp này phải bị 12 năm tù oan.

Giống như chuyện cho vay ăn lãi, thời gian càng lâu thì tiền lãi càng cao, quả báo ta phải bồi thường lên tới 8 000 lần số "nợ" ta đã mượn.

Ta chỉ hận tại sao lúc đó không làm gì ích lợi cho người khác, không phát tâm bố thí rộng rãi, có phải là kiếp này đã tiêu nghiệp chướng rồi không?

Các vị mới chứng quả A La Hán, nhà vua và đại thần nghe Ngài Ly Việt kể lại chuyện xưa như vậy, ai nấy đều tỉnh ngộ và đều hiểu rằng nguyên tắc nhân quả là một nguyên tắc bất di bất dịch, không một ai có thể đứng ngoài nguyên tắc này.

PHẢI CỨU VẠN NGUY CỎ CỦA THẾ GIỚI

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu một vấn đề lớn, nhưng vấn đề gì cũng không ngoài phạm vi bốn chữ "*Thiện ác nhân quả*". Thiện sẽ thắng, ác sẽ bại, đó là luật nhân quả. Người ta thường nói :

*"Trồng dưa được dưa,
Trồng đậu được đậu".*

Cũng vì lẽ đó mà thế giới của chúng ta mới không bị hủy diệt. Nếu quả có lý ngược lại, nghĩa là thiện thì bại, ác thì thắng, thì chẳng còn thiên lý nữa, mà không còn thiên lý, thì thế giới đã bị hủy diệt, tức là đã có ngày tận thế.

Làm sao để thế giới không bị hủy diệt ? Phải cải thiện tâm của con người. Lòng người hướng thiện thì ánh sáng sẽ chiếu khắp thế giới. Ánh sáng là trí huệ, mà người có trí huệ là người có tâm chánh, mọi điều họ tạo tác, họ hành động đều chánh đại quang minh, không có tư tâm vị kỷ. Tâm tướng đều nhất loạt hướng tới hạnh phúc của nhân loại, không hề phân biệt, chủng tộc này, quốc gia kia, thiên hạ đều gom lại một nhà của đại đồng thế giới. Nay thì lòng người khác xưa, phần đông đều ích kỷ, tự lợi, chỉ tranh đua quyền lợi cho riêng mình mà hy sinh hạnh phúc của tập thể, cho nên thế giới mỗi ngày một đen tối, mỗi ngày một ngu si, mỗi ngày một thêm nguy hiểm. Ngày hủy diệt như đã gần kề, chỉ

trong đường tơ kẽ tóc, nếu mà không tìm biện pháp cứu vãn, thì tất cả đều chung một số phận, chẳng ai còn một cơ may sống sót. Nhưng làm sao cứu vãn đây ? Trong Kinh có dạy :

*"Không làm các điều ác,
Hãy làm các điều thiện."*

Ai ai cũng hướng thiện, không hướng tới ác, trên từ vị nguyên thủ, dưới tới tận trăm họ, mọi người đều lấy trí huệ làm ánh sáng để xua đuổi ngu si và hắc ám. Nếu được như vậy thì bộ mặt thế giới sẽ đổi từ âm qua dương, và chiến tranh sẽ biến thành hòa bình.

Nay chúng ta đang sống trong cảnh đêm dài dằng dặc, sống và chết trong cảnh mộng say. Bởi đêm dằng dặc mới thấy cần ánh sáng ; vì tối tăm nên lòng người ưu uất sâu muộn. Trong bầu ánh sáng, tâm con người sẽ hoan hỷ. Đèn tối và quang minh chỉ ở tại lòng người thiện ác. Hủy diệt thế giới là ở tâm con người, mà sáng tạo thế giới cũng ở tại tâm con người. Chúng ta là người học Phật pháp, chính là trừ bỏ vọng tâm tìm chân tâm, cho nên Phật pháp chính là lá bùa cứu vãn thế giới, cái gương quý cải thiện tâm con người.

Phàm chuyện đời cái gì có lợi thì ắt có cái tệ hại. Ví dụ như cái máy truyền hình, nó có thể cho ta biết chuyện lớn trong nước và các diễn biến quốc tế. Một câu người ta hay nói :

*"Tú tài bất xuất môn,
tiện tri thiên hạ sự".*

Nghĩa là tú tài chẳng ra khỏi cửa mà biết hết cả mọi chuyện thiên hạ. Đây là dụng ích tốt của máy truyền hình, nhưng nó cũng có khía cạnh xấu. Con nít coi truyền hình thường bị ảnh hưởng xấu, học lối gian dối, làm những hành vi trái đạo lý, khiến cho mất hạnh phúc trong gia đình, gây hỗn loạn trong xã hội, thành những thiếu niên không tốt, đâu đâu cũng gây chuyện thị phi. Nếu như vậy thì mai sau những hạng người đó ra chấp chánh thì làm sao có hòa bình được ? Đó là một trong những cái tai hại của máy truyền hình. Như chúng ta lo cho thế hệ sau, lo cho tương lai thế giới thì nên nghiêm cấm con nít không cho xem truyền hình, hoặc giả tuyệt đối không mua máy truyền hình, đó chính là biện pháp rất ráo, chặn từ gốc của cái họa tạo điều ác.

Thế giới ngày nay đã đi tới giai đoạn mà sự trong sáng đã bị che mờ thành màu u ám. Vậy phải làm sao ? Là một thành phần của nhân loại, trước hết chúng ta hãy đem bản thân mình ra để cố gắng, bài trừ các tập khí của chúng ta, mang hết tâm tham, tâm sân, tâm si ra gạn lọc, lấy bản thân mình để làm ảnh hưởng đến người khác. Tư tưởng cùng hành vi của chính chúng ta phải thật là đúng mực thì sau đó mới khuyên nhủ được mọi người hướng thiện, lấy đó làm khuôn mẫu, nếu không thì chỉ là chuyện nói chơi, chẳng ích lợi gì.

Phàm người chịu gánh vác việc thiên hạ, đều có tư tưởng thương xót nhân loại. Như đức Phật Thích Ca năm xưa, khi tu đạo Bồ-Tát, Ngài chịu khổ hạnh như vậy. Tại sao ? Bởi muốn tạo ảnh hưởng trong chúng sanh, khiến chúng sanh y pháp tu hành, mới có thể lia khổ được an vui. Tôi thường nói :

*"Chịu khổ thì hết khổ,
Hưởng phúc thì hết phúc".*

BÀ CƯ SĨ NGỘ ĐẠO

Việt Dịch : Diệu Hạnh

Ở Ấn Độ có một ngôi Chùa, bên cạnh Chùa có một cây tùng thuộc giống tùng Ông Uất Bà Sa, vì thế nên người ta lấy cây đặt tên cho Chùa, gọi là "Chùa Cây Tùng".

Trong Chùa có hơn một trăm vị Tăng cư ngụ, mỗi ngày tu tập chỉ quán, họ tu hành rất tinh tiến dũng mãnh, vì thế Thánh nhân đã chứng quả trong Chùa không phải là ít.

Cách Chùa Cây Tùng khoảng hai, ba dặm đường, có một bà cư sĩ tu tại gia. Bà thành tâm cung kính cúng dường các vị xuất gia đến mức cùng cực. Bà phát nguyện mỗi ngày thỉnh một vị Tỳ Kheo đến nhà cho bà được cúng dường, vì thế chư Tăng trong Chùa Cây Tùng luân

phiên nhau đến nhà bà thọ cúng. Cúng dường xong, bà còn muốn được nghe chư Tăng thuyết pháp khai thị cho, nên vị Tỳ Kheo tuổi cao đức trọng, tinh thông liễu giải Phật pháp thì hoan hỷ chấp nhận, nhưng vì bà cư sĩ này cũng có thông hiểu Phật pháp đôi chút, nên các vị Tỳ Kheo sức tu học ít ỏi thiếu sót thì lại không mấy gì muốn đến nhà bà.

Trong Chùa Cây Tùng có một vị Tỳ Kheo tên là Ma Ha Lô, cuối đời mới xuất gia, tuy tuổi rất cao nhưng sự hiểu biết về Phật pháp rất là ít ỏi, chỗ thâm sâu của pháp thì cố nhiên là mù tịt, nhưng ngay cả chỗ cơ bản tối thiểu ông cũng không biết.

Một hôm, đến phiên ông đi thọ cúng, ông dĩ nhiên không hề muốn đi chút nào vì tự biết mình không biết thuyết pháp khai thị cho ai. Ông từ chối, đẩy người khác đi thế, nhưng đẩy tới đẩy lui mà chẳng ai nhận lời đi thế cho ông, ai cũng bảo rằng :

Tới phiên ông thì ông đi đi chứ, đẩy người khác đi thế là nghĩa thế nào ?

Cuối cùng ông thâm nghĩ rằng : Ta là Tăng sĩ, là phúc điền, lẽ ra phải nhận sự cúng dường của người ta, khiến cho người ta được dịp vun bồi ruộng phước và trường dưỡng gốc thiện. Tuy ta không biết thuyết pháp, nhưng không ai chịu đi thì tốt nhất là chính ta đi vậy.

Vị Tỳ Kheo già bèn chống gậy lần mò từng bước chậm chậm lên đường. Bà cư sĩ ở nhà chờ thật lâu, lòng nóng như lửa đốt vì đã đứng ngộ rồi mà vẫn chưa thấy ai tới. Khó khăn lắm lão Tỳ Kheo mới lại tới, bà cư sĩ ngắm ông lão từ xa dáng điệu đạo mạo nghiêm trang, da dẻ hồng hào, đầu tóc bạc phơ, trong lòng cảm thấy vô cùng tôn kính, vội vàng lễ lạy thưa hỏi :

Ngài là bậc trưởng lão tuổi cao đức trọng, được Ngài quang lâm tộ xá, đệ tử cảm thấy vô cùng vinh hạnh !

Bà một lòng nghĩ rằng vị lão Tăng này nhất định phải là một vị trí huệ thâm sâu, sẽ có thể bố thí cho bà những bài pháp vi diệu vô thượng, vì thế bà hoan hỷ không kể xiết, vội vàng bày ra những món ăn tuyệt mỹ nhất cúng dường lão Tỳ Kheo.

Cúng dường xong, bà thỉnh lão Tỳ Kheo ngồi lên toà cho bà đánh lễ, và quỳ dưới đất, bà thỉnh Ngài thuyết pháp khai thị.

Vị Tỳ Kheo đăng lên toà rồi, trong lòng xấu hổ muôn phần, thấy mình thật là ngu si một cách đáng thương vì không hề biết gì về Phật pháp. Không có cách nào khác, ông thở dài một tiếng nói nhỏ :

"Cái ngu si của con người đúng là gốc rễ của muôn phiền não" !

Nói xong, ông bước xuống toà bỏ đi. Bà cư sĩ đang quỳ dưới đất, cảm thấy đây là bài pháp vô thượng vi diệu nhất mà bà được nghe từ trước đến nay. Bà suy nghĩ kỹ lưỡng như sau : Ngu si có nghĩa là vô minh, mà vô minh là căn bản của mười hai nhân duyên ; vì có cái căn bản vô minh này nên con người ở mãi trong bể khổ, sinh sinh tử tử triền miên không ngừng trong luân hồi, tất cả mọi khổ não đều do đây mà phát khởi. Bà cứ mãi tinh tiến tư duy như thế không ngừng nên ngay lúc ấy bà chứng quả A La Hán.

Chứng được quả vị rồi, bà cư sĩ muôn phần hoan hỷ, vào kho lấy ra một tấm thảm dạ lớn màu trắng để cúng dường vị lão Tỳ Kheo, nhưng bà tìm khắp nơi không thấy vị này. Sự thật là vị này xuống toà xong là bỏ về Chùa Cây Tùng ngay, nhưng bà cư sĩ tìm không thấy nên đinh ninh là ông có thần thông, vội đem lễ vật cúng dường lên Chùa.

Lão Tỳ Kheo về Chùa rồi, có người vào báo có bà cư sĩ đến tìm, ông nghĩ bà này lại muốn nghe pháp nữa nên không chịu ra tiếp. Bà cư sĩ cứ khăng khăng muốn gặp, nên người vào thông báo lúc này rất lấy làm khó xử, hỏi bà :

Chẳng hay bà nhất định gặp vị ấy để làm gì vậy?

Ngài ấy đã giúp tôi giải thoát căn bản của khổ, vì thế tôi muốn cúng dường cảm tạ.

Khi lão Tỳ Kheo biết bà không đến để đòi nghe pháp mới chịu ra nhận cúng dường.

Nghe thế mới biết, một pháp hay tất cả pháp, khi nhân duyên tụ tập đầy đủ, chỉ cần một hai câu là người nghe có được lợi lạc lớn, một đời thọ dụng cũng không hết. Nhân duyên chưa đầy đủ thì dầu lời nói như hoa sen tuôn khỏi miệng cũng chỉ phí công vô ích.

ÁC KHẨU LƯƠNG THIỆT

Việt dịch : Diệu Hạnh

Ngày xưa có một ông trưởng giả rất giàu có, tiền muôn bạc triệu, tài sản xài suốt đời không hết, vợ lại vừa xinh đẹp vừa hiền đức, nên đã hạnh phúc ông lại càng hạnh phúc hơn. Nhưng niềm vui của ông ngắn ngủi, hạnh phúc thật vô thường, người ta chẳng thường nói "hoa không nở ba tháng, người không sướng ba năm" hay sao ? Chẳng bao lâu sau, vị phú ông này từ từ bước vào hồ thẳm của khổ đau. Không ai còn thấy ông với vẻ mặt hoan của những ngày hạnh phúc xưa nữa, tại sao vậy ? Vì đứa con trai của ông mà ra cả.

Ông lập gia đình một thời gian lâu mới sinh được một đứa con trai, ngày đứa bé ra đời ông vui mừng không kể xiết. Nhưng bất hạnh thay, con ông mới oe oe chào đời là đã mắc bệnh nặng. Theo lời thầy thuốc chẩn bệnh thì đó là những mụn nhọt độc hại mọc trên da đứa bé khiến nó khóc cả ngày, thế mà danh y nào mời đến cũng đều lắc đầu chịu thua. Vì thế mà nét mặt ông càng ngày càng ủ dột buồn rầu.

Tội nghiệp đứa bé, rất nhiều thầy thuốc đã bó tay rồi, nó chỉ còn biết đêm ngày khóc la kêu đau, cuộc sống thật là khổ sở.

Tiếng khóc gào rên rỉ của nó làm náo động tới làng xóm, nên người ta đặt tên cho nó là thằng "Khóc Gào". Ngày qua như nước trôi, cuốn đi những năm tháng thơ ấu của Khóc Gào, chẳng bao lâu cậu đã lớn khôn, nhưng bệnh tật trên người thì vẫn chẳng hề bớt chút nào, đêm ngày cậu vẫn đau đớn, ai nghe tiếng rên khóc của cậu cũng phải buồn cho cậu. Gần nhà cậu có một ông hàng xóm già, nghe tiếng rên la đau đớn của Khóc Gào, trong lòng thấy bất nhẫn, bèn tìm đến nhà cậu thăm hỏi và nói với cậu rằng :

Tôi nghe rất nhiều người về khen ngợi tán thán rằng tại Kỳ Viên Tinh xá có một vị Đại Y Vương, bệnh trên thân hoặc bệnh trong tâm của chúng ta Ngài đều có thể chữa trị được hết. Ngài có phương tiện thần thông nhiệm mầu, bệnh của cậu có trầm trọng đến đâu cũng sẽ tức khắc lành, cậu nên mau mau tìm đến Ngài cầu xin chữa bệnh.

Khóc Gào nghe người hàng xóm nói thế, vui mừng vô kể, vội mang tấm thân bệnh hoạn tìm đến Kỳ Viên Tinh xá xin được gặp đức Phật.

Khi Khóc Gào nhìn thấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp và thân của Phật uy nghi sáng chói, cậu hân hoan tán thán ngay. Những đau đớn khổ não của cậu giảm thiểu đi rất nhiều, lập tức gieo năm vóc xuống đất lễ bái đức Phật.

Đức Phật từ bi chưa từng bỏ rơi bất cứ chúng sinh bệnh khổ nào, nên khi thấy Khóc Gào tới, Ngài rất hoan hỉ, bèn tuyên thuyết cho cậu những pháp môn thù thắng có năng lực diệt trừ tất cả mọi khổ não. Khóc Gào nghe đức Phật thuyết pháp xong bèn sám hối tội lỗi. Lúc ấy nhọt độc đã hành hạ cậu trên mười năm qua lập tức tan biến, bệnh khổ của cậu hoàn toàn được tiêu trừ nên tâm cậu sinh khởi niềm cung kính hoan hỉ chân thành, cậu bèn cầu xin đức Phật cho phép cậu được xuất gia làm Tỳ Kheo. Cậu tu hành tinh tiến, chẳng bao lâu đắc quả A La Hán.

Các vị Tỳ Kheo khác thấy tình cảnh của Khóc Gào như thế, thấy đó là điều rất hy hữu, bèn thỉnh Thế Tôn nói về nhân duyên khiến cho cậu phải chịu quả báo lúc trước. Đức Phật giảng cho các đệ tử nghe rằng :

Vô lượng kiếp về trước, ở thành Ba La Nại có hai vị phú ông nọ. Bình thường hai người đã không ưa nhau và đố kỵ nhau, nên một trong hai người đem rất nhiều vàng bạc châu báu lên dâng tặng nhà vua. Khi nhà vua nhận những vật cống hiến của ông này rồi, thì rất quý trọng ông. Vì thế khi ông này phê bình ông kia trước mặt nhà vua, nói rằng "người ấy vô cùng hiểm ác, thường dùng mưu độc ám hại tôi, xin đại vương hãy nghiêm trị người ác để bảo vệ dân lành", thì nhà vua vốn đã nhận vật cống hiến rồi nên không còn sáng suốt nhận định, nhất nhất tin lời ông này và ra lệnh bắt giam, không đếm xỉa tới những lời biện hộ của người kia, còn đem ra tra tấn tàn khốc. Người này phải chịu tất cả những hình phạt đau đớn nhất, thương tích đầy thân như vẩy cá, phải nhờ gia đình xuất tiền chuộc tội mới thả cho ông về nhà.

Về tới nhà ông suy nghĩ không ngừng, thấy rằng con người vì có thân cho nên mới có khổ, mới bị lắm tai nhiều họa, mình và người kia không hề có oán thù chi, mà họ lại có thể hại mình đến mức thân tàn ma dại như thế này. Không lâu sau, ông bỏ vào núi tu hành và thành Bích Chi Phật. Vị

Bích Chi Phật phát tâm đại từ bi, sợ rằng người kia kiếp sau sẽ chịu quả báo đau khổ nên tới nhà người ấy thị hiện đủ loại thần thông, khiến người kia thấy những biến hóa bất khả tư nghì như thế, sinh tâm kính ngưỡng, lập tức thỉnh Bích Chi Phật lên tòa ngai và chuẩn bị đủ loại thực phẩm đặc biệt để cúng dường và sám hối tội cũ của mình đối với Ngài.

Đức Phật nói đến đây, ngừng một lúc rồi nói tiếp :

Các ông phải biết cái người sàm tấu với vua chính là Tỳ Kheo Khóc Gào đã chịu khổ trong kiếp này. Sau, nhờ ân huệ của Bích Chi Phật, sám hối tội lỗi cũ, và nhờ công đức thành kính quy y Tam Bảo nên ngày nay được Như Lai cứu độ, mau đắc quả Thánh.

Đừng nghĩ rằng những lời sàm tấu nói ra mà không ai biết. Nghiệp tội không trốn được, dẫu trong đường tơ kẽ tóc. Nhưng đã phạm tội như thế rồi mà biết sám hối thì có thể được cứu độ.

Vì chúng sanh tạo nghiệp nên trên thế giới mới thấy xuất hiện bao nhiêu là tai nạn. Có câu nói : "Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo", ba thứ này liên quan chặt chẽ với nhau. Nếu không khởi hoặc thì sẽ không tạo nghiệp, và từ đó không có quả báo.

Khởi hoặc là khởi lên sự mê lầm, do thiếu trí huệ chân chánh nên không sáng suốt khi đối diện với sự lý, nghĩa là tâm điên đảo. Nói rõ hơn, đây là trường hợp không biết phân biệt rõ ràng các điều thị phi, thiện ác, cho đến trắng đen cũng không biết phân định, chánh tà cũng không biết. Tóm lại, tất cả đều do thiếu sự xét đoán minh bạch mà nguồn gốc chính là sự tác quái của vô minh.

Tạo nghiệp thì phải kể cả tạo thiện nghiệp và tạo bất thiện nghiệp. Tạo thiện nghiệp sẽ được quả sanh về cõi trời, tạo ác nghiệp thì bị đọa vào địa ngục. Bởi không phân biệt rõ, nên mới tạo nghiệp giết hại, nghiệp trộm cắp, nghiệp tà dâm, nghiệp nói dối, nghiệp uống rượu .v.v. , nhưng trong các nghiệp đó thì cũng có sự khác biệt về mức độ nặng nhẹ.

Giết hại : Như hành động giết các con muỗi, con kiến chẳng hạn, đó gọi là giết hại. Giết bò, giết heo là

giết hại. Nhưng

trong trường hợp này nghiệp báo không nặng lắm, bởi súc sanh là loài ngu si, nhất thời không kiếm ra được kẻ giết mình, mà có kiếm ra thì cũng không biết phương cách gì để báo thù. Thế nhưng, trong thế gian, luật nhân quả rất là công bình. Trong sự mông lung của đời sống, chẳng biết từ đâu và do đâu, ta sẽ thấy nhân quả tìm tới, có thể ta sẽ mắc phải một quái tật, hay sẽ bị bệnh hành hạ, đó là một thí dụ về sự báo cứu có tính cách tiêu cực. Như ngày nay những người mắc bệnh ung thư, phần đông là do nghiệp nặng về sát sanh, nên mới gặp loại bệnh không có thuốc chữa này.

Trong các nghiệp giết hại thì nhân của nghiệp giết hại là nghiêm trọng nhất. Nạn nhân bị giết thì biến thành oan hồn, tức khắc theo dõi bạn, oan cừu chẳng báo, thì chẳng cam tâm, nên nhất định sẽ chờ, có cơ hội là báo oán xưa. Kẻ giết người ắt bị pháp luật trừng trị, hoặc là tâm thần không an ổn, đứng ngồi không yên, luôn luôn ở trong một hoàn cảnh bị đe dọa, chẳng chóng thì chày tinh thần sút kém, nếu chẳng chết thì cũng bị điên loạn.

Trộm cắp : Phạm là kẻ trộm cắp, tâm thường phạm phùng sợ hãi. Người ta thường nói : " Tặc nhân

☐ Người mê thì tin phong thủy, người trí thì tin tâm thủy. Tất cả đều do tâm tạo thành.

☐ Người đòi cho rằng học thì ở nơi chỗ rộng, nào hay rằng học ở ngay chỗ nhỏ xít (tâm mình) này đây. Nếu ai có đức hạnh thì phong thủy sẽ tự nhiên tốt, bởi vì tâm họ tốt.

☐ Mình phải lập công với đời, làm lợi cho mọi người. Nếu chỉ toàn là tính toán lợi ích cho mình, lo cho mình được sung sướng, thì đó nào phải là ý nghĩa của việc làm người.

☐ Không phải dễ sửa những lỗi lầm tật xấu nhỏ đâu. Nếu bạn sửa đổi được chúng, thì bạn sẽ có định lực.

Hoà Thượng Tuyên Hoá

đồm hư", kẻ trộm thì gan mật suy yếu. Nếu chẳng có hành vi trộm cắp thì ngẩng lên chẳng hổ, cúi xuống chẳng thẹn, có gì đâu mà sợ hãi ? Việc ta làm, ta tạo tác, rất là đàng hoàng quang minh, còn sợ gì nữa ?

Tà dâm : Hành dâm là điều cấm tuyệt đối với người xuất gia, còn đối với các đệ tử Phật tại gia

NGŨ GIỚI THẬP THIÊN

TIÊU TAI NẠN

Hoà Thượng Tuyên Hoá

thì việc hành dâm chỉ cấm nếu không phải giữa hai vợ chồng. Ngoài ra, tư tưởng dâm dục cũng phải giới hạn, không thể nào cứ từ sáng đến tối hồ tu loạn tưởng, suốt ngày để cho tư tưởng dâm dục ám ảnh cho đến bạc cả tóc, rụng cả răng ! Có biết đâu, tới kiếp sau những tư tưởng đó vẫn còn theo đuổi, rồi kiếp kế tiếp mãi mãi không thôi, đúng là vì dâm dục mà sanh, vì dâm dục mà chết.

Nói dối : Người nói dối, không bao giờ tin vào lời nói của bất cứ ai. Bởi chính mình không nói lời chân thực nên cứ nghĩ rằng người khác cũng không nói thật. Đó chính là : Lấy tâm kẻ tiểu nhân, đo lòng người quân tử. Chính mình chuyên nói dối để gạt người khác, do đó mới cho rằng người khác cũng nói lời dối gạt giống như mình.

Uống rượu : Phàm người uống rượu dễ mất lý trí. Đương lúc hăng say không kịp nghĩ tới hậu quả nên dễ tạo ra những việc thương luân bại lý. Lý do là "tửu hậu vô đức", lý trí lúc bấy giờ không kèm chế được tình cảm nữa.

Nguyên nhân các tai nạn trên thế giới đều do con người không giữ năm giới, không biết tu thập thiện. Trong thời kỳ Chuyển Luân Pháp Vương trị thế, mọi người đều giữ năm giới, tu thập thiện, cho nên lúc đó trên thế gian không có mấy may tai nạn, đúng là thời kỳ gió thuận mưa hòa, quốc thái dân an. Nay thì ai nấy đều không giữ năm giới, không tu thập thiện, cho nên mới có nhiều tai nạn như vậy, điều căn bản chính là ở chỗ này.

Thông Báo

Bắt đầu năm tới, Chùa sẽ từ từ trả nợ mượn khẩu phần của các Phật tử, lúc thành lập Chùa Kim Quang, mỗi khẩu phần là 5000 FF tức khoảng 762,25 €, quý vị nào gần Chùa, thì xin lên Chùa nhận, quý vị nào ở xa, thì Chùa sẽ gửi ngân phiếu đến, và xin quý vị cho biết là ghi tên ai nhận ?

A Di Đà Phật, xin liên lạc về Chùa.

Chùa Kim Quang đã phát hành các đĩa CD do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải sau đây :

- ◇ Kinh A Di Đà giảng giải 5 CD.
- ◇ Chú Đại Bi giảng giải 4 CD.
- ◇ Thiền 2 CD.
- ◇ Khoá Lễ Sáng 1 CD.
- ◇ Khoá Lễ Chiêu (câu siêu) 1 CD.
- ◇ Nhạc Tuyên Phật Giáo 1 CD.
- ◇ Niệm Phật Phạm Âm 1CD.

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

La mère de Maudgalyayana pouvait consulter les esprits mais elle ne croyait ni en Bouddha, ni en Dharma, ni en Sangha. Elle calomniait le Triple Joyaux et disait du mal de Bouddha. A cause de ces lourdes offenses, à sa mort, elle fut tombée dans les enfers. Lorsque Maudgalyayana atteignait le fruit d'Arhatship et gagnait les cinq yeux et les six pouvoirs spirituels, d'un simple coup d'oeil au monde entier il localisait l'enfer où sa mère était enchaînée. Voyant sa souffrance et sa privation de nourriture, il lui donna un bol de nourriture. Sa nature cupide avait accompagné cette femme du monde des vivants à celui des esprits affamés. Elle couvrit immédiatement le bol d'une main, le cacha derrière sa manche et se sauva pour le manger en cachette de peur que les autres s'en emparent. Mais comme le poids de son karma était tellement lourd, la délicieuse nourriture se changea en feu dans sa bouche. Bien qu'il fût le meilleur en pouvoirs spirituels, il n'avait aucun moyen pour libérer sa mère. Totalement désespéré, il allait demander conseil à son maître. Les talents que ce disciple avait développés étaient impuissants dans cette situation. Il retourna à la Grotte de Jeta et supplia le Bouddha Sakyamuni d'être compatissant et de sauver sa mère.

Le Bouddha Sakyamuni dit : « Les obstacles karmiques de votre mère avaient été formulés lorsqu'elle avait calomnié le Triple Joyaux. A vous, tout seul, vous n'avez pas assez de puissances pour la sauver, le jour de la réjouissance du Bouddha, aura lieu le 15^{ème} jour du septième mois, le dernier jour de la retraite annuelle de la pluie du Sangha, nous organiserons la fête d'Ullambana. Ce jour-là, les offrandes venant des dix directions seront faites au Sangha. Avant d'accepter les offrandes et de manger la nourriture, le Sangha récitera les Mantras et les Sutras pour libérer les parents et les amis qui sont tombés dans les mauvais destins, et ceux qui sont suspendus la

tête en bas. Ceux qui font les offrandes doivent veiller à ce que l'aliment soit bien sain jusqu'à ce qu'il soit offert au Bouddha, au Dharma et au Sangha. » La mère de Maudgalyayana fut ainsi libérée des enfers grâce à ce pouvoir unifié du Sangha et fut renée dans les cieux ; elle quitta la souffrance et obtint finalement la bénédiction. Depuis, chaque année, à la même date, la cérémonie était célébrée dans tous les monastères et les temples pour sauver les parents et les amis de cette vie présente et aussi ceux des sept vies antérieures.

Vous pouvez dire : « Mais mes parents sont encore en vie ». Vous pouvez sauver vos parents des sept vies antérieures et vos parents présents bénéficieront aussi d'une augmentation de bénédiction et de longue vie. Les pouvoirs spirituels de Mahamaudgalyana étaient extrêmement immenses. Une fois, lorsque le Bouddha Sakyamuni faisait route en direction du ciel des trente Trois pour parler du Dharma, il passait par le Mont Sumeru. En chemin, il rencontre deux dragons venimeux qui nourrissaient une grande jalousie envers le Bouddha. « Est-ce qu'un Shramana comme vous pense vraiment pouvoir parler du Dharma dans les cieux ? » Disaient-ils. « Nous ne lui permettrons pas ! » Et ils crachaient des nuages noirs toxiques pour tuer le Bouddha. Plusieurs Bhikshus demandèrent au Bouddha la permission de combattre les dragons, mais le Bouddha ne leur a pas permis parce qu'il savait que leurs pouvoirs demeuraient encore insuffisants. Néanmoins, il accordait la permission à Maudgalyayana d'aller combattre les dragons. Ceux-ci se transformèrent en dragons géants qui, par sept fois entourèrent le mont Sumeru, leur queue dans l'océan et leur tête sur le sommet de la montagne. Le mont Sumeru était d'une dimension colossale. Nos quatre continents, en fait, sont sur ses côtés.

Maudgalyayana se transforma en deux fois plus grand que les dragons et s'enroula autour du Mont Sumeru quatorze fois ! Les dragons envoyèrent une pluie de sable du Vajra, mais Maudgalyayana la transforma en délicates pétales de lotus ; ceci augmenta simplement la fureur des dragons. Maudgalyayana se fit ensuite tout petit à la taille d'un insecte. IL entra en volant dans les oreilles des dragons et y bourdonna (dans leurs oreilles). Ensuite il transperça leur nez et leur estomac et mordit leurs organes intérieurement ils souffraient tant qu'ils n'en pouvaient plus et durent finalement se soumettre. Maudgalyayana reprit l'apparence d'un Shramanera et emmena les deux dragons au devant du Bouddha. Celui-ci les mit sous sa protection et ils se joignirent à l'assemblée.

Mahamaudgalyayana est le Bodhisattva de l'entrepôt de la terre. Il ne pouvait pas supporter de voir sa mère souffrir dans les enfers. Il ne pouvait pas non plus supporter de voir souffrir n'importe quelle mère. Par conséquent, il se jurait d'être le Bodhisattva de l'entrepôt de la terre et de se donner pour tâche de délivrer les gens des enfers, en disant :

*Tant que les enfers ne sont pas vides,
Je jure de ne pas réaliser la Bouddhésité,
Quand tous seront libérés,
J'accomplirai alors le Bodhi.*

8. MAHAKATYAYANA.

Maha veut dire « grand ». Katyayana signifie « l'élégance littéraire » parce que ce vénérable était le meilleur des disciples du Bouddha en matière de discussion et s'exprimait avec grande élégance et raffinement. Son nom se traduit aussi comme « le cordon du tartare » parce que son père mourut peu de temps après sa naissance et sa mère voulait se remarier, mais l'enfant Katyayana était un cordon comme celui du tartare qui l'empêchait de faire selon son désir.

Le nom de Katyayana signifie encore « les belles épaules, » parce que ses épaules étaient belles et bien formées et aussi « le penseur victorieux » parce qu'il pouvait méditer. Katyayana, un interprète éloquent du Dharma, apprenait facilement à utiliser son raisonnement au profit de son pays. Un jour, il rencontra un profane qui restait attaché au principe de l'anéantissement, c'est à dire qu'il ne croyait pas à la renaissance mais était persuadé que la mort c'est la fin de tout. Il faisait face à Katyayana tout en restant sur sa position et dit : « Les Bouddhistes croient qu'après la mort, il y a une renaissance. Je ne crois pas à

cette doctrine, et je peux prouver que c'est faux. S'il y a une renaissance et que les êtres sont destinés à souffrir dans les futures réincarnations, alors pourquoi aucun d'eux n'est revenu pour nous en rapporter ? Ceci prouve qu'il n'y a pas de renaissance. Quand les gens meurent, c'est fini, comme une lampe qui s'éteint.

Katyayana dit : « Prenez le cas d'un criminel qui est arrêté et emprisonné. Serait-il libre de retourner chez lui ? »

« Non, » vint la réponse.

« Les êtres échoués en enfer sont encore moins libres d'aller et venir. » dit Katyayana.

« Peut-être, » dit l'annihilationiste, « mais même parmi ceux qui ont pu renaître dans les ciels, pas un seul non plus n'est revenu pour nous témoigner. En enfer, les gens n'ont aucune liberté mais les êtres célestes devraient être libres d'aller où bon leur semble, et donc de retourner sur terre nous raconter ce qui s'est passé après leur décès.

Katyayana dit : « c'est juste. » Cependant, les gens nés dans les ciels sont comme ceux qui, sortis des toilettes se sont bien lavés. Il est peu probable qu'ils aient envie de retourner en arrière et de s'y replonger. Son interlocuteur ne trouvait rien à répondre à cela.

« En plus, » continua Katyayana, « un jour et une nuit dans le ciel des Trente trois, par exemple, équivalent à cent ans dans le monde des humains. Nés dans le ciel, ils prendraient plusieurs jours pour s'installer. Lorsqu'ils songeaient enfin à revenir, plusieurs siècles se seront écoulés ici-bas. Vous auriez été morts et retournés à la poussière depuis longtemps. Comment saurez vous qu'ils n'étaient pas revenus ?

Son adversaire ne pouvait rien dire. Chacun des dix grands disciples du Bouddha possédait une qualité par laquelle il surpassait les autres. Mahakatyayana, le premier en discussion, s'exprimait avec aisance. Son éloquence était imbattable.

9. ANIRUDDHA.

Le nom du Vénérable Aniruddha veut dire « jamais pauvre », parce que dans le passé un nombre illimité de kalpas, il avait fait une offrande au PratyekaBouddha. A cette époque, il ne savait pas que le mendiant était le PratyekaBouddha. PratyekaBouddha, qui vivait dans les montagnes avait fait le serment de descendre mendier seulement une fois par semaine, et il passait seulement par sept maisons.

S'il n'obtenait pas de nourriture, il retournait les mains vides et restait à jeun pendant toute une semaine jusqu'à la quête suivante. Cette fois-ci, n'ayant obtenu aucune nourriture, il rentrait avec son bol vide et s'apprêtait à passer une autre semaine à jeun. Connaissant ceci Aniruddha en fut très peiné. La vie à l'époque était dure et la famine sévissait. Les familles avaient déjà du mal à se suffire et n'avaient rien à offrir à ceux qui avaient quitté la maison. Aniruddha, un pauvre fermier qui gagnait sa vie avec le travail de la terre, mangeait du riz le moins cher, qu'il emportait aux champs avec lui chaque jour. Lorsqu'il vit le Bhikshu, il dit : Ce moine doit être dans le Même cas que moi-même et doit surement souffrir de la famine. Quelle pitié ! Mon riz est très grossier. Je ne sais si vous l'accepteriez. Si vous ne le dédaignez pas, il est à vous.

« Si vous désirez me le donner, je l'accepterai volontiers, » dit le PratyekaBouddha.

« Mais que mangerez-vous alors ? »

« Je peux sauter le déjeuner d'aujourd'hui, » dit Aniruddha.

« ça ne fait rien. »

Quand le PratyekaBouddha avait fini de manger, il révélait ses pouvoirs spirituels en manifestant dix huit changements miraculeux.

Les choses que les Arhats et les PratyekaBouddhas peuvent faire mais que les gens ordinaires trouvent rarement. Après cela, il dit : « J'ai accepté votre offrande et à partir de maintenant, dans chaque vie future, vous ne serez jamais pauvre, » ensuite il partit.

Aniruddha continua à travailler dans les champs, soudain un lapin survint. C'était étrange, il sauta et se fôlatra autour d'Aniruddha aussi docilement qu'un cheval, qu'un chien ou qu'un chat. « Ne m'embêtez pas, » dit finalement Aniruddha, « Je travaille et je n'ai pas le temps de jouer avec vous. »

Alors le lapin sauta sur le dos d'Aniruddha. Par tous les moyens Aniruddha essayait de l'enlever, il ne bougeait pas. C'était comme s'il était enraciné sur les épaules d'Aniruddha. Aniruddha continuait à travailler, mais il s'inquiétait. « Qu'est-ce qui arrive à ce lapin pour s'agripper ainsi à mon dos ? » se demanda-t-il. Aussi pauvre qu'il était, il avait toujours une femme ; Lorsqu'il rentra chez lui cette nuit là, il lui demanda d'enlever le lapin de

son dos. Elle le fit et alors le lapin mourut et se transforma en or ! Aniruddha détacha sa patte de devant et l'échangea pour une grosse somme d'argent. A sa surprise, la patte de devant repoussa ! La même chose se produisait aussi chaque fois qu'il détachait une de ses pattes. Il tenait dans ses mains la fortune ! Personne ne savait combien il en possédait parce qu'il pouvait toujours détacher une partie du lapin en or. Il n'était non seulement pas un homme riche dans cette vie, mais pendant quatre vingt et un kalpas il était riche, honoré et n'avait pas souffert de pauvreté.

Lorsqu'il fit l'offrande, il ne savait pas que le Bhikshu était le PratyekaBouddha. Après l'avoir accepté, le PratyekaBouddha lui conférait le mérite, afin qu'Aniruddha reçût la rétribution de ne jamais être pauvre. Aniruddha, le premier cousin du Bouddha, aimait mieux dormir. En effet, chaque fois que le Bouddha faisait une conférence sur le Dharma, Aniruddha s'assoupissait avec la tête posée sur la table et ronflant comme le tonnerre. Une fois le Bouddha le gronda en disant :

Hé ! Hé ! Comment pouvez-vous dormir,

Comme une huitre ou une paluche ?

Dormez, dormez pendant mille ans,

Et vous n'entendrez jamais le nom du Bouddha.

Après cette réprimande, en un coup de vigueur, Aniruddha décida de ne jamais plus dormir à nouveau mais de consacrer toutes ses forces à étudier la doctrine du Bouddha. Il restait éveillé pendant sept jours et sept nuits et résultat il devint aveugle. Le Bouddha Sakyamuni savait qu'il était devenu aveugle à cause de son acharnement à vouloir étudier la doctrine du Bouddha, eut pitié de son petit cousin et lui enseigna le samadhi du Vajra de la brillante illumination. Par la suite, Aniruddha cultivait selon le Dharma et obtenait la Pénétration de l'oeil céleste. En effet, son oeil céleste couvrit la moitié de sa tête, lui permettant de voir l'ensemble des trois mille grands mondes tout comme nous regardons un fruit d'anala ou une pomme tenue dans nos mains. Ainsi, Aniruddha était le premier à posséder l'oeil céleste.

(à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Pourtant, avant d'accomplir la Bouddhité, un démon céleste est venu le tester. Ce dernier se transforma en une belle femme puis vint devant le Bouddha et lui parlait tout en essayant de le séduire pour le faire renoncer à sa pratique pour l'épouser. Mais le Bouddha, fort de son samadhi, ne fut pas troublé par la vue de cette créature aussi charmante. Il se disait simplement : « Vous pensez que vous êtes réellement belle, mais en réalité vous n'êtes qu'une vieille taupe. D'innombrables rides se creusent sur votre visage et des larmes et des humeurs dégoûtantes s'écoulent de vos yeux et de vos narines. Il y a de la saleté dans votre nez et votre bouche aussi renferme des saletés. Votre corps entier est infect et malgré cela, vous venez essayer de me duper. » Le Bouddha méditait cette réflexion dans son samadhi et transformait le pouvoir du démon et celui-ci se métamorphosa en une vieille femme édentée, aux cheveux devenus tout blancs. De son nez s'écoulait des sécrétions, elle paraissait misérable. « Regardez-vous vous même, » dit le Bouddha au démon. Le démon se regardait et était si honteux qu'il s'enfuyait. Beaucoup d'autres démons étaient venus pour mettre le Bouddha à l'épreuve mais le Bouddha ne se laissait pas influencer. Comme il a pu résister aux démons, il accomplissait la voie de Bouddha.

Quand les gens ont travaillé dur pour pratiquer la voie, il est probable qu'aux étapes décisives de leur accomplissement, ils subissent des épreuves des démons. Au début, quand vous ne possédez qu'un peu de puissance, les démons ne vous mettent pas à l'épreuve, mais une fois devenu plus puissant, ils vous soumettront à l'essai. Si vous ne relevez pas ces défis, alors vous pouvez

vous enfuir pour vous joindre à la famille des démons. Si vous voulez pratiquer jusqu'à l'accomplissement réel, vous devez développer le Samadhi de la nature. Quand vous pratiquez en travaillant le samadhi de la nature, même si votre nature n'est pas partie, vous aurez quand même naturellement le pouvoir de samadhi et votre

accomplissement sera naturellement vrai et réel.

Si vous vous êtes laissés influencer par les démons, alors votre samadhi n'est pas réel et pur mais c'est plutôt un samadhi déviant qui ne vous emmènera pas à la Bouddhité.

J'ai cité auparavant les samadhis déviants développés par les gens qui étudiaient le comportement des vaches et des chiens. Comment était-il possible que la vache et le chien qu'ils ont imités, arrivaient à naître dans les cieux ? Dans une vie antérieure, la vache avait peut-être pratiqué les dix bonnes actions, mais il avait certainement fait aussi beaucoup de mauvaises actions. Le châtement pour les mauvaises actions l'avait fait naître sous la forme d'une vache mais la récompense pour sa pratique des dix bonnes actions l'avait guidée à renaître dans les cieux. C'était pareil pour le chien. Ne connaissant pas les origines et les conditions passées de la vache et du chien qui ont conduit à leur naissance dans les cieux, ces gens pensaient que c'était simplement une vache ou un chien dans cette vie présente qui conduisait à la récompense céleste. Alors, ils imitaient sans réfléchir le comportement des vaches et des chiens. Rien ne venait de leur pratique et ils ne pouvaient pas obtenir l'accomplissement réel. Le vrai accomplissement signifie la réalisation véritable de sa propre sagesse et de son pouvoir de samadhi, autrement dit le samadhi aide la sagesse et la sagesse aide le samadhi dans une interpénétration mutuelle, parfaite et sans obstacle. Cela veut dire atteindre la substance de la vraie fondation, atteindre son propre coeur réel. La cinquième raison pour que le Bouddha enseigne ce Sutra est :

5. Détruire les réflexions impures et dissiper les illusions erronées. Les réflexions impures sont « souillées ». Les gens se comportent de manière insensée. En effet, même si les gens ne sont pas réellement insensés, leurs réflexions le sont. Quand Ananda et la fille de Matangi retournaient vers le Bouddha, Ananda s'agenouilla et demanda des instructions. Après l'avoir entendu, il s'exprimait dans un verset, qui

commence ainsi : « Le dharani merveilleusement profond, le seul Honoré impassible, le Roi du plus avancé Shurangama se trouvait rarement dans le monde. »

« Le Seul Honoré impassible » est le samadhi Shurangama. La phrase entière fait allusion au Bouddha Sakyamuni. Il est rare parce que, comme il a été dit dans le troisième vers du verset : « Il dissipe mes réflexions impures cumulées pendant des millions de siècles. » Vie après vie, durant des siècles illimités et sans bornes, Ananda avait nourri des réflexions impures et souillées. Les réflexions impures désignent toutes les pensées formulées habituellement par tout le monde. La fonction du SUTRA SHURANGAMA est de détruire et chasser ces fausses réflexions impures et dissiper nos illusions fragiles.

Les illusions subtiles peuvent être si finement tissées que les yeux ne peuvent pas voir, les oreilles ne peuvent pas entendre, et l'esprit ne peut même pas imaginer. Dès que nous faisons naître une pensée peu éclairée, les trois illusions délicates se dressent bien que le temps de la formulation d'une pensée soit très court. L'illusion peut être comparée à de la poussière. S'il y a de la poussière qui vole dans une chambre où il y a un miroir, le miroir attirera immédiatement beaucoup de particules de poussière. Ces particules de poussière demeurent inaperçues sur le miroir jusqu'à ce qu'elles deviennent si épaisses qu'elles recouvrent entièrement le miroir. Nos illusions fragiles sont comme de la poussière déposée sur le miroir.

Fondamentalement, la nature de notre soi est comme un miroir brillant. C'est le parfait grand miroir de la sagesse. Mais, à cause de ces délicates illusions, le brillant miroir devient de plus en plus terne et se dégrade au fur et à mesure. Le verset du grand Maître Shen Hsiu dit :

*Le corps est un arbre Bodhi
L'esprit est comme un brillant miroir
Du temps et de la patience, nettoyez-le ;
Ne laissez pas la poussière y déposer.*

Certains disent que ce verset est incorrect. Moi, je dis qu'il est correct. Pourquoi ? Il nous dit de pratiquer constamment, de balayer plusieurs fois l'esprit pour en chasser de la poussière. Nettoyez-le matin et soir jusqu'à ce que vous ayez enlevé toute la poussière des illusions fragiles. Après, le miroir de votre nature de soi brillera avec éclat. Avant d'être illuminé, on devrait honorer cette

doctrine et la pratiquer correctement.

Le Grand Maître, le Sixième Patriarche, dit en réponse :

*A l'origine, le Bodhi n'a pas d'arbre,
Ni aucun miroir n'est brillant.
Il n'y a rien à l'origine,
Où la poussière peut-elle se déposer ?*

Ce verset fut exprimé par celui qui était déjà illuminé. Celui qui est illuminé peut comprendre et pratiquer suivant ce verset.

On dit :

*Quand pas une seule pensée n'est formulée,
La substance entière se manifeste.
Quand les six racines s'agitent tout à coup,
On est couvert par les nuages.*

Quand pas une seule pensée s'est produite, la nature de Bouddha et le samadhi apparaissent. Quand vos yeux, vos oreilles, votre langue, votre nez, votre corps et votre esprit s'agitent soudainement et prennent le contrôle, c'est comme si le ciel se voile tout à coup. Alors, on doit mettre fin aux fausses réflexions impures et chasser les doutes perfides et alors après on peut très rapidement atteindre la Bouddhité. Les gens préféreraient plutôt se plonger dans les cinq Turpitudes, ils s'écoulent et oublient de s'en retourner. Ils prennent la souffrance pour la béatitude, tournent le dos à l'illumination et redeviennent de la poussière. Bien qu'ils n'ait pas encore rompu le cycle de la naissance et de la mort, ils se disent néanmoins qu'ils sont bien nantis, ils s'exclament : « Regardez-moi, je suis intelligent et beau. Tout le monde m'admire, m'apprécie et je comprends beaucoup de choses que d'autres ne comprennent pas. En réalité, ces gens sont comme les miroirs qui attirent la poussière. Plus la poussière s'y déposent, plus le miroir deviendra terne jusqu'à ce qu'il ne réfléchisse plus aucune lumière. Ils peuvent penser qu'ils sont astucieux dans cette vie présente, mais attendez et vous verrez peut-être que après dix réincarnations, ils finiront par devenir aussi stupides que des cochons. Ce qui compte dans cette vie, c'est de savoir vers quoi nous nous acheminons—nous devons connaître parfaitement ce que sera notre destin, quelle route nous prendrons. Alors pour nous il y aura un espoir.

La sixième raison pour que le Bouddha enseigne ce Sutra est ceci :

6. Faire comprendre aux deux branches ce qui est

profitable pour les êtres vivants dans le présent et pour le futur.

Les deux Branches sont « la porte égale », qui est le Dharma réel, et la Branche « à instrument », qui est le Dharma provisoire. Le Dharma provisoire n'est pas réel, et il n'est que temporaire, non permanent. Le Véritable Dharma est réel et à jamais invariable. Alors, il y a les deux Dharmas : le Provisoire et le Véritable.

La porte « à instrument », le Dharma Provisoire peut être représenté par l'événement suivant : Une fois, le Bouddha Sakyamuni vit un enfant qui marche à petits pas chancelants vers un puits—Il était à deux doigts de tomber dans l'eau. Il se noierait certainement avant que quiconque puisse l'attraper. Le Bouddha savait que s'il appelait l'enfant, lui dit simplement de revenir, il n'écouterait pas, mais continuerait à s'enfuir. Mais il dit au contraire : « J'ai un bonbon dans la main. Reviens vite et je te donnerai le bonbon. » Quand l'enfant entendit cela, il fit demi-tour et revint vers le Bouddha.

En réalité, il n'y avait rien dans la main du Bouddha. Mais, est-ce que le Bouddha a-t-il menti ? Est-ce qu'il a trompé l'enfant ? Non. L'enfant était sur le point de tomber dans le puits. Si le Bouddha ne l'avait pas séduit par une manière ou une autre pour le faire retourner tout de suite, il se serait noyé. Ainsi, quand le Bouddha tendit sa main vide fermée, il prétend qu'il y avait un bonbon dedans. L'enfant revint parce qu'il voulait manger le bonbon.

La Porte de Dharma Provisoire est employée pour enseigner et transformer les êtres vivants. Au fond, il n'y a rien du tout, mais le Bouddha dit aux êtres vivants : « J'ai plein de trésors. Venez vers moi et je vous donnerai un bijou—Une pierre précieuse inestimable—et d'autres belles choses... » Poussés par leur cupidité, les êtres vivants ne songent qu'à récolter des avantages. Ils ont été attirés par une porte de Dharma à instrument. La Porte Provisoire fait référence alors à l'ingéniosité pour trouver les moyens dans le but de sauver les êtres vivants.

La Porte Egale de Dharma—le véritable Dharma—et la porte Dharma provisoire furent toutes deux utilisées pour enseigner ce Sutra. Grâce à ces deux portes de Dharma, les êtres vivants sont amenés à se détacher de la souffrance et atteindre la béatitude. Ils pourront alors recueillir les résultats de leurs efforts.

Les deux Portes font du bien aux êtres vivants dans le présent et pour le futur. Le « présent » ici peut désigner le temps où enseignait le Bouddha et il peut aussi se référer à notre temps. Les êtres vivants du présent et du futur peuvent obtenir l'intérêt d'être enrichis par le Dharma. Faire comprendre les deux Portes aux êtres vivants du présent et du futur est la dernière des six raisons de la présence de cet enseignement. (à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Il existe aussi un livre intitulé « Les cinq méthodes secrètes pour la pratique de la récitation », ces cinq Divisions sont les cinq yogas secrets des portes du Dharma. C'est-à-dire :

1. En déracinant les malheurs, Shantika ;
2. En augmentant le bénéfice, Paushtika ;
3. En se soumettant, Abhicharaka ;
4. En s'accrochant et en convoquant, Akarshani ;
5. En vénérant, Vashikarana ;

Maintenant ce qui appartient à la Division du Bouddha est l'augmentation du bénéfice, c'est une porte du Dharma d'un monde transcendant. Ceci se rapporte à la pratique de Dharmas du monde transcendant.

Le Sutra Susiddhi dit que SAN DI JYA (Shantika) est le Dharma des calamités déracinantes ; BU SAI JENG JYA (Paushtika) est le Dharma de l'augmentation du bénéfice ; E PI JE LU JYA (Abhicharaka) est le Dharma de la soumission. Chacune de ces trois divisions a trois genres de vrais mots. Ces trois divisions des calamités déracinantes, de l'augmentation du bénéfice et de la soumission ont chacune son propre genre de vrais mots.

1) Ceux-là sont prononcés par les saints- les Bouddhas, les Bodhisattvas, ceux qui sont illuminés par des conditions et des auditeurs-sont appelés les véritables mots des sages. Ce sont de véritables caractères employés par les quatre genres de sages à travers les dix directions et les trois époques.

2) Ceux sont prononcés par les êtres célestes- des cieux du Lieu Pur jusqu'au ciel de Trente Trois- sont appelés les vrais mots des êtres célestes. Toute la voie depuis des cieux du Lieu Pur jusqu'au ciel des Trente Trois, les êtres célestes s'expriment des vrais mots. Le ciel des Trente Trois est ainsi nommé parce qu'il

contient huit cieux au Nord, au Sud, à l'Est et à l'Ouest, avec un seul au centre.

3) Ceux sont prononcés par les êtres célestes résidant sur la Terre- ceci fait allusion aussi bien à des gens qu'aux octuples divisions de Rois spirituels- sont appelés les vrais mots des êtres célestes qui demeurent sur Terre. Les huit divisions se rapportent aux Dieux, aux nagas et ainsi de suite...les démons et les esprits.

Ce dont on est en train de discuter appartient à la Division de l'augmentation du bénéfice des Bouddhas et des Sages. Un texte intitulé LE HUI YI dit qu'il y a trois parties pour la Division secrète. Dans la division secrète, il y a trois chapitres :

1. La Division du Bouddha.
2. La Division du Bodhisattva et
3. La Division de démon et de l'esprit.

Chacune est discutée en des termes de niveau élevé, moyen et inférieur. Les Dharmas de l'avantage croissant est appliqué lorsque votre détermination sur la voie n'est pas suffisant. Les malheurs déracinants sont de niveau moyen. Les malheurs déracinants veulent dire que quel que soit le malheur, quand vous récitez ce Mantra, le malheur disparaît. Mais vous devez aussi déraciner les malheurs dans votre propre esprit. Quel genre de malheurs avez-vous dans votre propre esprit ? Si vous comptez totalement sur ce Mantra, et cependant vous persistez à faire naître constamment des fausses pensées, des mauvaises pensées, des pensées de désir et de turpitude, toutes sortes de pensées étrangères, ceci veut dire que vous n'avez pas débarassé les malheurs de votre propre esprit alors quel que soit le Mantra que vous récitez, il sera inutile. Si vous désirez déraciner les malheurs, vous devez d'abord purifier votre esprit en purifiant votre esprit, vous déracinez vraiment les malheurs. Les bénéfices croissants se développent de la même manière, vous devez d'abord nettoyer votre esprit pour être capable d'augmenter les bénéfices pour les autres aussi bien que pour vous-même. Si votre esprit est totalement rempli de cupidité, de haine et de stupidité, alors quel que soit le Mantra que vous récitez, il ne sera pas efficace. Alors, la porte du Dharma de l'esprit est d'une importance première. Votre esprit devra être compatissant et vous devriez avoir la volonté d'être bénéfique

aux autres et avoir un bon coeur. Tout cela explique ces termes : Augmentant les bénéfiques et déracinant les malheurs.

La porte du Dharma du crochet et de la convocation (Akarshani) se présente quand quelqu'un viole la loi en commettant un meurtre et le policier se rend sur le lieu du crime et arrête le meurtrier. Le langage du Mantra agit de la même façon qu'un policier. S'il y a un esprit étrange ou une créature qui provoque de mauvaises maladies ou crée d'autres problèmes, vous pouvez réciter ce Mantra et il se fera pincé et emporté. Il s'agit là simplement de petits voleurs ou des bandits qui soient pris par la police. Bien qu'ils sont arrêtés et mis sous garde mais parfois ils ne se soumettent toujours pas. Alors vous devez employer toutes les méthodes pour les instruire et les convertir, utilisant la force pour provoquer la soumission (la soumission est un Dharma au plus bas degré) est une méthode primaire. La méthode au plus niveau n'emploie pas la force. Même envers les démons et les esprits étranges, vous ne devriez pas employer la pression. Vous ne devriez pas vous battre avec eux. Vous ne devriez pas agir comme des asuras qui sont forts dans leur capacité de combattre. Même si vous aviez suffisamment de forces pour les dominer, vous n'utiliserez pas le Dharma de la soumission. Mais vous devriez vous servir de la conduite vertueuse pour les influencer, les transformer et les rendre profitables. Vous devriez les instruire et les convertir. La soumission consiste à utiliser son autorité pour supprimer quelqu'un ou le forcer à obéir au Dharma. C'est un Dharma au plus bas degré.

En plus, il ya trois Dharmas supérieurs. Qui sont : La performance des cérémonies, les Dharmas de la contemplation et de la pureté scrupuleuse. Ces trois aspects du Dharma pénètrent l'Esprit de Bodhi sans égal, comme un invité qui gouverne.

Pour résumer, quel que soit le genre du Dharma que vous pratiquez, vous devez utiliser l'Esprit de Bodhi

sans égal. Vous devez développer la grande bonté, la grande compassion, la grande joie et la grande équanimité. Vous ne pouvez pas utiliser le pouvoir de la voie pour opprimer quiconque ou pour opprimer n'importe quel genre de démons bizarres ou d'esprits étranges. Le Dharma, quel qu'il soit, doit vous être transmis par un Maître. S'il ne vous est pas transmis par un Maître, cela est appelé "voler le Dharma". Si l'on ne se conforme pas à la juste manière de la pratique, alors on apportera un mauvais châtiment sur soi-même. C'est parce que les bons esprits qui protègent les Mantras seront malheureux si vous n'observez pas strictement les préceptes. Si on viole les interdictions sévères et si en obtenant une réponse efficace à la récitation du Mantra, on le raconte aux autres : "Oh ! J'avais récité le Mantra de la Grande Compassion et j'ai eu une telle et telle réponse ou j'ai guéri la maladie d'une telle et telle personne. Ou bien J'avais récité le Mantra Shurangama et j'ai eu une telle et telle réponse..." Vous ne pouvez pas en discuter. Si vous avez une réponse, très bien. Mais vous ne devriez pas le faire savoir. Vous ne devriez pas propager vos capacités. Vous ne devriez pas mettre des panneaux d'affichage sur les grandes voies publiques en vendant votre propre pratique, vous ne pouvez pas vendre votre propre pratique.

Il est injuste d'en parler aux gens. Si on agit ainsi, on s'attirera de grandes difficultés. Des événements malheureux surgiront et vous causeront beaucoup de malheurs. En outre, il y a quatre avantages complets et inconcevables du Bouddha.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Deuxièmement, le Bouddha grondait le Grand Kasyapa parce, dans sa pénible pratique d'ascétisme, il ne mangeait non seulement un repas par jour, mais il mendiait uniquement chez les pauvres. Sa pensée était "Ces gens sont pauvres parce que dans leurs vies antérieures ils ne nourrissaient pas le mérite et la vertu. Ils ne faisaient pas de bonnes actions quand ils avaient d'argent, par conséquent dans cette vie ils sont pauvres. Je les aiderai à sortir de leur situation difficile en leur donnant l'occasion de semer les bénédictions devant le Triple Joyaux, alors dans la prochaine vie ils seront riches et honorés." Plus les gens étaient pauvres, plus il venait leur mendier, au point que les pauvres gens prenaient de la nourriture dans de leur propre bol pour lui faire offrande. Je crois que comme le Patriarche Kasyapa pratiquait l'ascétisme il voulait supporter la souffrance, et ne voulait pas manger les bonnes choses. Il savait comment se nourrissaient les riches et lui-même ne voulait pas bien manger. Il y a un proverbe chinois qui dit :

*"Economiser les habits augmente la vie.
Economiser la nourriture augmente les
bénédictions ».*

Le Grand Kasyapa avait cent vingt ans quand il prenait refuge auprès du Bouddha. Vie après vie il avait été sobre, et dans cette vie parce qu'il n'aimait pas la nourriture des riches, il mendiait uniquement chez les pauvres, contrairement à Subhuti (qui ne mendiait que chez les riches). Toutes ces deux méthodes sont extrêmes, et ne sont pas conformes à la voie du juste milieu, et c'est pour cette raison que le Sutra Shurangama dit que le Bouddha les grondait et les appelait Arhats.

Le Bouddha était juste dans sa mendicité et ne favorisait pas le riche ni le pauvre. Son disciple Ananda suivait son exemple et pratiquait une égale compassion. "Ananda savait déjà que le Tathagata, l'Honoré du Monde, avait reproché à Subhuti au

grand Kasyapa ainsi qu'aux Arhats dont le cœur n'était pas partial."

Il (Ananda) décidait que pendant toute sa mendicité il ne ferait aucune attention. Que ses donateurs soient propres ou malpropres, réputé (Ksatriyas) ou infime (candalas). Il pratiquerait une compassion égale, plutôt que chercher le moyen et modeste, et en cette façon permette. Tous les êtres vivants sont semblables et doivent également obtenir le mérite illimité.

L'impartialité dans la mendicité du Bouddha est indiquée par la Stricte Succession de porte en porte, il poursuivait. Lorsqu'il finissait de mendier dans une maison, il passait à une autre à côté et ainsi de suite.

Quand, il avait fini sa mendicité consécutive, il retournait au Bosquet de Jeta dans le Jardin du Bienfaiteur des Orphelins et du Solitaire, où seul, il mangeait sa nourriture, rangeait sa robe et son bol, et lavait ses pieds. Le Bouddha voyageait toujours à pieds nus, alors après il retournait et avait mangé il lavait ses pieds.

Ensuite, il arrangeait son siège et s'asseyait. Quand sa mendicité était finie, la nourriture mangée, sa robe et son bol remis dans la réserve et ses pieds nettoyés... après avoir exécuté cette coutume fondamentale... Le Bouddha arrangeait son siège et s'asseyait.

Cela ne signifie pas qu'il entassait les oreillers au dessous derrière, tout autour et se détendait sur son coussin en peluche comme font la plupart des gens.

Cela signifie qu'il arrangeait une petite carpe et mettait un peu de l'ordre à son siège et puis s'asseyait.

Le vrai signe du prajna était exprimé dans l'exécution de la coutume quotidienne du Bouddha. Cela ne veut pas dire que le but de la pratique était centré dans l'exécution elle-même, en disant « je le pratique » mais plutôt, si on comprend le Dharma, la pratique est simplement silencieuse. Cela n'est pas vrai non plus pour un

pratiquant expérimenté et déclaré :“ Regardez-moi, je m’assois ici”, alors qu’ une minute après, on le trouve remuant continuellement.

Les gens qui pratiquent la voie parlent rarement. Ne parlez pas beaucoup. Si vous parlez, vous gênez la pratique des autres aussi bien que la vôtre. Dans un lieu où vit le Sangha aucun son ne doit être entendu. Si la conversation est nécessaire , il est souhaitable de parler à voix basse pour ne pas déranger les autres. Les gens qui souhaitent utiliser l’effort dans la pratique de la voie devraient étudier le Bouddha et dans tout mouvement, tout geste, évitez l’obstruction les autres.

LA DEMANDE DE SUBHUTI

EN CE TEMPS LA, LE VIEUX SUBHUTI SE LEVA DE SON SIEGE DANS LE RASSEMBLEMENT, MIT A NU SON EPAULE DROITE, SON GENOU DROIT PAR TERRE, SE JOIGNIT LES MAINS AVEC RESPECT ET DIT AU BOUDDHA.

Après avoir mis sa robe et son bol, Bouddha Sakyamuni lavait son visage, arrangeait son siège et s’asseyait, un VIEUX nommé SUBHUTI se mit debout dans la réunion. Il y a trois genres de vieux : le vieux en années, le vieux en nature du Dharma, et le vieux en bénédictions et en vertu.

1. Le vieux en années doit être âgé et avoir tenu les préceptes depuis longtemps, comme l’avait fait Mahakasyapa, le plus âgé et gardait les préceptes le plus longtemps des ceux dans le rassemblement du Dharma du Bouddha Sakyamuni. Il y a trois grades de vieux en années :

- a) Un rang inférieur, ceux qui ont tenu les préceptes depuis au moins dix ans
- b) Un rang moyen, ceux qui ont tenu les préceptes depuis plus de vingt ans
- c) Le rang élevé , ceux qui ont tenu les préceptes depuis plus de 30 ans.

2. Le vieux du Dharma-nature, peut-être jeune, mais il doit posséder la grande sagesse et être capable de donner des conférences des Sutras et parler Dharma avec suffisamment de pouvoir pour enseigner et transformer les êtres vivants. Sa compétence venait de sa profonde compréhension du Dharma, sa pénétration du merveilleux principe et son éloquence oratoire. Par exemple, le disciple Sariputra du Bouddha a maîtrisé entièrement l’enseignement du Bouddha en entier tout juste sept jours et devint un vieux à l’âge de huit ans. A ce temps là, il montait sur le siège hautement placé et parlait du Dharma, bouleversant totalement les

orateurs des cinq parties de l’Inde. Tout ce qu’ils pouvaient faire était de se prosterner devant l’enfant de huit ans et se confesser battus. De tous les disciples du Bouddha Shakyamuni, Sariputra était le (plus) premier en sagesse et avait une éloquence non obstruée.

Il y a quatre genres d’éloquence non-obstruée : l’expression, le principe, le Dharma et le plaisir dans le discours.

a) Eloquence non-obstruée de l’expression nous permet de répondre à n’importe quelle question, même bien difficile, sans perplexité.

b) Eloquence non-obstruée du principe est un complément de cette expression parce au long d’en avoir des pouvoirs de débat sans limites. On doit toujours parler en accord avec le principe.

c) Eloquence non-obstruée du Dharma signifie que quoi qu’il est dit, on peut aller à l’encontre d’un haut principe. Il y a un soi-disant “Tout est la voie. Gauche et droite se rencontrent à la source.”

d) Eloquence non-obstruée du (Dharma) plaisir en parlant permet d’obtenir le plaisir dans le discours de la concentration. Alors, même si l’audience est incapable d’écouter, ses mots s’écoulaient comme le courant d’eau et personne ne peut y résister.

3. Le vieux dans les bénédictions et la vertu doivent avoir la récompense d’avoir planté les bénédictions et agi en vertueuse conduite.

Vieux est un terme de respect mais pas définitivement un titre qu’on se donne en disant, « Je suis un vieux, donc tout le monde devrait m’appeler “vieux” ».

Subhuti, le vieux dans le rassemblement du Vajra Prajna Dharma, était un vieux en années, un vieux en nature du Dharma et un vieux en bénédictions et en vertu. (à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEVALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

LE TRADUCTEUR

Sutra : Traduit par le Maître Kumarajiva du Yao Ch'in.

Commentaire :

Yao Ch'in est le nom de la période du règne de l'Empereur Yao Hsing. Ce n'était pas la même période que celle du Ch'in Shih Huang nommé le Ying Ch'in, ni celle du Fu Chin, nommé Fu Ch'in.

Avant le règne de l'Empereur Yao Hsing et pendant le règne du Fu Chin, un homme nommé Ch'in T'ien Chien dit à Fu Chien, « il est temps qu'une grande sagesse devrait venir en Chine pour aider notre gouvernement ».

Fu Chin dit, « C'est probablement Kumarajiva, car il est honoré et respecté en Inde pour sa sagesse ».

KUMARAJIVA

Kumarajava, le père de Kumarajiva était le fils d'un premier ministre. Il aurait dû succéder à son père mais à la place il a quitté sa maison et est allé partout à la recherche d'un maître. Bien qu'il n'ait pas quitté la vie de famille au sens formel pour observer pleinement les préceptes, il a toujours pratiqué la voie et dans ses voyages, il est allé au pays du Kucha dans l'Asie Centrale. Le roi du Kucha avait une petite sœur, et lorsqu'elle vit Kumarajava, elle dit au roi, « Je suis vraiment amoureuse de cette homme ». Le roi donna sa sœur à Kumarajiva en mariage et bientôt elle fut enceinte. Lorsque Kumarajiva était encore dans les

flancs de sa mère, la situation ressemblait beaucoup à celle de Sariputra et sa mère. La mère de Kumarajiva pouvait vaincre tout le monde au débat. En ce temps là, un Arhat dit « L'enfant dans

les flancs de cette femme est certainement un Grand Sage ».

Quand Kumarajiva avait sept ans, sa mère l'emmena au temple pour vénérer le Bouddha. Kumarajiva souleva une grande urne d'encens en bronze très lourde et la leva au-dessus de sa tête sans effort. Puis il réfléchit « Hey, je suis simplement un enfant. Comment puis-je soulever cette urne aussi lourde. Dès qu'apparaît cette réflexion, l'urne tomba et se brisa avec fracas. A partir de ce moment, il s'est rendu compte du sens de la doctrine, « Tout vient du seul esprit », et alors sa mère et lui quittèrent la famille.

La mère de Kumarajiva avait de la difficulté pour quitter la vie de famille. Bien que le père de Kumarajiva ait pratiqué la Voie auparavant, il était maintenant trop amoureux de sa femme pour lui permettre de quitter la vie de famille.

Là-dessus, elle se mit en grève de la faim.

« A moins que vous ne me permettiez de quitter la maison », dit-elle, « sinon je ne mangerai ni ne boirai. Je me priverai de nourriture ».

« Alors, ne mangez pas et ne buvez pas. Si c'est ce que vous voulez, » dit son mari, « mais je ne vous laisserai jamais quitter la maison ».

Pendant six jours, elle ne mangeait ni ne buvait, pas même un jus de fruit, et elle devint extrêmement faible. Finalement, Kumarajava dit « C'est trop dangereux, vous allez mourir de faim. Vous pouvez quitter la famille, mais je vous prie, mangez quelque chose ».

« D'abord, appelez un Maître de Dharma pour me couper les cheveux », dit-elle « et ensuite je mangerai ». Un Maître du Dharma est venu et a rasé sa tête, et après elle a mangé. Peu de temps après avoir quitté la maison, elle a certifié le premier fruit d'Arhatship.

Ensuite, Kumarajiva, son fils, a quitté aussi la vie de famille. Tous les jours il lisait et récitait

beaucoup de Sutras, une fois qu'il les lisait, il ne les oubliait jamais. Il n'était pas comme certains d'entre vous qui ont récité le Mantra du Surangama depuis plusieurs mois mais qui ont encore besoin du livre. Grâce à sa mémoire prodigieuse, il dépassait tous les philosophes non Bouddhistes en Inde et devenait très célèbre.

Sa réputation est répandue en Chine et quand Fu Chien a entendu parler de lui, il a envoyé le grand général Lu Kuang et soixante dix mille troupes à Kucha pour capturer Kumarajiva et le ramener en Chine. Kumarajiva dit au roi de Kucha, « La Chine envoie les troupes, mais ne vous y opposez pas. Ils ne veulent pas prendre le pays. Ils ont un autre dessein et vous devriez accorder leur demande ».

L'oncle du roi n'écoutait pas Kumarajiva et il est parti en guerre contre le général de Chine, Lu Kuang. Résultat, le roi de Kucha est mis à mort, le pays est vaincu et Kumarajiva est capturé.

Sur le chemin de retour en Chine, le général Lu Kuang s'est préparé à camper une journée dans une vallée basse. Kumarajiva, qui avait des pouvoirs spirituels, savait qu'il allait pleuvoir et que la pluie inonderait la vallée. Il dit au général, « Ne campez pas ici cette nuit. Ce lieu est dangereux ».

Mais Lu Kuang n'avait pas confiance en Kumarajiva, « Vous êtes un moine », dit-il, « Que savez-vous des affaires militaires ? ». Cette nuit, il y avait un déluge et beaucoup d'hommes et de chevaux ont été noyés. Le général Lu Kuang sut alors que Kumarajiva était vraiment inconcevable. Ils continuèrent la route jusqu'au moment où ils ont appris dire qu'il y avait un changement dans le gouvernement chinois. L'Empereur Fu Chien avait été déposé et Yao Ch'ang avait pris le trône. C'était Yao Hsing qui avait expédié une lettre pour inviter Kumarajiva en Chine pour traduire les Sutras. Un rassemblement de plus de huit cents Bhiksus se réunit pour l'aider à réaliser ce travail.

Nous avons la preuve que les traductions de Kumarajiva sont extrêmement précises. Avant de s'éteindre, c'est à dire mourir, il a dit, « J'ai traduit de

nombreux Sutras durant ma vie, et je ne sais pas personnellement si mes traductions sont correctes. Si elles le sont, lorsque je serai incinéré, ma langue ne sera pas brûlée, et réduite en cendre ; mais s'il y a des erreurs, elle le sera ». Quand il mourut, son corps était incinéré mais sa langue était restée intacte.

Sous la dynastie des T'ang, le Maître du Vinaya Tao Hsüan avait demandé une fois au dieu Lu Hsüan Ch'ang, « Pourquoi tout le monde préfère-t-il lire et étudier les traductions du Kumarajiva ? » Le dieu répondit « Kumarajiva avait été le Maître de la traduction pour les sept Bouddhas du passé et en plus ses traductions étaient précises ».

Le TRIPITAKA est la collection des écritures Bouddhistes. Il est divisé en trois parties : les Sutras qui traitent le Samadhi, les Sastras qui traitent de sagesse et le Vinaya qui est l'étude des préceptes moraux.

Un Maître du Dharma :

1. Considère le Dharma comme son Maître et
2. Donne le Dharma aux autres. Certains maîtres de Dharma chantent les Sutras, certains les retiennent dans leur esprit et les pratiquent avec leurs corps, certains les écrivent et d'autres les expliquent aux autres.

Le Maître du Dharma en question est Kumarajiva. Ce nom sanscrit veut dire « La jeunesse de longue vie ». On pouvait dire « Le jeune Kumarajiva vivra certainement un grand âge ». On pourrait aussi dire « Il est jeune en années mais mûr en sagesse, en éloquence et en vertu. Il a la sagesse d'un vieil, vieil homme et ainsi il est appelé « Jeunesse de la longue vie ».

C'était Kumarajiva, la jeunesse du comportement vertueux d'un aîné qui a traduit « Le Bouddha Parle du Sutra Amitabha » du sanscrit en chinois.

(à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

TEXTE : ELLE NE PEUT PAS ETRE CALOMNIEE

ET NE PEUT PAS ETRE LOUEE.

SA SUBSTANCE EST COMME L'ESPACE ;

ELLE N'A PAS DE BORD.

ELLE NE QUITTE PAS OU ELLE SE TROUVE ;

ELLE EST TOUJOURS LUCIDE.

SI VOUS LA RECHERCHEZ, SACHEZ QUE VOUS

NE LA VERREZ PAS.

ELLE NE PEUT PAS ETRE SAISIE ;

ELLE NE PEUT PAS ETRE REJETEE.

QUI PEUT ETRE SIMPLEMENT OBTENU DANS

L'IMPOSSIBLE A OBTENIR ?

COMMENTAIRE : ELLE NE PEUT PAS ETRE CALOMNIEE ET NE PEUT PAS ETRE LOUEE. Cette merveilleuse porte de Dharma est la seule Voie suprême. Si on n'est pas encore éveillé complètement, on ne peut absolument pas la calomnier ; encore moins lui faire l'éloge.

SA SUBSTANCE EST COMME L'ESPACE ; ELLE N'A PAS DE BORD. La matière fondamentale de notre propre nature, nous, les humains nous la possédons, elle est comme l'espace vide. Elle n'a pas de barrières pas de limites. Elle est égale et indifférenciée.

ELLE NE QUITTE PAS OU ELLE SE TROUVE ; ELL EST TOUJOURS EVIDENTE. Tout le monde possède fondamentalement cette complète substance essentielle, et personne ne la manque. Elle ne quitte jamais où elle se trouve, elle est toujours claire, calme et paisible.

SI VOUS LA RECHERCHEZ, SACHEZ QUE VOUS NE LA VERREZ PAS. Si vous la recherchez intentionnellement, même jusqu'aux

coins éloignés de l'océan ou vers les limites des cieux, vous ne la verrez jamais. Mais si elle est évoquée dans la pensée, vous serez immédiatement, illuminé par cette source fondamentale. Le visage d'origine de votre Bouddhité propre et naturelle.

ELLE NE PEUT PAS ETRE SAISIE. La propre nature est comme l'espace. Puisqu'elle ne peut pas être saisie dans la main, alors, comment pouvait-elle avoir les caractéristiques d'une forme tangible ?

ELLE NE PEUT PAS ETRE REJETEE. La pure nature ne peut pas être saisie dans la main ; alors peut-elle être rejetée ? Non , elle ne peut pas être

rejetée non-plus. Pourquoi ? A travers l'espace vide et le monde du Dharma, il n'y a rien qui ne soit pas compris dans la pure nature. Elle ne peut donc pas être rejetée non plus.

SIMPLEMENT, QU'EST CE QUI PEUT ETRE OBTENU DANS L'IMPOSSIBLE A OBTENIR ? Dans ce qui ne peut non plus être obtenu ni rejeté, il n'y a non plus rien à obtenir. Le pratiquant sera-t-il capable de l'obtenir ?

TEXTE : DANS LE SILENCE, IL Y A DU DISCOURS ;

DANS LE DISCOURS, IL Y A DU SILENCE.

LA GRANDE PORTE DU DON EST OUVERTE ET N'EST

PAS FERMEE A CLEF.

QUAND QUELQU'UN ME DEMANDE CE QU'EST LE

PRINCIPE DE MES EXPLICATIONS,

JE LUI APPRENDS QUE C'EST LE POUVOIR

DU MAHAPRAJNA.

LES GENS NE SAVENT PAS CE QU'IL EST ET

CE QU'IL NE L'EST PAS.

ON PEUT S'OPPOSER A L'ECOULEMENT OU S'Y SOUMETTRE,

MAIS LES DIEUX NE LE PENETRENT PAS.

JE L'AI DEJA PRATIQUE A TRAVERS PLUSIEURS EONS.

CE N'EST PAS LE CAS ORDINAIRE DES MENSONGES

ET DES TROMPERIES COMMUNS.

COMMENTAIRE : DANS LE SILENCE, IL Y A DU DISCOURS ; DANS LE DISCOURS, IL Y A DU SILENCE. Quand un pratiquant est calme et silencieux, il peut obtenir la réalisation que les montagnes, les rivières et la grande terre—le phénomène de l'univers—proclament tous sans exception, le merveilleux Dharma. Pourtant, même quand ils proclament le merveilleux Dharma, la substance essentielle est toujours tranquille et paisible. Il est silencieux et n'a pas de paroles.

LA GRANDE PORTE DE LA DONATION EST OUVERTE ET N'EST PAS FERMEE A CLEF. Cette porte de la donation réelle et pure, grande et sans crainte est grand ouverte, et fait du bien aux êtres conscients du royaume du

Dharma afin qu'ils puissent ensemble monter sur la fente de l'éveil.

QUAND QUELQU'UN ME DEMANDE CE QU'EST LE PRINCIPE DE MES EXPLICATIONS. Quand quelqu'un m'interroge « Quel principe se cache-t-il derrière ces explications ? » JE LUI MONTRE QUE C'EST LE POUVOIR DU MAHAPRAJNA. Maha a trois significations : « grand, » « beaucoup », et suprême. »

LES GENS NE SAVENT PAS CE QUI EST ET CE QUI N'EST PAS. En principe, les gens ne savent pas ce qu'est le pouvoir Mahaprajna et ce qui ne l'est pas ; aucun d'eux ne reconnaît sa merveilleuse signification.

ON PEUT S'OPPOSER AUX DEBORDEMENTS OU S'Y SOUMETTRE, MAIS LES DIEUX NE LES PENETRENT PAS. On s'oppose aux débordements et on pratique soi-même, ou si on se conforme au débordement et transforme les autres, même les dieux trouvent difficile à mesurer sa hauteur.

JE L'AI DEJA PRATIQUE A TRAVERS PLUSIEURS EONS. Puisque les gens ne le reconnaissent pas, les dieux le trouvent même plus dur à y pénétrer. Mais, moi je me suis plongé moi-même dans la pratique de ce Dharma depuis plusieurs vies à travers beaucoup d'éons.

CE N'EST PAS LE CAS ORDINAIRE DES MENSONGES ET DE LA TROMPERIE. Ce n'est certainement pas le cas ordinaire mensonges qu'emploient les tricheurs et les trompeurs entre eux.

Ce chapitre du chant fut exprimé par un homme de sagesse. Cela aurait été difficile pour une personne ordinaire d'expliquer.

TEXTE : LA BARRIERE DU DHARMA EST SOULEVEE ;

LE SENS DE L'ECOLE EST ETABLI.

LE BOUDDHA A DIT TRES CLAIREMENT QUE

CELA DEVAIT ETRE A LA VALLEE DE TS'AO.

AVEC KASHYAPA, LE PREMIER DONC, EUT COMMENCE

LA TRANSMISSION DE LA LAMPE.

VINGT HUIT GENERATIONS FURENT AINSI

ENREGISTREES EN INDE.

COMMENTAIRE : LA BARRIERE DU DHARMA EST SOULEVEE ; LE SENS DE L'ECOLE EST ETABLI. La grande Barrière du

Dharma est soulevée ; les démons célestes sont battus et tous les sectes des voies externes sont tenus en ordre. Ils sont guidés à prendre refuge auprès de l'enseignement pur et à résoudre leur esprit du Bodhi Les portes du Dharma pur sont établies et le Suprême Enseignement de l'unique Véhicule est propagé.

LE BOUDDHA A DIT TRES CLAIREMENT QUE CELA DEVAIT ETRE A LA VALLEE DE TS'AO. Le Bouddha enseignait très distinctement que la précieuse Barrière Bodhimanda à la Vallée de Ts'ao devait être là où cette grande barrière de Dharma et ces suprêmes principes seraient transmis.

AVEC KASHYAPA ? LE PREMIER QUI COMMENCAIT LA TRANSMISSION DE LA LAMPE. Kashyapa était le premier à transmettre le cachet de l'esprit du Bouddha, la Lampe de la Sagesse des Patriarches consécutifs.

VINGT HUIT GENERATIONS FURENT ENREGISTREES EN INDE. De Patriarche en Patriarche, ces principes furent transmis à Bodhidharma, Le vingt huitième Patriarche en Inde qui allait à l'est et le transmettait lui-même dans la vallée de Ts'ao.

(à suivre)

OUVERTURE DU SEMINAIRE DE LA MEDITATION

Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

Pratiquer la méditation consiste à méditer, à réfléchir sur des questions suivantes : Qui est en train de réciter le nom du Bouddha ? Ou comment est notre vrai visage originel avant la naissance ? Ou bien encore qu'est-ce qui ne peut pas exister ? Si vous méditez avec persévérance, un jour ou l'autre, vous aurez une chance de vous éveiller. Vous êtes de bons amis spirituels. Pourquoi je vous attribue cette appellation ? Si vous n'êtes pas doués d'une grande connaissance, vous n'auriez pas pu venir dans cette salle de conférence de la sagesse.

Prajna est un mot sanscrit qui veut dire sagesse. Vous y êtes présents. Cela prouve que vous êtes qualifiés de cette sagesse. Parce que dans votre vie antérieure, vous avez accompli beaucoup de bonnes actions, planté pas mal de grains de Bodhi, ou encore fait beaucoup d'offrandes aux Bouddhas, aux Dharmas et au Sangha, au Triple Joyau. Aujourd'hui, ces noyaux portent fruits. Ce qui vous permet de participer à cette session de méditation. Il ne s'agit pas d'un petit noyau mais d'un immense noyau, d'un noyau qui vous libérera de la mort et de la renaissance et d'atteindre enfin la Bouddhété. C'est pourquoi je vous attribue cette appellation. Les bons amis spirituels diffèrent absolument des mauvais amis spirituels. Les mauvais amis spirituels nourrissent des pensées malveillantes, alors que les bons amis spirituels sont dotés de pensées parfaites. Toute action et toute tâche d'un bon ami spirituel sont toujours accomplies dans le respect du Bouddhadharma. Tous ses faits et gestes restent toujours conformes au Bouddhadharma. Aujourd'hui, vous venez dans cette salle de la sagesse dans l'espoir d'atteindre la parfaite compréhension et le suprême Eveil. Pour atteindre cette parfaite compréhension, vous devriez cultiver la voie petit à petit. Vous pratiquez la méditation, la position assise vous fait aux jambes. N'ayez aucune crainte, soyez courageux, persévérez. Dites-vous que même la mort ne vous empêcherait pas. La patience et l'endurance vous

aident à ne pas régresser. Pensez comme si je vous frappe avec des bâtonnets d'encens. C'est pourquoi, que vous souffriez au dos, aux jambes, que vous ayez sommeil, soyez patients, endurez-vous souffrances. Méditez, méditez jusqu'à ce que vous ayez une forte énergie, alors à ce moment là, même le démon du soleil devra s'enfuir. Si vous ne combattez pas le démon du sommeil, vous seriez éternellement sombrés dans les ténèbres. Nous devrions cultiver la sagesse, revenir à notre vraie nature, notre essence première enfin retrouver notre vrai visage originel. Comment est notre visage originel ? Il n'est pas différent de celui du Bouddha. Seulement, aveuglés par nos pensées ignorantes, nous ne reconnaissons pas notre vrai visage originel. Tout au long de la journée, nous courons. Plus nous courons, plus nous nous engageons dans le tourbillon de la vie, naissant dans un état d'ivresse, mourant dans un rêve illusoire. Que nous sommes vraiment pitoyables, n'est-ce pas ? Pourquoi sommes-nous aussi bouleversés ? Tout simplement parce que nous n'avons pas encore rencontré un bon ami spirituel qui pourrait nous montrer le chemin nous ramenant à notre source originelle. Aujourd'hui, vous vous réunissez ici, ensemble vous allez retrouver votre vrai visage originel. Ainsi dit le verset suivant :

Venant des dix directions, ici vous vous rassemblez.

*Ensemble, vous apprenez le non-agir.
C'est un établissement de concours de la Bouddhété.*

L'esprit néant et retour à l'origine.

Cette salle de la sagesse, c'est un établissement de concours de la Bouddhété, celui qui ne s'attache plus à la forme du moi d'autrui, qui pénètre du regard droitement à travers toutes choses, lâchant tout derrière, sera sélectionné. C'est pourquoi, on dit : L'esprit néant et retour à l'origine. Nous nous réunissons ici, passons des concours pour être le premier lauréat. Nous sommes en train d'examiner Bouddha. Mais quel est l'objectif du Bouddha ? Je n'en sais rien, donc je ne pense pas vous examiner, Bouddha non plus évidemment. Voulez-vous devenir un grand homme, un grand héros ? Un grand homme, c'est un grand Illuminé et un grand Illuminé c'est Bouddha. Quand on est doté d'un grand courage, on ne craint pas des coups ni des douleurs. Si notre corps n'existe plus, ainsi que celui d'autrui, le mal n'existera plus. Vous dites : Comment

voulez-vous dire que n'existe pas ? Vous existez, mais qui existe ? Qui n'existe pas ? Vous existez ou plutôt votre ego existe mais il n'existe pas puisqu'il est éphémère, illusoire, tandis que votre vrai moi n'existe pas mais en réalité il existe puisqu'il est immuable. Si votre vrai moi existe vous êtes libéré de toute obligation, mais si votre moi égoцентриque existe, il vous apporte toutes sortes d'ennuis : un manque de sommeil vous ennuie, un manque de nourriture vous amène la faim, un manque de vêtements vous amène le froid, tous ces ennuis viennent des excentricités du moi égoцентриque. Si vous voulez détruire ce moi, vous devez pratiquer la méditation qui pourrait vous faire bénéficier de : Plus de moi, de soi, on est libéré absolument. Plus de vide, plus de plein, apparaît la Bouddhité.

Voir la nature du Bouddha c'est-à-dire voir votre vrai visage originel. C'est pourquoi, vous devez vous résigner, endurer toute souffrance et douleur, chasser tout malheur ainsi que toute jouissance. Les problèmes humains ne peuvent pas être résolus parfaitement du jour au lendemain. Il vous faut beaucoup de patience, de résignation, de persévérance, de courage, d'une volonté ferme pour aller jusqu'au bout. Si pendant la méditation, votre esprit n'est pas perturbé par l'environnement mais reste calme, serein, alors vous vous approchez un peu de la contemplation, ce qui vous permettra de vous rapprocher de la sagesse. Certains d'entre vous désirent recevoir les préceptes, en réalité en pratiquent la méditation, vous les avez déjà reçus. Quels préceptes ? Précepte des souffrances, des douleurs. Si avec une ferme volonté et d'un cœur sincère et fervent, vous méditez, incessamment, d'une façon continue, plongés ainsi dans la méditation à tel point que vous ne vous rendiez plus compte que vous êtes en train de prier et vous vous demandez : Qui est en train de prier ? Ainsi auriez-vous l'occasion de commettre des fautes, de commettre des meurtres ? Sûrement pas. Ou bien auriez-vous l'idée d'aller cambrioler ? Non plus.

Quand vous pratiquez la méditation, vous ne commettez pas l'acte de tuerie, ni du vol, n'auriez-vous pas déjà observé les préceptes ? Donc méditer, c'est observer les préceptes. On ne les observe pas mais en réalité on les observe, on atteint tout de suite le stade de la contemplation. Par contre, si vous ne pratiquez pas la méditation, alors vous nourrissez des illusions de tuerie, de vol, d'adultère, de mensonge, etc... ne serai-ce qu'en pensée, vous auriez déjà commis des fautes. La méditation chasse toutes vos pensées illusoire.

Vous observez les préceptes tout en ne les observant pas. La méditation n'est pas la contemplation mais c'est la contemplation, l'endurance des douleurs dans vos jambes ne fait que renforcer votre contemplation. Avec la contemplation, vous obtiendrez naturellement la sagesse. Pratiquer la méditation c'est donc cultiver avec assiduité les préceptes, la contemplation et la sagesse, c'est éliminer la cupidité, la colère, l'ignorance. La méditation regroupe tous les Dharmas. Plus on médite, plus on acquiert la sagesse. C'est pourquoi on dit que l'or véritable ne craint pas le feu. De même il vous faut endurer les douleurs. C'est ici qu'on forge des corps extrêmement durs, indestructibles. Certains se plaignent en disant : Méditer fait tellement souffrir. Mais qui souffre ? Je souffre, dites-vous.

Vous souffrez dans votre corps. Supposez que vous mourrez, qu'est-ce que ce sera ? Une fois mort, vous ne souffrirez plus. Quelle que soit l'immensité de la douleur, vous serez capable de supporter, c'est normal puisque vous êtes déjà mort. Plus rien n'existera après la mort. Vous aussi, vous pouvez agir de la même façon qu'un mort.

*"Si vous voulez ne pas mourir,
Vivez comme si vous êtes mort."*

Essayez de vivre comme un mort. Alors vous ne serez plus cupide, coléreux ou stupide. Quant à moi, quoique je ne sois pas encore mort, je vis exactement comme un mort : pas de cupidité, pas de haine, pas de stupidité. Si vous voulez arrêter la roue de la mort de la renaissance, vous devez tout d'abord vivre comme si vous êtes mort. Ne vous reposez pas trop mais prenez plutôt la peine de méditer. Aujourd'hui, c'est le premier jour, vous n'avez pas encore l'impression de souffrir. Attendez quelques semaines, vous sentirez des douleurs, pourtant vous ne souffrirez pas. Comme d'habitude, nous pratiquons la méditation à partir de trois heures du matin jusqu'à minuit. Eh oui, dans le monde entier, tout se passe de la même façon : L'excès comme l'insuffisance est insupportable, le mieux c'est de garder le juste milieu. Certains pratiquent encore le sommeil samadhi. A présent, nous avons une salle de prières, nous cultivons la voie parfaitement bienveillante de cette façon on peut dire que nous sommes arrivés à communiquer avec les Bouddhas des dix directions et ceux qui s'appliquent de toutes leurs forces avec persévérance. Et en plus s'ils le font avec un esprit lucide, droit, alors même

s'il y en a un seul, ce sera assez nombreux. Par contre s'il en est pas ainsi, même s'il y en a un millier, ce ne sera pas assez nombreux. Car tout le monde ici présente la voie avec un grand esprit d'éveil, comme il a été dit dans le Sutra du Merveilleux Dharma du Lotus : Une juste persévérance c'est aussi une juste offrande au Bouddha. Quoique nous ne brûlions pas notre corps pour faire offrande au Bouddha, le fait que nous pratiquons la voie sans aucune crainte devant les souffrances peut être considéré comme faire offrande de notre corps au Bouddha afin d'éclairer notre esprit, reconnaître justement notre nature originelle. Vous avez sans aucun doute cultivé la doctrine est le mérite d'une façon complète, vous avez aussi une salle de prières absolument bienveillante mais il faut qu'il y ait des gens qui pratiquent la voie. Le Bouddha Sakyamuni, sur la montagne couverte de neige avait pratiqué l'ascétisme en mangeant seulement un grain de sésame par jour. Après, au pied de l'arbre Bodhi, il fut illuminé par la connaissance suprême. A partir de ce jour les générations suivantes ont nommé cet endroit la Terre Sainte. C'est pourquoi on dit : "Nhan kiet dia linh", c'est-à-dire partout où un saint a mis ses pieds même si c'était un endroit commun, il se transforme en Terre Sainte. S'il n'y avait que la Terre Sainte mais sans la présence d'un saint cet endroit resterait toujours ordinaire. C'est pourquoi les phénomènes naturels ne se comparent pas aux avantages de la terre, les avantages de la terre ne se comparent pas à la paix humaine. Vivant sur la Terre Sainte, nous devons produire des Saints, des Arhats, des Bodhisattvas et des Bouddhas. Celui qui ne redoute pas la souffrance peut devenir Bouddha. Mais si vous avez peur de souffrir, vous pourrez aussi devenir Bouddha mais il faut attendre que le bon moment arrive, vous deviendrez alors Bouddha. J'ai fait le serment suivant : Je jure d'attendre jusqu'à ce que tous mes disciples deviennent des Bouddhas, j'atteindrai alors la Bouddhité. C'est pourquoi, je sais que dans l'avenir, vous deviendrez tous des Bouddhas. Aussi je mets entre vos mains mon immense espoir, et j'espère que vous ne me décevrez pas.

Le Bouddhadharma, c'est le Dharma mondain, c'est aussi le Dharma supra-mondain. Le Dharma supra-mondain se sépare pas du Dharma mondain. Il a été dit dans le Sutra Bao Dan que le Bouddhadharma existe dans le monde, il est étroitement lié à l'éveil mondain. Sortir du monde à la recherche de Bodhi c'est comme si vous cherchez la corne du lapin. C'est pourquoi il existe dans le monde des moines et des laïcs. Les moines

cultivent les Dharmas et les laïcs entretiennent et sauvegardent les Dharmas et le Triple Joyau. Chacun d'entre nous doit fermement, patiemment et pleinement assumer sa responsabilité. Au fond de mon cœur, je n'éprouve ni la joie, ni la tristesse, je garde le juste milieu. Il s'agit ici du juste milieu du sens complet du mot, du Dharma du juste milieu. Tous les Dharmas sont des Bouddhadharmas. Alors pourquoi fait-on la différence entre la joie et la tristesse ? Quand vous pratiquez la méditation vous devez vous concentrer sur ce point de vue. N'éprouvant ni de la haine ni de la joie pratiquez avec un esprit naturel tel un courant d'eau qui coule paisiblement. La poussière se dépose au fond et l'eau devient claire, transparente, alors apparaît tout de suite votre vraie nature originelle.

(à suivre)

UN ARHAT INFORTUNE

Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

Autrefois, en Inde vivait un moine très vénérable nommé LY VIET. Il s'est converti très jeune, se retirait dans une grotte montagneuse et désertique. Là, seul, il cultivait la voie, pratiquait consciencieusement la méditation et obtenait le fruit d'Arhat et les six pouvoirs spirituels. Il était très connu dans la région. Les gens de tous les côtés viennent lui demander d'être leur maître. Avec sa bonne méthode, sa miséricorde, sa bonté, son adresse, tous ses disciples obtinrent rapidement le fruit d'Arhat. Après ils sont partis dans les quatre coins de la terre pour propager le Bouddhadharma.

Quoiqu'ayant déjà obtenu le fruit, le Vénérable LY VIET n'arrêtait pas de cultiver la voie, se reposant rarement. Un jour, profitant d'un moment de repos, il s'est mis à faire un peu de rangement dans sa grotte. Soudain, il tomba sur une vieille robe qu'il avait portée depuis longtemps. Avec le temps, la couleur grise initiale a viré au blanchâtre. Personne ne savait pourquoi ce jour-là il avait une envie soudaine de reteindre sa robe. Alors, il grimpa sur la montagne, ramassait des racines, des herbes, des écorces et il préparait une teinture. Ensuite, il plongeait sa robe cousue de cent pièces dans la marmite. Se servant d'une brindille de saule pleureur, il remuait la teinture pour mieux la mélanger. Soudain ce fut étrange ! La robe s'est transformée en une peau de buffle. Et ce n'est pas fini. La teinture dans la marmite était noire comme de l'encre devint soudain rouge comme du sang et les racines et les écorces se transformèrent en morceaux de viande de buffle. Ce qui est étrange, c'est que de la marmite bouillante se dégagait une odeur de viande de buffle. Extrêmement surpris, il regarda tout cela les yeux écarquillés. Juste à ce moment, un paysan monta à la montagne en courant. Voyant dans la marmite des morceaux de viande de buffle, il se mit à crier d'une voix coléreuse :-Comment osez-vous agir ainsi ? Vous avez violé le précepte de tuerie, vous avez tué mon buffle ! Ce matin de très bonne heure, je l'ai amené

sur la montagne pour qu'il broute de l'herbe. Quelques minutes après il a disparu. Je l'ai cherché partout, mais en vain. Heureusement l'odeur de la chair de buffle m'a guidé jusqu'ici. C'est donc vous, un moine bouddhiste, qui avez volé et tué mon buffle pour manger. Maintenant avez-vous quelque chose à dire pour vous défendre ? Venez avec moi, on va se présenter devant le roi.

N'écoutant pas les explications du moine, il l'a traîné auprès du roi. A l'époque, le tribunal n'existait pas, pas même de palais de justice, le peuple au moindre problème se rendait chez le roi pour réclamer justice. Après avoir écouté l'accusation du paysan le roi demanda au moine s'il avait quelque chose à dire pour se défendre. Les preuves sont tangibles, il n'y a plus rien à dire. Résultat, le roi l'a condamné à douze ans de prison. Douze ans c'est-à-dire plus de quatre mille trois cent quatre vingt jours, ce n'est pas une coûte durée !

Pendant tout ce temps LY VIET s'occupait du nettoyage de la prison et des toilettes. Le soir, il se consacrait consciencieusement à la pratique de la méditation sans jamais se coucher. Sa bonté, sa patience ont finalement ému les gardiens de prison.

A l'expiration de ces douze années de prison, ses anciens disciples, avec qui il avait pratiqué ensemble la méditation, sans se prévenir se mirent tous à penser à leur maître. Utilisant leurs pouvoirs spirituels, ils observèrent et surent que leur maître avait été accusé et condamné à douze ans de prison injustement. Alors, voyageant à travers le vent, ils se rendirent au palais royal. Dans l'air ils battirent le tambour du Dharma afin de manifester leur mécontentement. Extrêmement surpris, tout de suite le roi libéra lui-même l'Arhat LY VIET hors de la prison. Après ces douze années d'incarcération, ses cheveux s'allongeaient et sa barbe blanchissait mais dès qu'il a franchi la porte de la prison, ses cheveux et sa barbe tombèrent tous par terre, volèrent en l'air et se transformèrent en des milliers de corps tous illuminés d'une clarté resplendissante. Son attitude paisible et naturelle ne ressemblait absolument pas à celle d'un prisonnier qui venait d'être libéré.

A ce moment, les Arhats avaient l'intention de punir le roi d'avoir agi injustement, mais il les en empêcha en leur disant : Mes disciples, ne faites pas cela, il s'agit là de mon propre karma,

personne n'y peut rien. Je vais vous expliquer. Dans une vie antérieure, j'étais un paysan. Un jour, mon buffle s'était perdu. Je montais sur la montagne pour le chercher. Je l'ai cherché partout mais en vain. Finalement j'ai rencontré un moine. Sans réfléchir, je doutais toute de suite que c'était lui qui avait volé mon buffle. Pendant les douze heures restantes de cette journée, dans mon esprit surgissaient toutes sortes de pensées erronées, illusoire. Je voulais chasser ce moine hors de la montagne, le capturer, l'amener au roi pour qu'il soit enfermé dans un cachot. J'ai commis un mauvais karma, c'est pourquoi, durant cette vie présente, j'ai subi injustement douze ans de prison. De même, vous prêtez des capitaux avec intérêt, plus vous prolongez l'échéance de remboursement, plus l'intérêt augmente. Selon la loi de causalité, vous devez rembourser huit mille fois la dette que vous avez contracté. La seule chose que je regrette c'est : Pourquoi n'avais-je pas agi pour le profit d'autrui, pratiqué généreusement des dons, j'aurais à présent effacé tout mon mauvais karma ? Après avoir écouté cette histoire du passé, ceux qui venaient d'obtenir le fruit d'Arhat, le roi et les grands seigneurs se réveillèrent et comprirent tous que le principe de la causalité est un principe immuable concernant tous les êtres humains sans aucune exception.

DOUBLE CONSEQUENCE DES PROPOS MALVEILLANTS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

Il existait autrefois un bourgeois extrêmement riche. Il était milliardaire. Sa fortune suffisait largement pour lui permettre de vivre toute sa vie. Il avait une très bonne et belle épouse, ce qui augmentait d'autant plus son bonheur. Néanmoins, sa joie fut de courte durée, son bonheur éphémère. Ne dit-on pas souvent que les fleurs ne durent pas trois mois, le bonheur ne dure pas trois ans. Quelque temps après, ce milliardaire semblait peu à peu dans le fossé profond de la souffrance. On ne voyait plus sur son visage les traits rayonnants du

bonheur passé. Pourquoi ? C'était uniquement à cause de son fils. Il a eu ce garçon très longtemps après son mariage. Il était comblé de joie le jour de sa naissance. Mais quel malheur ! A sa naissance, il était déjà gravement malade. D'après les médecins, il s'agissait des furoncles empoisonneuses apparaissant sur la peau du bébé qui pleurait toute la journée tellement il en souffrait. Tous les médecins célèbres qu'il a fait venir étaient impuissants. C'est pourquoi le père semblait de plus en plus dans la tristesse et le désespoir.

Pauvre bébé ! Devant l'impuissance des médecins, il ne savait que crier et pleurer jour et nuit. Il souffrait atrocement. Sa vie n'était que souffrance. Ses gémissements, ses pleurs retentissaient dans tout le village et troublaient les villageois qui l'ont nommé "le petit pleurnicheur crieur". Le temps passait tel un courant d'eau, emportant la jeunesse du petit pleureur crieur. Il grandissait, atteignait l'âge adulte, mais sa maladie ne s'est pas du tout améliorée. Il continuait à souffrir jour et nuit. A l'entendre constamment pleurer et gémir, tout le monde le plaignait. A côté de chez lui, vivait un voisin qui attendait ses pleurs et ses gémissements. Pris de compassion, il se rendit chez lui et lui donna ces conseils : Au monastère du Bosquet de Jeta dans le Jardin du Bienfaiteur des Orphelins et du Solitaire vivait un Grand Roi de la Médecine que les gens n'arrêtaient pas de féliciter. Il a la grande réputation de guérir toutes les maladies que ce soit physiques ou mentales. Il emploie des moyens spirituels merveilleusement efficaces, quelle que soit la gravité de votre maladie. Il vous guérira sûrement et rapidement. Je vous conseille d'aller sur le champ le trouver et le solliciter de vous guérir. Après avoir entendu son voisin, Pleurnicheur-crieur se sentit extrêmement ravi. Il se précipita tout de suite au monastère avec son corps malade et douloureux, demanda à voir le Bouddha. Dès qu'il a vu le Bouddha avec ses trente deux marques majeures et ses quatre-vingt marques mineures, sa personne rayonnante de lumière, il en fut ébloui et transporté de joie. Tout de suite ses douleurs et ses souffrances diminuèrent beaucoup. Il se jeta par terre et se prosterna devant le Bouddha. Le Bouddha, par compassion et par amour pour l'humanité n'avait jamais abandonné un malade dans ses souffrances. Dès qu'il a vu Pleurnicheur-crieur, il l'a toute de suite acceptée d'un cœur joyeux et lui prêcha des Dharmas les plus extraordinaires ayant la force d'anéantir toute la souffrance. Après

avoir entendu le Bouddha, Pleurnicheur-crieur se mit à confesser ses fautes. Tout de suite, tous ses furoncles qui l'avaient martyrisé pendant plus de dix ans disparurent comme par magie. Il fut complètement guéri. Éprouvant un immense et sincère respect à l'égard du Bouddha et d'un cœur absolument ravi, il le sollicita de l'autoriser à devenir Bhikshu. Il cultivait la voie consciencieusement. En très peu de temps, il obtint le fruit d'Arhat. Voyant la situation exceptionnelle de Pleurnicheur-crieur, les autres Bhikshus prient le Bouddha d'expliquer quelles causes il avait commises pour avoir subi de telles souffrances. Alors le Bouddha expliqua ainsi : Dans une infinité de vies antérieures, dans la capitale de Bénarès vivaient deux riches bourgeois. Ils étaient jaloux mutuellement et se détestaient. Pour gagner la sympathie du roi, l'un d'eux lui a offert une grosse fortune composée d'or et d'argent. Profitant de cette sympathie du roi et en présence de ce dernier, il critiquait l'autre en disant qu'il était cruel :-Il m'a piégé pour me nuire, aussi je vous demande de bien vouloir punir cet homme dangereux afin de protéger le peuple innocent. Le roi, après avoir accepté l'offre du premier, n'était plus clairvoyant dans sa décision. Croyant à tout prix en ses propos, ordonna l'ordre de capturer l'autre et de le mettre en prison, de le martyriser cruellement sans daigner écouter ses explications. Celui-ci devait endurer atrocement toutes les souffrances. Son corps était criblé de blessures comme les écailles de poissons. Sa famille a dû dépenser de grosses sommes d'argent afin de racheter ses fautes et le faire libérer. Rentré chez lui, après avoir longuement réfléchi, il a réalisé que les souffrances humaines proviennent du fait que l'homme possède un corps. L'autre et moi-même, nous ne sommes pas ennemis, pourquoi m'a-t-il accablé de tant de cruautés épouvantables. Peu de temps après, laissant tout derrière, il allait dans la montagne, commença à cultiver la voie et devint un Pratyeka-Bouddha. Par compassion pour l'autre, ce Pratyeka-Bouddha craignant qu'il subirait des conséquences néfastes dans la vie future, se rendit chez lui, manifesta ses pouvoirs spirituels. Voyant ces transformations inimaginables et inexplicables, l'autre commença à le respecter et à le croire fortement. Il invita le Pratyeka-Bouddha à s'installer sur un haut siège et prépara toutes sortes de nourriture spéciale pour lui faire des offrandes et en sa présence confessa ses fautes anciennes. Bouddha s'arrêta un moment, puis continua. Celui qui avait calomnié devant le roi, c'était le Bhiksu "Pleurnicheur-crieur", qui a tant souffert dans cette

vie présente. Ensuite, c'était grâce à la bonté du Pratyeka-Bouddha, à sa confession et surtout au mérite d'avoir respecté et pris refuge en le Triple Joyau qu'aujourd'hui il fut sauvé par le Bouddha et s'est illuminé rapidement.

Ne pensez pas que les propos calomnieux restent inconnus. Personne ne peut s'échapper à un mauvais karma même infiniment petit comme un cheveu. Néanmoins sachez qu'une faute avouée et confessée peut être pardonnée.

UNE FIDELE BOUDDHISTE ILLUMINEE

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

En Inde, il existait une pagode à côté de laquelle se trouvait un sapin d'espèce Ong-Uat-Ba-Sa, d'où son nom Pagode du sapin. La pagode logeait plus de cent moines bouddhistes qui pratiquaient le Samadhi d'une façon extrêmement courageuse et consciencieuse. Aussi, il y en avait beaucoup qui ont atteint l'état d'éveil.

A deux ou trois miles environ de la pagode vivait une fidèle très pratiquante. D'un cœur sincère et respectueux, elle faisait régulièrement des offrandes aux moines. Elle faisait le serment d'accueillir chaque jour un Bhiksu chez elle pour le servir. Ainsi, chacun son tour, les moines de la pagode du sapin se rendait chez elle pour recevoir l'offrande. Par la même occasion, après le repas, elle désirait écouter le Bouddhadharma afin d'ouvrir son esprit. Ceux qui étaient âgés avaient bien cultivé la voie, bien pénétré la doctrine du Bouddha acceptaient avec joie sa requête. Mais comme elle possédait déjà quelques notions, alors ceux qui n'avaient pas encore beaucoup pratiqué la voie ne désiraient guère venir chez elle. Dans cette pagode vivait un vieux Bhiksu nommé Mahalo qui s'est converti vers la fin de sa vie. Il était très âgé mais doué de très peu de connaissances, ignorant complètement la substance profonde du Bouddhadharma, même les notions de base du Bouddhisme. Un jour, ce

fut son tour d'aller chez la fidèle pour recevoir des offrandes. Connaissant bien son incapacité d'enseigner, encore moins d'ouvrir l'esprit de qui que ce soit, il n'avait évidemment aucune envie d'y aller, poussant les autres d'y aller à sa place. Mais personne ne voulait le remplacer. Tout le monde lui disait : -C'est votre tour, personne ne peut aller à votre place. Finalement, il se disait :-Je suis un moine, un champ de bénédictions en principe, je devrais accepter les offrandes des gens afin qu'ils puissent accroître leurs champs de mérite, fortifier leurs racines de vertu. Quoique je ne puisse pas parler du Bouddhadharma personne ne veut me remplacer, donc j'y vais.

Alors, le vieux Bhiksu, prenant sa canne, lentement, pas à pas, cherchant le chemin, se rendit chez la fidèle pratiquante. Celle-ci attendait devant la porte depuis longtemps, elle s'impatientait, car midi s'approchait et aucun Bhiksu n'est venu. Avec beaucoup de difficulté, le vieux Bhiksu arriva enfin à destination. De loin, voyant arriver un vieux Bhiksu d'aspect sévère et digne, en pleine forme, aux cheveux tout blancs, elle éprouva déjà au fond de son cœur un immense respect. Tout de suite, elle tomba à genoux et se prosterna devant lui en disant :

Vous êtes un grand vénérable digne de respect, c'est un grand honneur pour moi de vous accueillir dans mon humble domicile. Elle pensait que ce grand Vénérable doit sûrement être d'une grande sagesse, capable de lui enseigner des Dharmas absolument merveilleux. C'est pourquoi elle se dépêcha de lui servir en guise d'offrandes des plats tout à fait délicieux. Après avoir offert le repas, elle le pria de bien vouloir monter sur un siège haut placé et d'enseigner afin d'ouvrir son esprit. Assis sur le siège, le vieux Bhiksu se sentait infiniment honteux au fond de lui même car il reconnaissait qu'il était pitoyablement stupide, ignorant totalement le Bouddhadharma. Alors, ne trouvant aucune issue, poussant un profond soupir, il murmurait : -La stupidité humaine est précisément la racine de toute souffrance. Après avoir dit cette phrase, il descendit de son siège et partit immédiatement. A genoux par terre, la fidèle réalisa soudainement que c'était le Dharma le plus merveilleux qu'elle n'avait jamais entendu jusqu'à présent. Elle se mit à penser ainsi :

La stupidité veut dire l'ignorance et l'ignorance est la source naturelle de l'enchaînement douze liens d'interdépendance. C'est à cause de cette ignorance stupide que l'être humain reste indéfiniment dans l'océan de souffrances, renaissant et mourant sans cesse. Toute souffrance

résulte de cette même source. Elle méditait longuement et pénétra soudain cette connaissance parfaite et obtint le fruit d'Arhat. Illuminée, absolument ravie, elle courut au dépôt, chercha un grand tapis blanc en laine pour en faire offrande au vieux Bhiksu mais ne le trouva nulle part. Celui-ci, descendu du siège, rentra immédiatement à la pagode. Comme il a disparu tellement vite, la fidèle pratiquante pensa qu'il avait des pouvoirs spirituels. Alors emportant l'offrande, elle se rendit à la pagode. Rentré à la pagode, on lui annonça la visite de cette dernière. Pensant qu'elle voulait encore écouter le Dharma, le vieux Bhikshu refusa de recevoir la fidèle. Celle-ci insista toujours pour le voir. Gêné par cette insistance, celui qui avait annoncé la visite lui demanda : Pourquoi insistez-vous pour le voir ?

Il m'a aidé à me libérer des sources de mes souffrances. En guise de reconnaissance, je voudrais lui faire offrande.

Connaissant le but de sa visite, le vieux Bhiksu sortit pour recevoir l'offrande.

Ceci nous appris : Que ce soit pour un Dharma ou pour tous les Dharmas, selon le concours des circonstances, parfois une phrase ou deux suffisent pour apporter à celui qui écoute d'immenses profits pour apporter à celui qui écoute d'immenses profits qu'il n'arrivera pas à utiliser même pendant toute sa vie. Par contre, si toutes les circonstances ne sont pas réunies, le moment n'est pas encore venu, même si vos paroles coulent à flot de votre bouche comme des pétales de lotus, ce sera toujours peine perdue.

Les Termes Bouddhistes : A définir

- ☐ **Karma** : Mot sanscrit signifiant « action ». Concept métaphysique commun à toutes les philosophies religieuses de l'Inde. Désigne la rétribution des actes ou la loi universelle de causalité qui détermine la destinée des êtres. Une cause produit son effet lorsque les circonstances sont parvenues à maturité.
- ☐ **Manjushri** : Bodhisattva de la sagesse infinie, incarne le principe de la sagesse éveillée de tous les Bouddhas. Représenté tenant dans la main droite l'épée enflammée de la sagesse qui tranche les illusions de l'ignorance.
- ☐ **Mont Meru** : Sommet du monde, montagne cosmique située au centre de l'univers dans les

cosmologies indienne. Les constellations tournent autour du mont Meru qui est dans l'axe de l'étoile polaire. Au dessus du mont Meru, se superposent les ciels des dieux supérieurs, des mondes de la forme et l'absence de forme, et, au plus haut, les terres pures de Bouddhas.

- ☐ **Nirvana** : Littéralement, « non-production, non-extinction », « au-delà de la souffrance ».
- ☐ **Noble sentier octuple** : La voie qui mène à la cessation de la douleur. Cet enseignement de base du Bouddha correspond à la dernière des quatre nobles vérités. Les huit divisions du sentier octuple sont : La compréhension juste, la pensée juste, la parole juste, l'action juste, les moyens d'existence juste, l'effort juste, l'attention juste et la concentration juste.
- ☐ **Samadhi** : Littéralement « position de l'esprit », état d'absorption méditative.
- ☐ **Siddharta Gautama** : Nom historique du Bouddha Shakyamuni. Le prince Siddharta, « qui réalise ses buts », fils du roi Shuddhodana, et de la reine Maya, naquit en 563 avant notre ère dans une famille aristocratique à Kapilavastu (actuel Népal). Marié à 16 ans et père d'un fils, Rahula, il quitta son palais et réalisa l'éveil parfait à l'âge de 35 ans.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

A lors vous pouvez vous demander s'il protégeait ses cheveux longs et sa barbe, pourquoi a-t-il coupé un morceau de sa propre chair ? Est-ce par amour filial ? Ses parents n'auraient-ils pas pleuré lorsqu'ils l'avaient vu agir de telle façon ?

Le bon fils Yu coupa sa chair en cherchant une réponse au Seigneur dans le ciel dans l'intérêt de tous. En ce temps il était peu familier avec Le Classique de la Piété Filiale. Il avait entendu que les gens pratiquaient la pitié filiale en restant assis à côté des tombes de leurs parents et alors il le pratiquait aussi.

Ensuite, de peur que les gens meurent de faim, il décida simplement de sacrifier sa propre chair pour les sauver. Avec cette unique pensée, véritable et sincère, il a sacrifié ce que les autres ne pouvaient pas sacrifier et alors il obtint la réponse.

En donnant des conférences à l'Association de la voie vertueuse, le bon fils Yu entendit parler du Maître qui pratiquait aussi la piété filiale et qui était connu comme le bon fils Pai. Le fils Yu avait été un peu fier en pensant : J'ai seulement 21 ans et pourtant je pratique la piété filiale.

Quand il a entendu que le Maître avait seulement 19 ans, il se sentait être surpassé et décidait absolument de rencontrer le Maître.

Le Maître désirait aussi rencontrer le fils Yu et un jour il lui arrivait de visiter l'Association de la voie vertueuse. Il le reconnut tout de suite par ses longs cheveux et sa longue barbe. Le Maître lui-même avait la tête rasée.

Vous devez être le bon fils Yu, dit le Maître.

Et qui êtes-vous ? dit le fils Yu.

Vous ne me connaissez pas, répondit le Maître. Mais je vous connais. En fait, je ne connais pas qui je suis. Vous savez probablement qui vous êtes, mais je ne sais pas qui je suis.

Le fils Yu était effrayé.

Vraiment ? S'exclama-t-il, surpris.

Ensuite on les a présentés l'un à l'autre et le fils Yu dit : D'où venez-vous ?

Je viens d'où je suis venu, dit le Maître.

Le fils Yu trouva la réponse vraiment étrange.

Ensuite le Maître demanda : Et où allez-vous ?

Je ne vais nulle part, dit le fils Yu.

Alors pourquoi me demandez-vous d'où je viens, dit le Maître.

Alors le fils Yu saisit sa main, enchanté.

Cette entrevue étrange était prolongée partout. Le Maître a dit : On vient de nulle part on va nulle part. Ni venu ni allé et pourtant on vient et on va. On vient d'où on est venu. On va où on va. Un des dix appellations du Bouddha est Celui Qui Est Venu Ainsi. Le Sutra du Diamant dit : Parce qu'il vient de nulle part et va nulle part, il est appelé Celui Qui Est Venu Ainsi.

Quand ils se voyaient pour la première fois, ils ne se parlaient pas le fils Yu et le fils Pai. Mais ensuite le fils Yu devint curieux et demanda au Maître d'où il était venu. Au moment où il demanda, raconta le Maître, il sut qu'il avait fait une erreur. Pourquoi ? Ouvrez votre bouche et vous avez tort. Formulez une pensée et vous vous trompez. Rien de ce qui peut être dit n'est le principe réel. Ce qui peut être dit n'est pas l'ultime Dharma. L'ultime Dharma n'est ni parlé ni transmis. Ainsi il serait vu.

LA RESURRECTION

Quand le Maître Hsin Jen a demandé au Maître de l'aider à construire un temple, celui-ci allait au village de Hsi Ta Chu pour emprunter les wagons servant à transporter les matériaux de la construction. Personne ne voulait l'aider. Quand il parla au major Liu Chung Ch'in, le major répondit : Je suis navré, mais à partir d'aujourd'hui, nous sommes extrêmement occupés à cultiver dans les champs et avons besoin de tous les wagons disponibles.

Ce matin-là, l'enfant de la belle soeur du major est mort. Elle emmena l'enfant chez le Maître et demanda : Pourquoi mon enfant est-il mort ? Il était bon et obéissant.

Avez-vous été bon envers vos beaux-parents ? demanda le Maître. Sans doute vous ne l'avez pas été et c'est pourquoi votre enfant est mort.

La famille entière pleurait et présentait leurs excuses. Quand elle rentra à la maison, elle se précipita vers son enfant et le trouvait mort.

Va-t-il mieux ? Demanda le Maître.

Non, dit-elle.

Donnez-le moi, dit le Maître.

Il prit l'enfant dans ses bras, le tapota fermement sur la tête trois fois et l'enfant commença à pleurer. Il se rétablissait complètement. La famille entière prit refuge auprès du Maître ainsi que tout le village.

☐ Celui qui regarde mes défauts, est mon maître. Les gens qui vous montrent les défauts, sont des bons conseillers. Vous devriez les remercier et surtout ne les considérez pas comme des ennemis.

☐ Le stupide croit en vent et eau, l'intelligent croit en esprit et eau. Tout est créé par l'esprit.

☐ Si on veut avoir l'intelligent, il ne faut pas insulter les gens, il ne faut pas frapper les gens, les tuer ou les faire du mal.

☐ Nous devons édifier une œuvre avec le monde, faire du bien pour l'autrui. Si nous ne pensons qu'à tirer du profit personnel ou d'être heureux pour nous-même, ceci n'est pas du tout la pensée d'un être humain.

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Les villageois disaient que le Maître avait la vision céleste, mais le Maître ne fit aucune réponse.

(à suivre)

Le major dit : Vous avez demandé d'utiliser nos chariots ? Vous pouvez les prendre tous. Nous vous aiderons tous à construire le temple.

Après cela, partout où il allait, les gens se disputaient pour lui prêter des chariots. Alors viennent les ennuis.

Ma mère est malade, dit l'un.

Ne pouvez-vous pas l'aider, dit l'autre.

Mon oncle n'est pas bien.

Le Maître épuisait sa force à guérir les malades.

Vous avez travaillé pour les Bouddhas et les Bodhisattvas, ils prendront soin certainement de vous. A partir de maintenant, vous serez guéris, disait-il.

En un mois, plus de huit cents chariots étaient disponibles pour son usage.

C'était l'hiver et le Maître se levait à trois heures du matin et allait travailler dans la neige, portant seulement trois habits en coton. Quand les gens le voyaient, ils s'exclamaient : Il mange seulement un repas par jour et il n'a pas peur du froid. Incroyable !

Quand Li Ch'ing Shan apprenait la guérison miraculeuse du petit Liu, il demanda respectueusement au Maître de guérir son petit frère ; Quand le Maître entra dans la maison, il dit : La maison est remplie d'obscurité. Je ne peux rien faire. Dans quelques jours, un grand malheur arrivera.

Vers la fin de la semaine, Li Ch'ing Shan s'est disputé avec son frère et se suicida. Son frère et sa fille mouraient brusquement par la suite.

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

UNE VISION INATTENDUE

Le roi voulait toujours être sûr que son fils pendant son voyage ne verrait pas quelque chose qui pourrait troubler son esprit. Car ceci pourrait provoquer son désir de quitter le royaume et de suivre la vie sainte. Alors, le jour précédent le voyage du Prince, le roi envoya un ordre à ses domestiques et ses soldats externes. Le message dit : « Par ordre du roi ! Demain, le Prince royal Siddhartha visitera capitale du Kapilavastu. Décorez vos maisons et vos rues et que tout soit embelli en son honneur. Laissez ceux qui sont malades ou malsains ou vieux à l'intérieur de la maison . Rien ne devrait être vu dans la ville qui ne soit pas jeune, juste et beau. » Et alors, très poliment, les soldats ramassaient tous les mendiants dans les rues et les ramenaient dans les endroits où le Prince ne passera pas.

Quand il faisait grand jour, le cocher Channa attela le cheval préféré du Prince Kantaka et sortit à travers les portes du palais avec son passager royal. C'était la première fois que le Prince voyait Kapilavastu depuis qu'il était petit et c'était la première fois que la plupart de citoyens de la ville voyaient leur prince.

Tout le monde était excité et bordait les rues nouvellement décorées pour attirer le regard du beau jeune homme quand il passa. « Qu'est-ce qu'il est grand et beau ! » se disèrent-ils. Regardez ! comme ses yeux et ses sourcils sont brillants ! nous sommes vraiment heureux qu'il soit notre roi un jour. » Et le Prince aussi était enchanté. La ville était étincelante et propre et partout les gens sourient réjouissent et dansent même. Les rues où il passa furent couvertes par des pétales de fleurs que les citoyens lancèrent avec joie vers leur Prince bien aimé. « La chanson était donc vraie, » se souvenait-il joyeusement. « C'est en effet une ville en or, belle et merveilleuse ! »

Mais quand le Prince et son cocher chevauchaient, parmi la foule enchantée, ils aperçurent une vieille personne, courbée et triste. Curieux- Car le Prince n'avait jamais vu une telle personne auparavant- il se tourna vers Chana et lui demanda : « Channa, qui est cette personne là bas ? Pourquoi se penche-t-il et ne danse-t-il pas comme les autres ? Pourquoi son visage n'est pas lisse et brillant comme celui des autres ; Pourquoi est-il pâle et plissé ? Pourquoi est-il si différent des autres ? »

Et Channa montra du doigt l'homme qui restait inaperçu dans la foule et répondit au Prince : « Mon seigneur, c'est juste un vieil homme. »

« Vieux ? » Interrogea le Prince. Cet homme ât-il toujours été vieux auparavant, ou cela lui est-il arrivé récemment ? »

« Non, mon Prince, » répondit Channa. Il y a plusieurs années cet homme ridé devant vous était jeune et fort comme tous les autres que vous voyez ici aujourd'hui. Mais, petit à petit il perdait sa force. Son corps se penchait de plus en plus, la couleur de ses joues disparaissait, puis il perdait ses dents et aujourd'hui il est devenu tel qu'il est. »

Surpris et attristé, Siddhartha interrogea à nouveau : « ce pauvre homme est-il le seul à souffrir de la maladie de la vieillesse ? Ou y en a-t-il d'autres comme lui ? »

« Oh Prince, vous connaissez certainement que tout le monde doit arriver à la vieillesse. Vous, moi, votre femme Yasodhara, Rahula et tout le monde dans le palais- nous vieillirons tous un jour, et nous nous ressemblerons à cet homme. »

Ces paroles choquaient beaucoup le gentil Prince pendant un long moment, il restait sans parler. Il ressemblait à une personne qui fut soudainement effrayé par un éclair. Il retrouva sa voix finalement et parla : « Oh Channa, aujourd'hui j'ai vu quelque chose que je ne m'attendais jamais à voir. Au milieu de tous ces jeunes gens heureux, la vue de cette personne âgée me fait peur. Retournons au palais ; je ne désire plus rien voir. »

Channa obéit. De retour au palais, le Prince rentra dans son palais sans saluer personne, se précipita dans sa chambre et restait assis seul pendant un long moment. Tout le monde a remarqué sa réaction bizarre et essayé de le reconforter. Mais rien ne pouvait l'aider. Il ne touchait à rien au dîner, quoique le chef lui ait préparé son plat préféré. Il ne s'intéressait à la musique ni à la danse, mais restait seul à penser à « la vieillesse, la vieillesse, la vieillesse... »

(à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr
kimquangtu@hotmail.com

Tụng trì Chú Đại Bi, đắc được sự lợi ích, dù suốt thuở vị lai nói cũng không hết được. Phạm là người tụng trì Chú Đại Bi, tuyệt đối chẳng đoạ vào ba đường ác. Nếu đoạ vào ba đường ác, thì Bồ Tát Quán Thế Âm Ngài cũng không thành Phật. Người tụng trì Chú Đại Bi, thì tất cả sự ngu si, nếu không biến thành trí huệ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm Ngài không thành Phật. Chú Đại Bi trị được tám vạn bốn ngàn thứ bệnh của thế gian. Nếu có bệnh tật, thậm chí bác sĩ đông tây cũng bó tay, nếu bạn kiên thành tụng trì Chú Đại Bi, thì nhất định không thuốc mà khỏi bệnh. Tức có thần hiệu không thể nghĩ bàn như thế.

Có người đã được cảm ứng như thế. Chứng bệnh rất là khó chữa trị, tụng Chú Đại Bi làm cho tuyệt chứng hết bệnh. Thần lực của Chú Đại Bi diệu không thể tả. Chỉ xem công phu của các vị như thế nào, ai có tâm thành thì người đó sẽ có cảm ứng, đắc được sự lợi ích. Người có bệnh, thì bệnh sẽ khỏi. Người không bệnh, thì sẽ khai mở trí huệ. Cầu gì được nấy. Cho nên Chú Đại Bi là bất khả tư nghĩ quảng đại linh cảm vô ngại đại bi tâm đà la ni. Đà la ni dịch là tổng trì, "Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa". Tức cũng là Chú hoặc là chân ngôn, là lời bí mật.

Chú có bốn ý nghĩa : 1. Trong Chú có tên của vua quỷ thần, khi tiểu quỷ nghe đến tên vua của chúng, thì chúng chẳng dám làm càn, đều phải giữ quy cụ. 2. Như khẩu lệnh trong quân đội. Tương ứng thì vô sự, không tương ứng thì trị tội. 3. Chú hay bí mật tiêu mất tội nghiệp của bạn, khiến cho người không biết. 4. Chú là lời lẽ bí mật của chư Phật, chỉ có Phật mới biết đạo lý của Chú.

H.T Tuyên Hoá